

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 21/12/2021 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN MIỀN NAM
THE SOUTHERN
FERTILIZER JOINT
STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: **517** /CBTT-PBMN
No.: **517** /CBTT-PBMN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2025
HoChiMinh City, day 01 month 4 year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

To:

- **State Securities Commission;**
- **Hochiminh Stock Exchange.**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam/The Southern Fertilizer Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: SFG

- Địa chỉ/ *Address*: 125B Cách mạng tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh/125B Cach Mang Thang Tam, Ward 5, District 3, Ho Chi Minh City.

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 02838.325.889

Fax: 02838.322.807

- E-mail: congy@phanbonmiennam.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

“Annual Report in 2024 of Southern Fertilizer Joint Stock Company”.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/4/2025 tại đường dẫn <http://www.phanbonmiennam.com.vn> /*This information was published on the company's website on 01/4/2025 (date), as in the link <http://www.phanbonmiennam.com.vn>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify*

that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm:

Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2024.
- Annual Report in 2024.

CÔNG TY CP PHÂN BÓN MIỀN NAM
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
THE SOUTHERN FERTILIZER J.S. COMPANY
(Person authorized to disclose information)



Nguyễn Hồng Trường



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM



125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh



(028) 3832 5889 – 3839 3931



www.reallygreatsite.com



MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán



01 >>>

THÔNG TIN CHUNG

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4 Định hướng phát triển
- 5 Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần phân bón Miền Nam tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương – Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam được thành lập theo quyết định số 426/HC-QĐ ngày 19/4/1976 của Tổng Cục Hóa Chất Việt Nam.

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã chính thức chuyển đổi hình thức quản lý sản xuất kinh doanh sau 34 năm thành lập sang hoạt động mô hình cổ phần hóa chính thức từ ngày 01/10/2010.

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 20/09/2010, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 22/10/2021.

Địa chỉ: 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số điện thoại: (028) 3832 5889 – 3839 3931

Số fax: (028) 3832 2807

Website: <https://phanbonmiennam.com.vn/>

Mã cổ phiếu: SFG

Mệnh giá cổ phần 10.000 đồng

Tổng số cổ phần 47.897.333

Vốn điều lệ (Vốn đầu tư chủ sở hữu)

478.973.330.000 đồng

SẢN PHẨM NỔI BẬT



Phấn bón Miền Nam
NPK 20 - 20 - 15 + TE
Dạng 1 hạt



Phấn bón Miền Nam
BÔNG LÚA NĂNG SUẤT VÀNG



Phấn bón Miền Nam
Supe Lân Long Thành



Phấn bón Miền Nam
SFJC BIO GOLD G.A.P



Phấn bón Miền Nam
BÔNG LÚA NỞ BỤI



PHÂN BÓN LÁ YOGEN
Yogen Beta Kali Humate



Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1976

Ngày 19/04/1976, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được thành lập theo quyết định số 426/HC-QĐ của Tổng cục Hóa chất Việt Nam.

Năm 2010

Ngày 01/10/2010, Công ty Phân bón Miền Nam chính thức chuyển đổi hình thức kinh doanh sang hoạt động mô hình cổ phần hóa với số vốn điều lệ là 377.000.000.000 đồng.

Năm 2012

Ngày 12/06/2012, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thành công để trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 414.699.980.000 đồng.

Năm 2013

Ngày 03/11/2013, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thành công để trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 435.433.060.000 đồng.

Năm 2014

Ngày 01/12/2014, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã chính thức giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán SFG và số lượng 43.543.306 cổ phiếu.

Công ty có 9 đơn vị trực thuộc và một liên doanh với tập đoàn LG Chem, Hàn Quốc. Ngoài ra, Công ty còn thành lập Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Phân bón, chuyên nghiên cứu, phân tích và cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật trên thế giới về nông nghiệp.

Năm 2021

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tổ chức ngày kỷ niệm 45 năm thành lập (19/04/1976 - 19/04/2021).

Năm 2024

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tiếp tục tăng cường đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt các cơ hội từ nền kinh tế đang dần hồi phục đảm bảo lợi ích của khách hàng và lợi tức các cổ đông.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



ĐỊA BÀN KINH DOANH

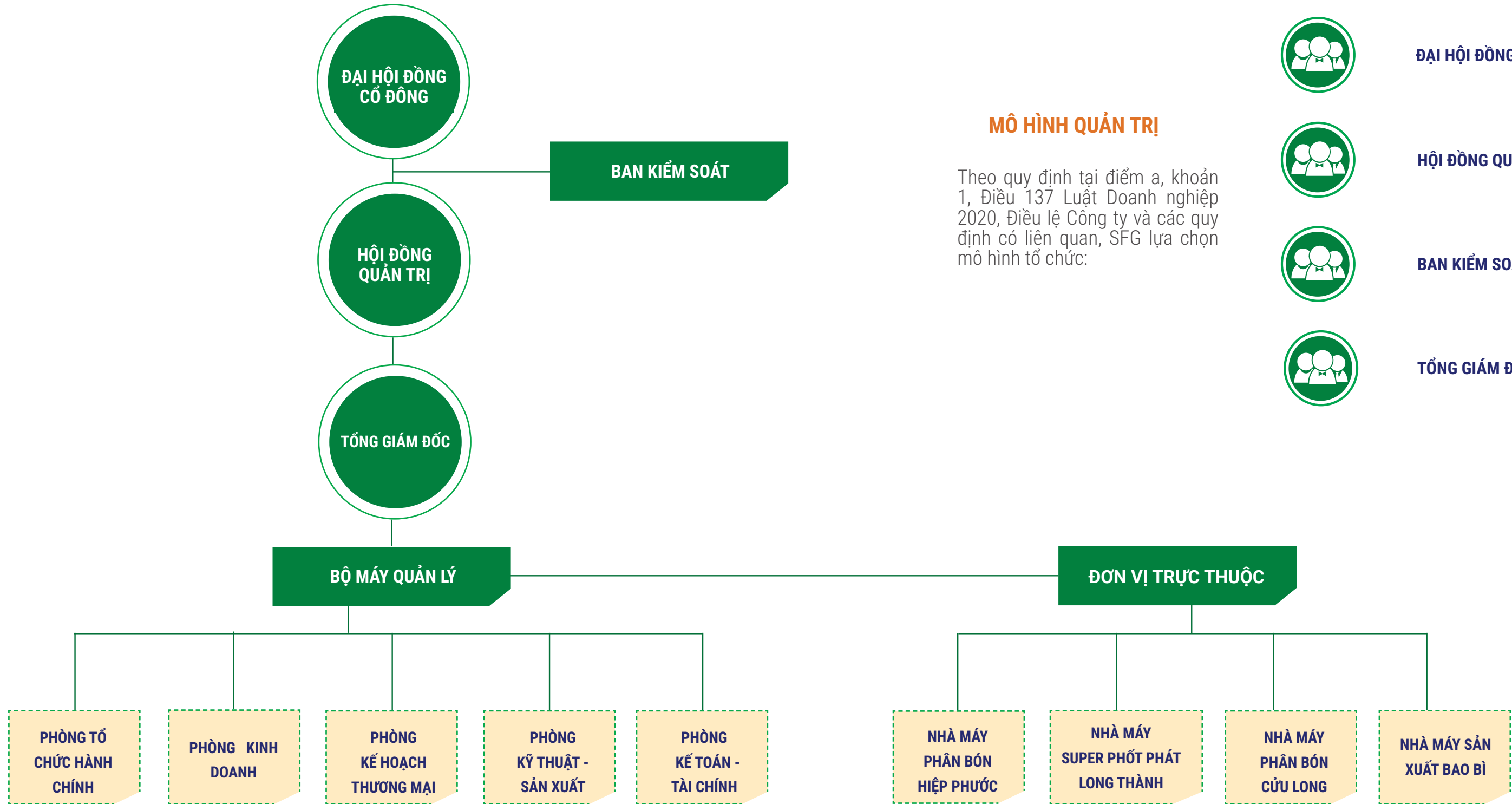
- **Trong nước:** Hoạt động trên cả nước nhưng chủ yếu tập trung ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, miền Trung, Tây Nguyên và một số tỉnh miền Bắc.
- **Nước ngoài:** Hàn Quốc, Phillipines, Malaysia, Campuchia, Lào, Myanma, Ghana...

CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2011	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác, sản xuất các chất phụ gia dùng cho sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng (trừ hóa chất có tính chất độc hại mạnh và không sản xuất tại trụ sở) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).
2012 (Chính)	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón các loại (supe lân, NPK, phân bón lá Yogen) (không hoạt động tại trụ sở)
2021	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. (không hoạt động tại trụ sở)
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì PP và PE (Không hoạt động tại trụ sở)
2394	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất xi măng (không hoạt động tại trụ sở)
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> • Kinh doanh phân bón các loại (supe lân, NPK, phân bón lá Yogen); • Kinh doanh xi măng; • Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác; • Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật; • Kinh doanh bao bì PP và PE (Trừ tồn trữ hóa chất và kinh doanh hoá chất có tính độc hại tại trụ sở) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hoá chất. (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản.
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất phân bón và hoá chất (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở hạ tầng và đầu tư khu dân cư. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho, bãi (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Kinh doanh khai thác cảng biển.
5224	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải, dịch vụ cân xe (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan, SFG lựa chọn mô hình tổ chức:



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BAN KIỂM SOÁT



TỔNG GIÁM ĐỐC

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

CÔNG TY CON

Không có.

CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp (USDđồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty TNHH Hoá chất Chất Hoá dẻo VINA (Công ty TNHH Hoá chất LG VINA)	115 Đường Nguyễn Huệ, Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh hoá chất	5.700.000	35%

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



Nhà máy phân bón Hiệp Phước

Địa chỉ: Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3781 8964

Fax: (028) 3781 8962



Nhà máy Super Phosphate Long Thành

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Gò Dầu – Long Thành – Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 384 1188 – 382 7068

Fax: (0251) 384 1207



Nhà máy Phân bón Cừ Long

Địa chỉ: 405, QL1A, P. Tân Hòa, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: (0270) 382 2421 – 382 2910

Fax: (0270) 380 0215



Nhà máy sản xuất bao bì

Địa chỉ: C1/3 Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3875 0242

Fax: (028) 3875 0242

Định hướng phát triển

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Triển khai tốt kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ và HĐQT phê duyệt;



Nghiên cứu phát triển, sản xuất ra những sản phẩm chất lượng, thân thiện với môi trường, phục vụ nền nông nghiệp, góp phần nâng tầm nông sản Việt;



Tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm. Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh thương mại, tìm kiếm khách hàng mới để xuất khẩu phân bón, đặc biệt chú trọng thị trường Cambodia và Myanmar;



Áp dụng công nghệ vào hoạt động quản lý nhằm nâng cao năng suất, thúc đẩy phát triển nông nghiệp hiện đại đúng theo chiến lược HĐQT đề ra;



Mở rộng thị phần nhằm mang lại việc làm, thu nhập cho người lao động, lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ Nhà nước;



Công tác quan hệ Nhà đầu tư đều đáp ứng về tính tuân thủ, hướng tới chuẩn mực quốc tế.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Tăng cường công tác nghiên cứu và nâng cao chất lượng sản phẩm mới đa dạng về chủng loại, mẫu mã, hàm lượng dinh dưỡng cao đáp ứng được các nhu cầu ngày càng tăng của thị trường;



Củng cố và phát triển thị trường trong nước là ưu tiên hàng đầu để nâng cao thị phần, chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu;



Nâng cao năng lực quản trị trong công tác điều hành, áp dụng công nghệ trong quản lý, duy trì, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.



CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty hiểu rằng để phát triển bền vững, bên cạnh việc mang lại sản phẩm chất lượng cao và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, Ban lãnh đạo luôn chú trọng đến việc đánh giá tác động của các hoạt động sản xuất đối với môi trường và cộng đồng xung quanh.



Đối với người lao động

Công ty không ngừng nỗ lực cung cấp các chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt nhất cho công nhân viên, tạo động lực làm việc và giữ chân người lao động lâu dài. Các nhân viên luôn được tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ... theo quy định của Nhà nước.

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc thân thiện và năng động, khuyến khích công nhân viên phát huy tối đa khả năng của mình, đồng thời đảm bảo quy trình thẳng tiến công bằng và minh bạch, đánh giá hiệu suất công việc dựa trên hiệu suất công việc thực tế.



Đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Công ty đã nghiên cứu và phát triển các sản phẩm hữu cơ thân thiện với môi trường, góp phần thúc đẩy nền nông nghiệp theo định hướng của Chính phủ và bảo vệ cảnh quan, môi trường xung quanh. Đồng thời, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng và xã hội, cùng chung tay xây dựng một xã hội phát triển bền vững và tốt đẹp.

Các rủi ro

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024 tình hình thế giới tiếp tục đối mặt với những diễn biến khó lường và yếu tố bất định. Từ việc leo thang xung đột giữa Nga và Ukraine; các chính sách bảo hộ thương mại tăng cường; chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ ảnh hưởng đến hòa bình và giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào; tình hình thiên tai bão lũ, hạn hán cháy rừng diễn ra khó lường ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội tại nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, kinh tế thế giới cũng nhìn nhận được những yếu tố tích cực từ ổn định thương mại hàng hóa và áp lực lạm phát giảm dần tuy vẫn duy trì mức cao.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tại Việt Nam, mức tăng trưởng GDP cả nước năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong , hoạt động xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024, với tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt mức cao kỷ lục 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước, vượt qua mốc lịch sử 371,82 tỷ USD của năm 2022. Điều này cho thấy, dù tình hình kinh tế còn nhiều biến động, kinh tế nước nhà vẫn duy trì ở mức ổn định nhờ các chính sách kịp thời, đồng bộ của Chính phủ, giúp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, hoạt động thương mại quốc tế trong thời gian qua.

Đối với ngành phân bón, sau giai đoạn thịnh vượng khi giá phân bón biến động mạnh trong giai đoạn 2021 - 2023 do xảy ra chênh lệch cung cầu trong ngắn hạn, gây ra bởi các yếu tố bất định như các chính sách thương mại phân bón, biến động chi phí năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng. Bước sang năm 2024, ngành phân bón đang đối mặt với tình trạng khó khăn khi giá phân bón giảm và tình trạng dư cung ngày càng gia tăng. Nguyên nhân là do nguồn cung từ hai quốc gia Nga và Trung Quốc đã dần nói lỏng sau thời kỳ thắt chặt nguồn cung và các chính sách bảo hộ nội địa. Theo Hiệp hội Phân bón Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu phân bón ghi nhận giảm 47% xuống còn 856 triệu USD so với cùng kỳ năm 2023.

Đứng trước tình hình đó, công ty luôn bám sát và đưa ra các phương án thích nghi với hoàn cảnh thị trường về nguyên vật liệu đầu vào, giá đầu ra và thị trường nội địa, xuất khẩu,... Công ty cam kết phát triển ổn định, an toàn, hiệu quả và bền vững, hội nhập công nghệ và duy trì uy tín thương hiệu.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam là doanh nghiệp đại chúng niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, do đó phải tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, ... và các văn bản pháp lý liên quan. Hơn nữa, với đặc thù hoạt động trong ngành phân bón và hóa chất, Công ty cũng chịu sự chi phối của các quy định về Luật trồng trọt, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật. Không chỉ kinh doanh ở thị trường nội địa, Công ty còn xuất khẩu các mặt hàng phân bón sang Hàn Quốc, Phillipines, Malaysia, Campuchia, Lào, Myanmar. Vì thế Công ty cần liên tục cập nhật các yếu tố môi trường, chính sách thương mại để kiểm soát rủi ro và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, chiều ngày 26/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi đối với ngành phân bón. Theo đó, Luật sửa đổi đã chuyển phân bón từ đối tượng không chịu thuế sang đối tượng chịu thuế suất 5% kể từ ngày 01/7/2025. Điều này cho phép các doanh nghiệp trong ngành phân bón được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, vốn trước đây được tính vào chi phí sản phẩm, qua đó giúp giảm giá thành sản phẩm phân bón đầu ra. Đồng thời, các sản phẩm phân bón nhập khẩu hiện đang có lợi thế khi không phải chịu thuế GTGT ở cả khâu nhập khẩu và đầu ra. Việc áp dụng Luật sửa đổi đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm nội địa, tạo điều kiện thuận lợi để bảo vệ hàng hóa trong nước trước sự cạnh tranh quốc tế. Trước bối cảnh này, Công ty cần nhanh chóng nắm bắt các thay đổi từ Luật sửa đổi và kịp thời điều chỉnh giá phân bón một cách hợp lý, góp phần cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn mà ngành phân bón đang phải đối mặt.



Các rủi ro (tiếp theo)



RỦI RO LÃI SUẤT

Tình hình lạm phát tại các quốc gia trên thế giới đang dần hạ nhiệt, lãi suất điều hành tuy vẫn neo ở mức cao nhưng đã có những bước chuyển tích cực. Tại Mỹ, ngày 18/9/2024 vừa qua, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã quyết định cắt giảm lãi suất cho vay qua đêm 0,5 điểm %, đưa lãi suất này về mức 5%, đây là lần đầu tiên Fed cắt giảm lãi suất kể từ tháng 3/2020, sau 11 lần tăng lãi suất liên tục từ tháng 3/2022, và tiếp tục giảm về 4,75% trong tháng 11 và 4,5% trong tháng 12 năm 2024. Việc Fed giảm lãi suất cũng là động lực để Ngân hàng Trung ương các nước tiếp tục giảm lãi suất, qua đó giảm mặt bằng chung của lãi suất, chi phí vốn vay và đầu tư.

Tại Việt Nam, các Ngân hàng được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo về việc duy trì mức lãi suất hợp lý tạo điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và NHNN đã ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 2/5/2024 về triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 2024, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 27/8/2024 về việc kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, Phân bón Miền Nam luôn theo dõi sát sao và liên tục đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các chính sách tiền tệ cũng như chính sách cho vay của các Ngân hàng, để đưa ra những quyết định về tài chính một cách hợp lý và hiệu quả nhất.



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO



Hiện nay, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam nằm ở cuối chuỗi giá trị ngành phân bón, tập trung sản xuất Super Lân (P) và NPK. Nguồn nguyên liệu đầu vào chính phục vụ sản xuất phân bón của Công ty bao gồm: quặng Apatit, lưu huỳnh, phân Ure (N), phân Kali (K),... Trong đó, ngoại trừ phân Lân được Công ty tự sản xuất và tận dụng làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất phân NPK, phần lớn các nguyên liệu còn lại đều phải nhập khẩu từ nước ngoài. Do nguyên liệu sản xuất đầu vào phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài, đặc biệt từ nên chi phí và biên lợi nhuận Công ty chịu biến động mạnh bởi các sự kiện quốc tế, tiêu biểu như: nguồn cung Ure suy giảm bởi giá khí ở châu Âu và giá than nhiệt ở Trung Quốc tăng cao từ quý 1 năm 2021; nguồn cung Ure của Nga bị đứt gãy và chi phí năng lượng leo thang bởi cuộc xung đột Nga-Ukraine vào tháng 4/2022; Nga cắt giảm nguồn cung khí ở châu Âu và Trung Quốc duy trì thắt chặt xuất khẩu vào 7/2022.

Trong năm 2024, nguồn cung được nới lỏng từ chính sách của 2 quốc gia xuất khẩu lớn là Trung Quốc và Nga, cùng giá nguyên vật liệu đầu vào nhìn chung giảm mạnh về mức nền trong vòng 5 năm trở lại đây cho thấy Công ty ít chịu áp lực về rủi ro nguyên vật liệu đầu vào trong năm. Bên cạnh đó, Công ty luôn nắm bắt tình hình quốc tế, đặc biệt tại các quốc gia xuất khẩu để đưa ra các chính sách dự trữ hàng tồn kho hợp lý, ký kết các hợp đồng tương lai cho từng giai đoạn kinh tế, dự phòng các trường hợp ảnh hưởng từ giá đầu vào cũng như căng thẳng địa chính trị leo thang. Ngoài ra, Công ty cũng luôn tích cực tìm kiếm, đa dạng các đối tác cung cấp nguyên liệu đầu vào để đảm bảo hiệu quả cho việc sản xuất kinh doanh.

Các rủi ro (tiếp theo)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG ĐẦU RA



Trong những năm qua, nông nghiệp hữu cơ đã trở thành một trong những mục tiêu quan trọng mà Chính phủ Việt Nam đặt ra để phát triển nông nghiệp bền vững. Để cụ thể hóa mục tiêu này, đến năm 2030, tỷ lệ phân bón hữu cơ trong tổng lượng phân bón cung ứng trên thị trường cần đạt hơn 30%, với mức sử dụng trong sản xuất nông nghiệp gấp đôi so với năm 2020. Phân bón hữu cơ, với nguồn gốc tự nhiên, không chỉ giúp cải thiện sức khỏe đất mà còn nâng cao năng suất và chất lượng nông sản. Hơn nữa, trong bối cảnh người tiêu dùng toàn cầu ngày càng chú trọng lựa chọn thực phẩm an toàn, việc sử dụng phân bón hữu cơ kết hợp với phân vô cơ chất lượng cao trong sản xuất nông nghiệp đã trở thành xu hướng không thể tránh khỏi. Nhận thức rõ điều này, Công ty đã phát triển các sản phẩm phân bón phù hợp với đặc điểm đất đai của từng khu vực, đảm bảo tiêu chuẩn hữu cơ và xu hướng người tiêu dùng. Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam luôn phải cân nhắc giữa rủi ro và cơ hội để đưa ra mức giá hợp lý, cạnh tranh và phù hợp với giá thị trường, nhằm duy trì thị phần và lợi thế cạnh tranh kể cả nội địa và quốc tế.



RỦI RO KHÁC



Công ty Phân bón Miền Nam cũng phải đối mặt với một số rủi ro khác có thể xảy ra trong các tình huống bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh, ... Mặc dù những rủi ro này hiếm khi xảy ra và khó dự báo, nhưng khi xảy ra, chúng có thể để lại hậu quả nghiêm trọng đối với cả con người và tài sản của Công ty. Để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng, Công ty luôn chủ động bảo vệ bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng chuẩn bị cho những tình huống xấu có thể xảy ra, xây dựng các phương án phòng ngừa và xử lý kịp thời. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cán bộ công nhân viên trong công tác phòng cháy chữa cháy. Việc phổ biến kiến thức này giúp tăng cường khả năng phản ứng nhanh chóng trong trường hợp khẩn cấp và đảm bảo an toàn cho tất cả mọi người tham gia vào quá trình sản xuất.

02 



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tổ chức và nhân sự
- 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 4 Tình hình tài chính
- 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2024

Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức lớn hơn nhiều so với dự báo; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Giá nguyên liệu sản xuất phân bón trên thế giới đa phần có chiều hướng gia tăng. Trong đó, giá Urea biến động thất thường lúc tăng, lúc giảm; giá DAP tăng từ 10 – 25%; giá SA tăng 20%; giá acid tăng 100%, giá Kali ổn định, ảnh hưởng đến kế hoạch dự trữ, sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty luôn nhận được chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, sự đồng lòng của tập thể lãnh đạo Công ty, đặc biệt là những nỗ lực khắc phục khó khăn của người lao động trong toàn Công ty, năm 2024 Công ty

cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chính được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế) đạt 1.611 tỷ đồng, bằng 99,5% so với kế hoạch và bằng 103,2% so với cùng kỳ;
- Tổng doanh thu: đạt 1.639 tỷ đồng, bằng 101% so với kế hoạch và bằng 99,3% so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận: đạt 32,2 tỷ đồng, bằng 100% so với kế hoạch;
- Thu nhập người lao động đạt 14.171.000 đồng/người/tháng, bằng 127% so với kế hoạch và bằng 90% so với cùng kỳ.

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Năm 2024/ Năm 2023
1	Doanh thu thuần	1.558.965	1.600.157	102,64%
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	49.254	26.031	52,85%
3	Lợi nhuận khác	7.727	6.105	79,01%
4	Lợi nhuận trước thuế	56.981	32.136	56,40%
5	Lợi nhuận sau thuế	56.821	25.684	45,20%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.186	342	28,84%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	5%	(*)	-

(*) Cổ tức năm 2024 được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024		TH năm 2024 so với cùng kỳ	TH năm 2024 so với KH
				Kế hoạch	Thực hiện		
I Sản phẩm chủ yếu sản xuất							
1	Phân Lân	Tấn	72.233	85.000	102.037	141,26%	120,04%
2	Phân NPK	Tấn	73.261	85.000	74.378	101,52%	87,50%
3	Axit Sunfuric	Tấn	68.949	90.000	90.809	131,70%	100,90%
4	Bao bì	1.000 cái	7.262	8.400	7.038	96,92%	83,79%
5	Phân bón lá	Tấn	37,05	45	45,59	123,05%	101,31%
II Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ							
1	Phân lân các loại	Tấn	84.186	80.000	89.558	106,38%	111,95%
2	Phân NPK các loại	Tấn	70.133	85.000	67.230	95,86%	79,09%
3	Axit Sunphuric (H2SO4) thương phẩm	Tấn	53.836	65.000	57.626	107,04%	88,66%
4	Bao bì	Tấn	7.307	8.400	7.131	97,59%	84,89%
5	Phân bón lá	1.000 cái	35	45	42	120,00%	93,33%
6	Kinh doanh nguyên liệu	Tấn	47.758	30.000	58.451	122,39%	194,84%
III Tổng doanh thu		Triệu đồng	1.651.679	1.620.000	1.639.825	99,28%	101,22%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	1.560.100	1.610.000	1.605.625	102,92%	99,73%
	Trong đó : Doanh thu xuất khẩu	Triệu đồng	109.964	192.000	92.136	83,79%	47,99%
2	Doanh thu khác	Triệu đồng	91.579	10.000	34.200	37,34%	342,00%
IV Nộp ngân sách		Triệu đồng	11.654	29.504	34.200	293,46%	115,92%
V Xuất khẩu							
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	4.583,70	7.000	3.730	81,38%	53,29%
2	Số lượng SP xuất khẩu	Tấn	11.656	65.000	9.732	83,49%	14,97%
VI Lợi nhuận trước thuế		Triệu đồng	56.980	32.000	32.136	56,40%	100,42%
VII Cổ tức		%	5%	-	(*)	100,00%	

(*) Cổ tức năm 2024 được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty.

Tổ chức và nhân sự

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu			
			Đại diện	Tỷ lệ	Cá nhân	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	11.999.879	25,05%	-	-
2	Đỗ Văn Tuấn	Thành viên HĐQT điều hành, Tổng Giám đốc	9.579.467	20,00%	5	0,00%
3	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT điều hành, Phó Tổng Giám đốc	9.579.467	20,00%	3.049	0,00%
4	Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	-	-
5	Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-	-	-

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị năm 2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đỗ Văn Tuấn	Thành viên HĐQT điều hành	19/04/2024	-
2	Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT	-	19/04/2024

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG NGUYỄN VĂN QUÝ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

- » Ngày sinh: 18/07/1965
- » Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá Vô cơ

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
Từ 1983 - 02/1991	Công nhân, tổ trưởng sản xuất nhà máy supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao
Từ 1991 - 1992	Học trường Đoàn cao cấp Trung ương
Từ 02/1992 - 2000	Phó bí thư, Bí thư Đoàn thanh niên công ty supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao
Từ 09/1994 - 04/2000	Học đại học trường đại học Bách khoa Hà Nội, chuyên ngành Hoá vô cơ
Từ 04/2000 - 05/2002	Phó chủ tịch Công đoàn công ty supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao
Từ 06/2002 - 07/2008	Chánh Văn phòng công ty supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao
Từ 08/2008 - 12/2010	Chánh Văn phòng Đảng uỷ kiêm Chánh Văn phòng Tập đoàn Hoá chất Việt Nam
Từ 01/2011 - 03/2018	Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Từ 04/2018 đến nay	Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ Tập đoàn Hóa chất Việt Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón miền Nam

» **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: 11.999.879 cổ phần, chiếm 25,05% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị (tiếp theo)

ÔNG ĐỖ VĂN TUẤN
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

» **Ngày sinh:** 12/07/1978

» **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tin học Kinh tế, Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán

» **Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
Từ 2001 - 02/2004	Nhân viên của Công ty TNHH Ứng dụng và Phát triển phần mềm tin học - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại số 97 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Từ 03/2004 - 06/2011	Chuyên viên Phòng Kế toán Tài chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
Từ 07/2011 - 01/2016	Trưởng phòng kế toán Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam - Nhà máy Phân bón Hiệp Phước
Từ 02/2016 - 07/2016	Phó phòng Phụ trách phòng Kế toán Tài chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 08/2016 - 06/2017	Trưởng phòng Kế toán Tài chính, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 07/2017 - 05/2018	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty; Trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 06/2018 - 01/2019	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty; Kế Toán trưởng Công ty, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 02/2019 - 06/2020	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty; Kế toán trưởng Công ty, Chi ủy viên Chi bộ Văn phòng – Bao Bì
Từ 07/2020 - 03/2023	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty, Kế toán trưởng Công ty, Chi ủy viên Chi bộ Văn phòng – Bao Bì
Từ 04/2023 - 07/2023	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty, Kế toán trưởng Công ty, Chi ủy viên Chi bộ Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 08/2023 - 18/04/2024	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Chi ủy viên Chi bộ Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 19/04/2024 - 03/9/2024	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Chi ủy viên Chi bộ Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 04/09/2024 đến nay	Bí thư Đảng ủy Công ty, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, Chi ủy viên Chi bộ Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

» **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

» **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Sở hữu cá nhân: 5 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 9.579.467 cổ phần, chiếm 20,00 % vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: ...

ÔNG TRỊNH QUỐC HÙNG
TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

» **Ngày sinh:** 07/01/1974

» **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân khoa học – Ngành Quản trị Kinh doanh

» **Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
Từ 01/1995 - 09/1997	Nhân viên y tế dự phòng bệnh viện Bá Thước tại xã Lâm Xa, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Từ 10/1997 - 06/2005	Kinh doanh tự do
Từ 07/2005 - 12/2012	Nhân viên phòng Tổng hợp Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 01/2013 - 09/2014	Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 10/2014 - 06/2015	Đảng ủy viên, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 07/2015 - 06/2017	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 07/2017 - 04/2018	Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 05/2018 - 06/2020	Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 07/2020 - 12/2021	Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 01/2022 - 21/05/2023	Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 22/5/2023 - 07/2013	Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 08/2023 - 08/2024	Phó Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 09/2024 đến nay	Phó Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo Vina

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị (tiếp theo)

- » Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- » Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 3.049 cổ phần, chiếm 0,00% Vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 9.579.467 cổ phần, chiếm 20,00% Vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 9.579.467 cổ phần, chiếm 20,00% Vốn điều lệ (Tập đoàn Hóa chất Việt Nam)

ÔNG NGÔ NGỌC QUANG

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

» Ngày sinh: 02/03/1979

» Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - ngành Tài chính ngân hàng

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
03/2002 - 01/2005	Cán bộ tín dụng - Chuyên viên Tín dụng Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh
02/2005 – 05/2006	Cán bộ tín dụng - Tổ trưởng tổ thu xếp vốn và tín dụng doanh nghiệp của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh
06/2006 – 08/2006	Trợ lý Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam
09/2006 – 06/2007	Cán bộ tín dụng - Thử thách Phó phòng Tín dụng chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam
07/2007 – 08/2008	Phó phòng phụ trách phòng Đầu tư Dự án chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam
01/09/2008 – 16/03/2009	Phó phòng phụ trách phòng Đầu tư chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam
17/03/2009 - 07/2012	Trưởng phòng Đầu tư chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam
07/2012 - 08/2012	Phó Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam

08/2012 - 09/2013 Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Tây - WTB

10/2013 – 06/2017 Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối khách hàng doanh nghiệp lớn tại Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

06/2017 đến nay Thành viên Hội đồng quản trị Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT - Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có

ÔNG HÀ THÁI SƠN

Thành viên Hội đồng quản trị

» Ngày sinh: 15/10/1971

» Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế, Thạc sĩ khoa học-Kỹ sư Cơ khí

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
Từ 06/2000 - 12/2002	Chuyên viên, Công ty Bảo hiểm Dầu khí Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 12/2002 - 04/2004	Phó phòng Kinh doanh Bảo hiểm 1, Công ty Bảo hiểm Dầu khí Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 05/2004 - 04/2005	Phó phòng kinh doanh, Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí
Từ 04/2005 - 05/2005	Phó phòng Phụ trách Phòng Điều phối Giao nhận, Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí
Từ 06/2005 - 09/2007	Trưởng Phòng Điều phối Giao nhận, Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí
Từ 09/2007 - 07/2008	Trưởng Phòng Điều phối Giao nhận, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí
Từ 08/2008 - 07/2009	Trưởng Ban Điều độ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí. Bí thư chi bộ Điều độ.
Từ 08/2009 - 01/2010	Phó giám đốc Phụ trách Chi nhánh Công ty CP Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Từ 02/2010 - 12/2013	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. Bí thư Chi bộ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 01/2014 - 07/2018	Kinh doanh, đầu tư tự do.
Từ 08/2018 - 06/2020	Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước – Chi nhánh thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam, Bí thư Chi bộ Nhà máy Phân bón Hiệp Phước.
Từ 07/2020 - 04/2022	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam; Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước,
Từ 05/2022 đến nay	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam, Bí thư Chi bộ Nhà máy Phân bón Hiệp Phước – Bao Bì; Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước

» **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

» **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có

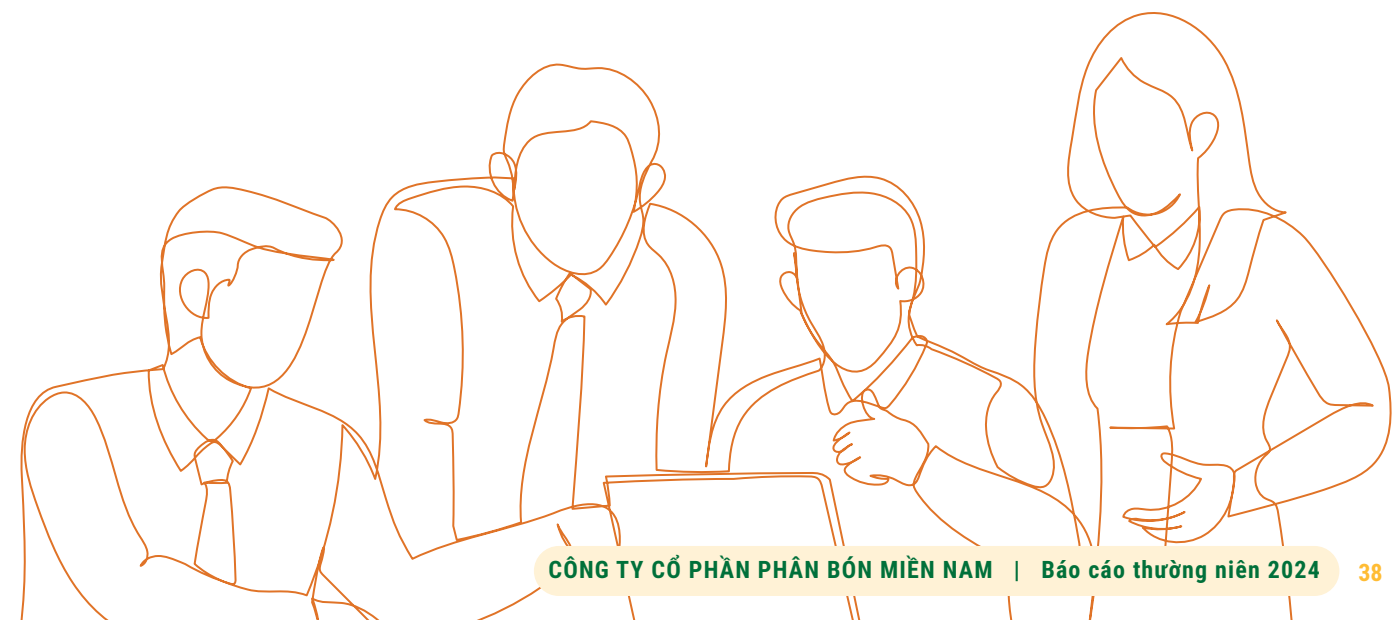
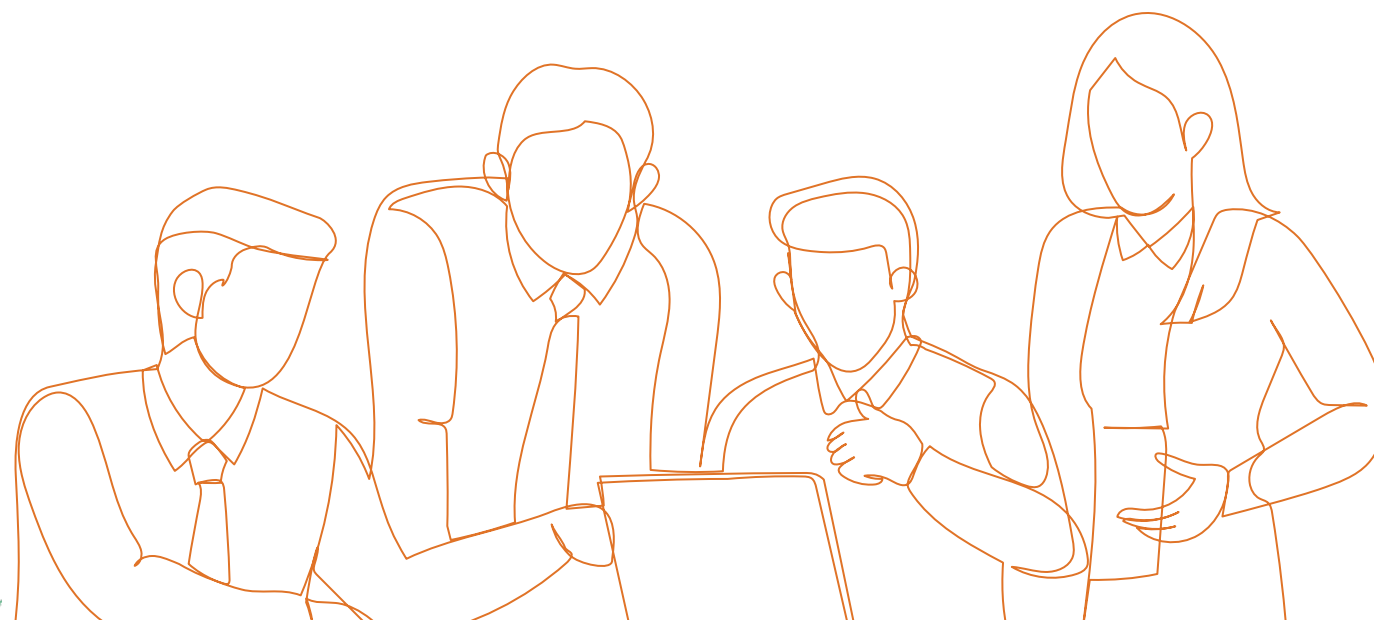
BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu			
			Đại diện	Tỷ lệ	Cá nhân	Tỷ lệ
1	Võ Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	-	-
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-
3	Trần Châu Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-

Những thay đổi trong Ban Kiểm soát năm 2024

Trong năm 2024, Công ty không có thay đổi nhân sự Ban Kiểm soát



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

ÔNG VÕ ANH TUẤN

Trưởng Ban Kiểm soát

- » Ngày sinh: 11/02/1975
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
Từ 06/2001 – 03/2006	Nhân viên kế toán Công Ty TNHH xây dựng Ngân Sơn quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Từ 06/2006 – 12/2013	Nhân viên phòng kế toán Nhà máy Phân bón lá Yogenmitsuivina trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
Từ 01/2014 – 08/2015	Nhân viên phòng kế toán nhà máy phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam .
Từ 09/2015-08/2019	Phó phòng kế toán nhà máy phân bón Hiệp phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
Từ 09/2019 – 06/2020	Phó phòng, Phụ trách phòng kế toán Nhà máy Phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
Từ 07/2020 - 05/2021	Trưởng phòng kế toán Nhà máy Phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam .
Từ 06/2021- 04/2023	Phó giám đốc Nhà máy phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam .
Từ 05/2023 đến nay	Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam, Phó giám đốc Nhà máy phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Sở cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có

BÀ NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

- » Ngày sinh: 22/11/1983
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
Từ 2005 - 2010	Trợ lý kiểm toán, Kiểm toán viên - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Từ 10/2010 - 02/2013	Kế toán tổng hợp - Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
Từ 03/2013 - 06/2014	Trưởng Bộ phận Tài chính Kế toán - Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
Từ 07/2014 - 09/2014	Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
Từ 10/2014 - 11/2019	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Từ 12/2019 - 01/2023	Phó trưởng phòng, Phòng QLTCDA, Ban TCKT –Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Từ 01/2023 đến nay	Phó Trưởng ban Tài chính kế toán - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Từ 01/2015 - 06/2016	Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn
Từ 07/2016 - 04/2023	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn
Từ 05/2015 - 04/2016	Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 05/2016 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát (tiếp theo)

Từ 05/2015 - 05/2021 Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Hóa chất Tây Ninh (nay là Công ty cổ phần Sorbitol Pháp – Việt)

Từ 2016 - 04/2021 Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Từ 06/2020 đến nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao

» **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

» **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có

ÔNG TRẦN CHÂU MINH

Thành viên Ban Kiểm soát

» **Ngày sinh:** 14/12/1978

» **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư điện; Cử nhân kinh tế

» **Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
Từ 03/2002 - 06/2004	Nhân viên tại Công ty Cổ phần Công nghệ Á Châu
Từ 06/2004 - 11/2009	Nhân viên phòng Sản xuất, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 11/2009 - 09/2010	Phó phòng Sản xuất, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 09/2010 - 05/2018	Phó phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 05/2018 - 03/2019	Phó Giám đốc Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 03/2019 - 12/2021	Phó Giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 01/2022 - 05/2023	Phó Giám đốc phụ trách phòng Kỹ thuật - Sản xuất, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Từ 06/2023 đến nay	Giám đốc phòng Kỹ thuật - Sản xuất, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

» **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

» **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu			
			Đại diện	Tỷ lệ	Cá nhân	Tỷ lệ
1	Đỗ Văn Tuấn	Thành viên HĐQT điều hành, Tổng Giám đốc	9.579.467	20,00%	5	0,00%
2	Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-	-
3	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT điều hành, Phó Tổng Giám đốc	9.579.467	20,00%	3.049	0,00%
4	Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng	-	-	-	-

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đỗ Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	04/09/2024	-

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành

ÔNG ĐỖ VĂN TUẤN

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Được trình bày tại phần Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG VŨ MINH TUẤN

Phó Tổng Giám đốc

» Ngày sinh: 08/11/1970

» Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
1981 – 1993	Công nhân Xí nghiệp phân bón Cửu Long trực thuộc Công ty Phân bón Miền Nam
1996 – 2000	Trưởng ca sản xuất Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành trực thuộc Công ty Phân bón Miền Nam
2005 – 2008	Quản đốc phân xưởng Super Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành trực thuộc Công ty Phân bón Miền Nam
2008 – 2013	Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2013 – 2017	Phó Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2019 – 2020	Giám đốc Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2021 – Nay	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Bí thư Chi bộ, Giám đốc nhà máy Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành - Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành (tiếp theo)

ÔNG TRỊNH QUỐC HÙNG

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Được trình bày tại phần Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

BÀ NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Kế toán trưởng

» Ngày sinh: 24/10/1979

» Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - ngành Kế toán

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
11/2001 – 03/2008	Chuyên viên Phòng Kế toán Quỹ Hỗ trợ phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam)
04/2008 – 12/2008	Chuyên viên ban Quản lý dự án nhiệt điện – Tổng Công ty lắp máy Việt Nam
01/2009 – 12/2010	Kiểm soát viên kiêm Phụ trách Phòng Giao dịch Đồng Đa – Ngân hàng TMCP Đại Dương
01/2011 – 06/2014	Kế toán tổng hợp Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC); Thành viên Ban kiểm soát Công ty chế tạo giàu khoan dầu khí (PVShipyard)
07/2014 – 10/2017	Chuyên viên Phòng Kế toán – Tài chính – Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
05/2020 – 07/2023	Phó Giám đốc Kế toán – Tài chính – Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
08/2023 - 02/2024	Phó Giám đốc Kế toán – Tài chính, Phụ trách kế toán – Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
02/2024 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Số lượng nhân sự

534

người
Tại thời điểm 31/12/2024)

Bình quân thu nhập đầu người

14.171

Triệu đồng/người/tháng

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	534	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	148	27,7%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	160	30,0%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	42	7,9%
4	Lao động phổ thông	184	34,5%
B	Theo thời hạn Hợp đồng lao động	534	100%
1	Không xác định thời hạn	300	56,2%
2	Có xác định thời hạn	234	43,8%
3	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0,0%
C	Theo giới tính	534	100%
1	Nam	441	82,6%
2	Nữ	93	17,4%
Tổng cộng		534	100%

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN VIÊN

Nhằm nâng cao trình độ lao động và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền nông nghiệp hiện đại, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo và huấn luyện nghiệp vụ theo định kỳ. Các khóa học được xây dựng bài bản, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và quy chế nội bộ, nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí công việc. Đặc biệt, nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên nòng cốt, công ty chú trọng đưa ra chính sách đào tạo ứng với từng cấp bậc nhân viên khác nhau, số giờ đào tạo sẽ khác nhau. Điều này không chỉ giúp đội ngũ nhân viên nâng cao năng lực mà còn đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu suất trong quá trình làm việc. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng tổ chức các buổi hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức chuyên ngành nông nghiệp, tạo điều kiện để nhân viên và cộng đồng có cơ hội giao lưu, học hỏi lẫn nhau.

Hoạt động tuyển dụng nhân sự đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành đội ngũ nhân viên chất lượng cao cho Công ty. Quy trình tuyển dụng được xây dựng rõ ràng, đảm bảo tính công bằng và đáp ứng đúng nhu cầu của Công ty. Bên cạnh đó, quá trình này được triển khai một cách bài bản và minh bạch, giúp Công ty thu hút được những ứng viên xuất sắc, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

VỀ TUYỂN DỤNG



VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Công ty luôn nỗ lực tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và lành mạnh, đảm bảo thời gian làm việc đủ 8 giờ mỗi ngày. Đồng thời, chúng tôi tập trung vào các yếu tố như điều kiện làm việc, trang thiết bị hiện đại và mối quan hệ gắn kết giữa các nhân viên để thúc đẩy tinh thần đoàn kết và nâng cao hiệu suất công việc. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên theo dõi, đánh giá và cải thiện môi trường làm việc, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu và mong muốn của toàn thể cán bộ, nhân viên cũng như người lao động.

Công ty xây dựng chính sách lương và thưởng hợp lý, phù hợp với từng vị trí công việc và tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước để bảo vệ quyền lợi của người lao động. Công ty sẽ tổ chức các cuộc họp định kỳ để xem xét và quyết định điều chỉnh lương, nhằm đảm bảo công bằng và thúc đẩy động lực làm việc cho nhân viên. Ngoài ra, Công ty cung cấp bữa ăn trong giờ làm việc, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn lao động và luôn chú trọng đến phúc lợi, chăm sóc sức khỏe nhân viên, nhằm xây dựng một đội ngũ làm việc đoàn kết và sáng tạo.

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ ĐÃI NGỘ



Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

STT	Tên tài sản	Giá trị (đồng)
1	Nhà kho số 7 - NM Phân bón Cửu Long	4.455.983.978
2	Điều hòa tủ đứng LG Inverter 48.000 BTU ZPNQ48LT3A0/ZUAD3 (3 pha)	39.137.205
3	Điều hòa tủ đứng LG Inverter 48.000 BTU ZPNQ48LT3A0/ZUAD3 (3 pha)	39.137.206
4	Xe nâng hàng hiệu TCM model FD45T9 Mitsubishi S6S _NM Phân bón Hiệp Phước	987.311.111
5	Xe đào (máy đào) bánh lốp Hyundai R140W-9S (HQ)	2.251.851.852
6	Cân sấy ẩm - Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành	47.200.000
7	Bồn chứa axit tuần hoàn G1005B - Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành	2.193.330.370
TỔNG CỘNG		10.013.951.722



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp (USDđồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty TNHH Hoá chất Chất Hoá dẻo VINA (Công ty TNHH Hoá chất LG VINA)	115 Đường Nguyễn Huệ, Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh hoá chất	5.700.000	35%

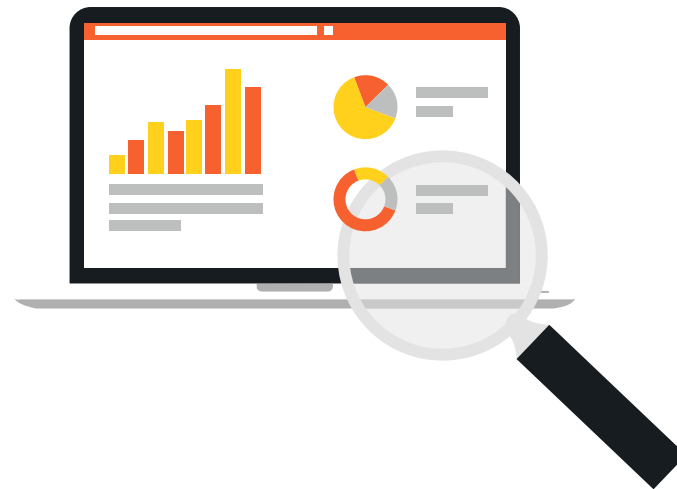


Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Năm 2024/ Năm 2023
1	Tổng giá trị tài sản	1.243.947	1.381.797	111,08%
2	Doanh thu thuần	1.558.965	1.600.157	102,64%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	49.254	26.031	52,85%
4	Lợi nhuận khác	7.727	6.105	79,01%
5	Lợi nhuận trước thuế	56.981	32.136	56,40%
6	Lợi nhuận sau thuế	56.821	25.684	45,20%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%	(*)	-

(*) Cổ tức năm 2024 được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,69	1,54
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,25	0,95
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,46%	53,01%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	90,34%	112,81%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,54	4,20
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,34	1,22
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3,64%	1,61%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	8,92%	3,94%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,87%	1,96%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,16%	1,63%

Tình hình tài chính

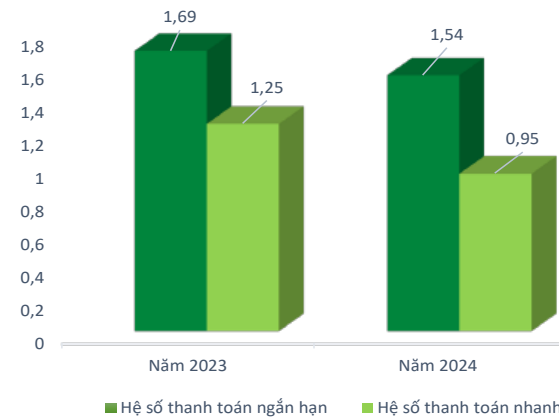
Trong năm 2024, hệ số thanh toán ngắn hạn Công ty đạt 1,4 lần, giảm nhẹ so với mức 1,69 lần vào thời điểm cuối năm 2023, hệ số thanh toán nhanh đạt 0,95 lần, giảm nhẹ so với mức 1,25 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tốc độ tăng trưởng của nợ ngắn hạn nhanh hơn tài sản ngắn hạn, lần lượt ở mức 24,08% và 12,95%. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty tăng vay và nợ thuê tài chính để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024. Đồng thời, Công ty cũng giảm các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn để gia tăng dự trữ hàng tồn kho và tăng công nợ cho khách hàng. Các biện pháp này giúp Phân bón Miền Nam duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh, giữ vững thị phần hiện tại, trong bối cảnh ngành phân bón vẫn đối mặt với nhiều khó khăn.

Trong năm 2024, các chỉ số về cơ cấu vốn của công ty đều có xu hướng tăng nhẹ so với cùng kỳ. Trong đó, hệ số nợ / tổng tài sản tăng từ 47,46% lên mức 53,01%, đồng thời hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 90,34% lên 112,81% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc các khoản chiếm tỷ trọng lớn như vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng lên được Công ty dùng để bổ sung vốn lưu động, chủ yếu là hàng tồn kho trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý không chỉ giúp Công ty gia tăng nguồn lực cho hoạt động kinh doanh mà còn tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, tạo động lực tăng trưởng lợi nhuận cho các hoạt động chính của Công ty.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

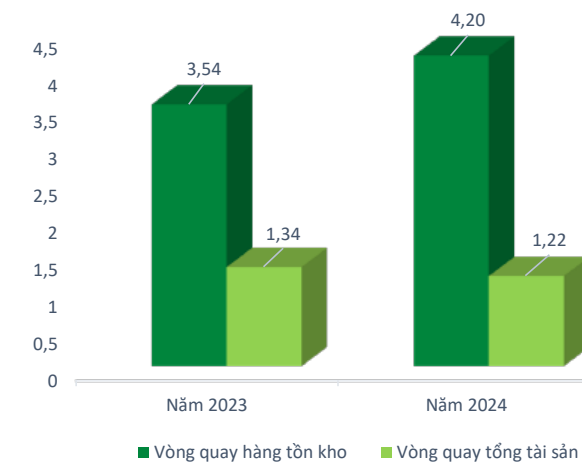
01

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



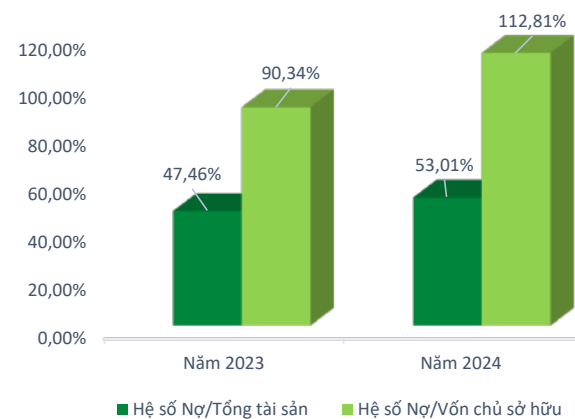
03

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



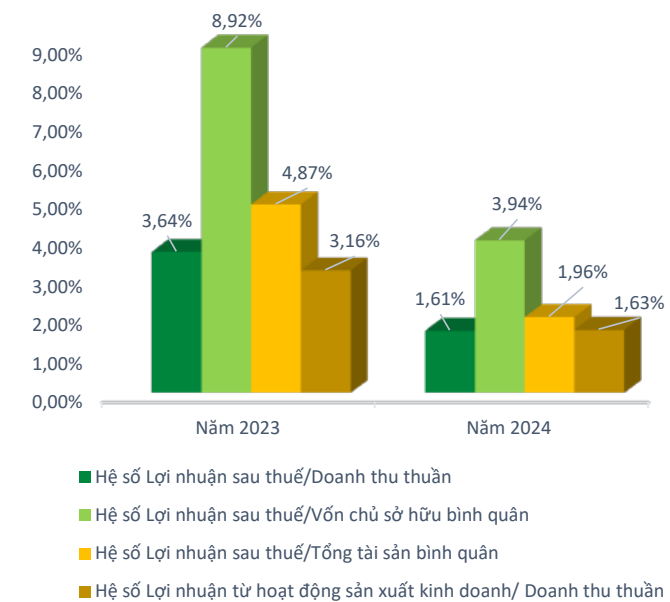
02

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



04

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Vòng quay hàng tồn kho bình quân của Phân bón Miền Nam trong năm 2024 đạt 4,20, tăng mạnh so với mức 3,54 vòng tại năm 2023. Lượng hàng tồn kho bình quân trong giai đoạn 1/1/2024 - 31/12/2024 thấp hơn giai đoạn 1/1/2023 - 31/12/2023. Tuy nhiên, vào cuối năm 2024, lượng hàng tồn kho của Công ty đã tăng trở lại lên mức 435 tỷ đồng, tăng hơn 66% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy sự chuẩn bị của Công ty trước triển vọng phục hồi của ngành phân bón.

Vòng quay tổng tài sản trong năm 2024 đạt 1,22 lần, giảm nhẹ so với mức 1,34 vòng vào năm 2023, chủ yếu do tổng tài sản tăng 11,08%, cao hơn mức tăng doanh thu thuần đạt 2,64%. Tuy nhiên, chỉ số này vẫn duy trì ở mức ổn định, thể hiện rằng Phân bón Miền Nam đã sử dụng tài sản một cách hiệu quả để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2024, các chỉ số về khả năng sinh lời của Phân bón Miền Nam ghi nhận mức giảm nhẹ so với năm trước. Cụ thể các chỉ số về khả năng sinh lời lần lượt là lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần đạt 1,61%, lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân đạt 3,94%, lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân đạt 1,96% và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ doanh thu thuần đạt 1,63%. Trong đó, về doanh thu, năm 2024 Công ty ghi nhận doanh thu thuần ổn định với mức tăng trưởng nhẹ 2,64% so với năm 2023. Đồng thời, lợi nhuận trước thuế đã đạt kế hoạch 32.000 triệu đồng do Hội đồng quản trị đề ra trong , điều này cho thấy, hiệu quả hoạt động của Công ty luôn được đảm bảo và duy trì ở mức ổn định.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 47.897.333 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 47.897.333 cổ phiếu
- Số phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	31.158.813	311.588.130.000	65,05%
II	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI	-	-	0,00%
1	Tổ chức	-	-	0,00%
2	Cá nhân	-	-	0,00%
II	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	-	-	0,00%
1	Tổ chức	-	-	0,00%
2	Cá nhân	-	-	0,00%
III	Công đoàn công ty	167.642	1.676.420.000	0,35%
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	0,00%
V	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	0,00%
VI	Cổ đông khác	16.570.878	165.708.780.000	34,60%
1	Tổ chức	554.079	5.540.790.000	1,16%
2	Cá nhân	16.016.799	160.167.990.000	33,44%
Tổng cộng (II+III)		47.897.333	478.973.330.000	100,00%
Trong đó: - Trong nước		47.797.560	477.975.600.000	99,79%
- Nước ngoài		99.773	997.730.000	0,21%

(*) Căn cứ vào Danh sách cổ đông được chốt ngày 18/03/2024



TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Căn cứ công văn số 4709/UBCK-PTTT ngày 18/07/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Phân Bón Miền Nam (SFG), tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của SFG là 0%.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2024 vừa qua, Công ty không phát sinh hoạt động tăng vốn chủ sở hữu. Từ năm 2017 đến năm 2024, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên ở mức 478.973.000.000 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG



Công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất và phát triển. Nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, công ty không chỉ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về môi trường mà còn chủ động nghiên cứu, áp dụng các công nghệ thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động sản xuất.



Phát thải khí nhà kính trực tiếp

Công ty xuất phân bón và các sản phẩm nông nghiệp với quy trình công nghệ hiện đại, sử dụng hóa chất trong sản xuất, dẫn đến phát sinh khí nhà kính trực tiếp. Trong quá trình sản xuất, khí thải từ các dây chuyền sản xuất, như khí thải từ các lò sấy, nồi hơi và các công đoạn hóa học, là một trong những nguồn phát thải chính.

Để hạn chế tác động này, công ty đã đầu tư vào các hệ thống xử lý khí thải tiên tiến. Cụ thể, các công trình xử lý khí thải bao gồm hệ thống lọc bụi qua công nghệ Cyclone và buồng hấp thụ khí thải màng nước, hệ thống tháp rửa khí kiểu venturi và tháp hấp thụ có xúc tác. Những

biện pháp này giúp giảm thiểu tối đa lượng khí thải gây ô nhiễm, đồng thời duy trì chất lượng không khí tại các khu vực sản xuất.

Công ty thực hiện quan trắc khí thải định kỳ tại các nhà máy, bao gồm cả các công trình khí thải của dây chuyền sản xuất axit và các công đoạn sấy, nghiền nguyên liệu. Các kết quả quan trắc đều cho thấy các chỉ số khí thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đảm bảo không gây hại cho môi trường xung quanh.



Phát thải khí nhà kính gián tiếp

Bên cạnh phát thải khí nhà kính trực tiếp từ quy trình sản xuất, Công ty cũng có một phần tác động gián tiếp đến môi trường thông qua việc tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là điện và nhiên liệu. Công ty sử dụng một lượng lớn điện và năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch như than đá và dầu trong sản xuất. Những nguồn năng lượng này đóng góp vào việc phát thải khí CO₂ và các khí nhà kính khác, ảnh hưởng gián tiếp đến môi trường toàn cầu.

Để giảm thiểu tác động này, Công ty đã thực hiện các biện pháp tối ưu hóa năng lượng và áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng. Công ty cũng khuyến khích việc sử dụng năng lượng tái tạo và luôn tìm kiếm các giải pháp thay thế ít phát thải hơn để giảm thiểu khí nhà kính gián tiếp. Bên cạnh đó, các nhà máy và văn phòng của công ty đều được thiết kế thông minh để tận dụng tối đa nguồn năng lượng tự nhiên, góp phần làm giảm nhu cầu sử dụng năng lượng điện và các nguồn năng lượng hóa thạch.

Trong năm 2024, tổng khối lượng chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại được Công ty ghi nhận như sau:

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt năm 2024: 50,80 tấn.
- Tổng khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2024: 209,93.
- Tổng khối lượng chất nguy hại năm 2024: 3.128,5 kg.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty đặc biệt chú trọng đến việc lựa chọn các nguyên liệu đầu vào, bao gồm kali, DAP, Ure, lưu huỳnh, apatit và nhiều loại khác. Công ty hợp tác với các nhà cung cấp uy tín, đảm bảo chất lượng nguyên liệu luôn đạt tiêu chuẩn cao nhất. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng ý thức sâu sắc về tác động của các hóa chất này đến môi trường. Vì vậy, Công ty không chỉ nỗ lực duy trì nguồn cung ổn định mà còn tối ưu hóa quy trình vận chuyển và sản xuất để giảm thiểu mọi ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Các hoạt động này được thực hiện song song với các biện pháp bảo vệ môi trường, cam kết giảm thiểu phát thải, tiết kiệm tài nguyên và đảm bảo nguồn năng lượng sử dụng là bền vững.

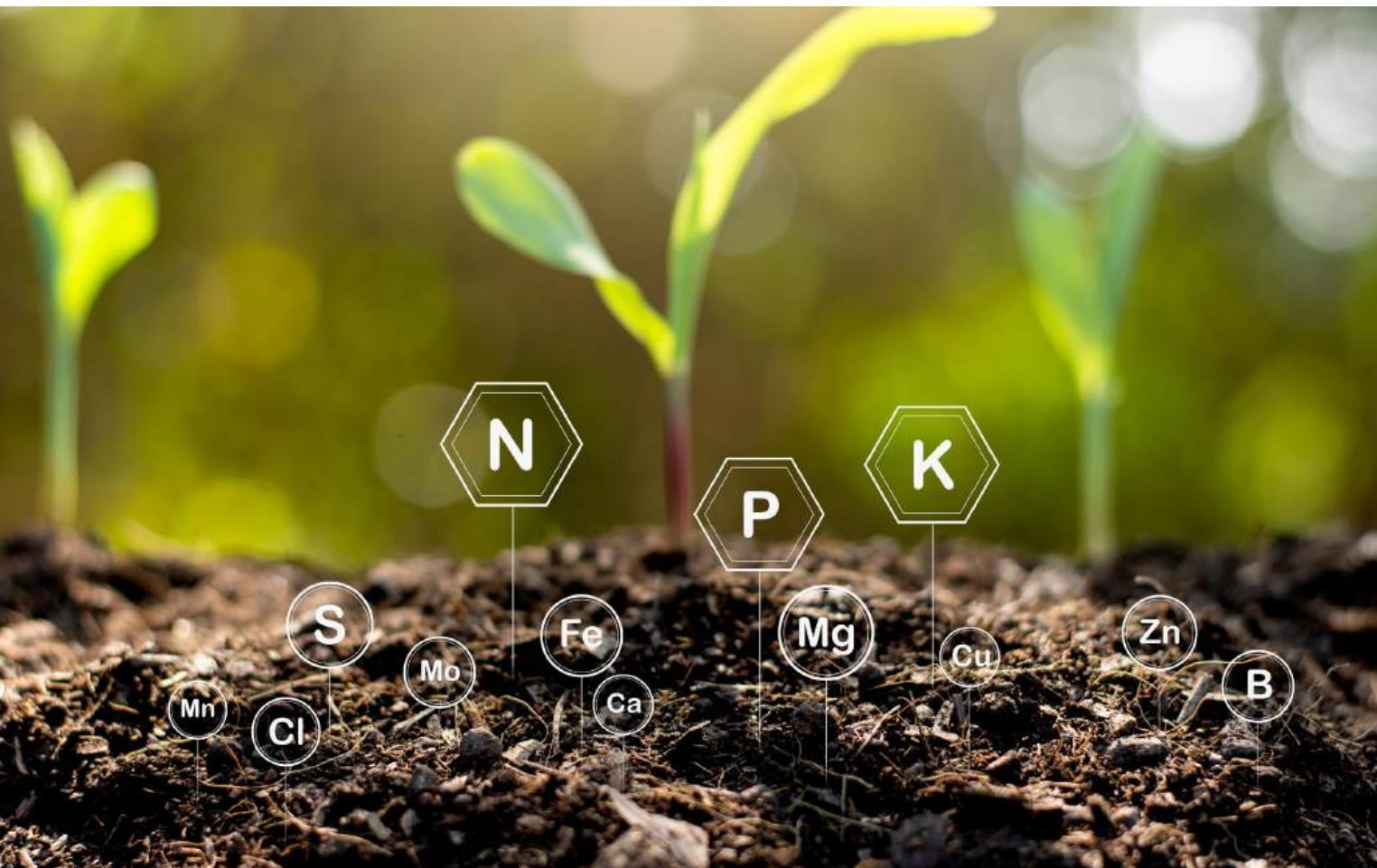
Để đạt được mục tiêu này, Công ty liên tục đầu tư nâng cấp máy móc và trang thiết bị, coi đó là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển. Việc này giúp quy trình sản xuất diễn ra hiệu quả và an toàn hơn. Ngoài ra, Công ty cũng đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo nhân viên về tỷ lệ hóa chất, giúp họ nắm vững công nghệ sản xuất mới nhất và tối ưu hóa quy trình. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn giảm thiểu chi phí sản xuất.

Cuối cùng, mục tiêu của Công ty không chỉ là duy trì chất lượng sản phẩm mà còn tối ưu hóa mọi khía cạnh của hoạt động kinh doanh liên quan đến hóa chất. Công ty luôn hướng trách nhiệm bảo vệ môi trường, đồng thời tối ưu hóa lợi ích kinh tế và xã hội trong quá trình sản xuất.



Nguyên vật liệu chính trong quá trình sản xuất trong năm 2024 của Công ty bao gồm:

S TT	Loại nguyên liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2024
1	UREA	Tấn	9.435
2	DAP	Tấn	7.748
3	SA	Tấn	18.735
4	Kali Clorua	Tấn	9.957
5	Suppe Lân	Tấn	555
6	Lân nung chảy	Tấn	164
7	Lân trắng	Tấn	1.917
8	MAP	Tấn	2.544
9	Quặng apatit	Tấn	65.596
10	Lưu huỳnh	Tấn	7.007
11	NaCl	Tấn	295
12	Nguyên liệu hữu cơ	Tấn	1424
13	Phụ gia	Tấn	72.723
14	Trung vi lượng	Tấn	4.103
15	Phế phẩm NPK	Tấn	9.591
16	Nhựa PP, PE, HDPE	Tấn	458
TỔNG CỘNG		Tấn	212.252



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Điện năng là nguồn năng lượng chính phục vụ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt tại Công ty cũng như nhà máy. Nhằm giảm thiểu mức tiêu thụ năng lượng và hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp hiệu quả. Trọng tâm là việc đảm bảo các thiết bị, máy móc vận hành một cách tiết kiệm điện và đạt hiệu suất tối ưu. Song song đó, Công ty cũng tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thúc đẩy tinh thần tiết kiệm năng lượng trong toàn thể cán bộ, nhân viên.

Không chỉ dừng lại ở điện năng, việc tiêu thụ nhiên liệu như xăng và dầu trong hoạt động vận chuyển cũng được Công ty đặc biệt quan tâm. Các biện pháp như kiểm soát tốc độ, tối ưu hóa lộ trình, sử dụng phương tiện vận chuyển hiệu suất cao và bảo dưỡng định kỳ đã được áp dụng nhằm giảm thiểu lãng phí năng lượng.

Bên cạnh đó, Công ty đã đề ra và thực hiện nhiều sáng kiến tiết kiệm năng lượng, bao gồm việc kiểm tra, bảo trì định kỳ các thiết bị máy móc, kịp thời sửa chữa để tránh gián đoạn sản xuất, đồng thời giảm thiểu lãng phí nguyên liệu, than đá và điện năng. Công ty cũng quản lý chặt chẽ hiệu suất sản xuất để hạn chế sản phẩm không đạt chuẩn, giảm thiểu nhu cầu xử lý lại và tiết kiệm chi phí điện năng.

Trong năm 2024, tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ của Công ty là:

Than		Dầu		Gas	
Lượng sử dụng năm 2024 (tấn/năm)	Lượng sử dụng năm 2023 (tấn/năm)	Lượng sử dụng năm 2024 (tấn/năm)	Lượng sử dụng năm 2023 (tấn/năm)	Lượng sử dụng năm 2024 (tấn/năm)	Lượng sử dụng năm 2023 (tấn/năm)
2.190,974	3.591,615	35,64	46,70	4,030	4,260



TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty không chỉ chú trọng vào việc tiết kiệm điện năng mà còn đặc biệt quan tâm đến việc sử dụng nước hiệu quả trong quá trình hoạt động. Chính sách tiết kiệm nước đã được triển khai tại các nhà máy và văn phòng để giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng nước. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các chiến dịch tuyên truyền, khuyến khích mọi người sử dụng tài nguyên nước một cách có trách nhiệm và tiết kiệm. Mục tiêu của các chiến dịch này là nâng cao nhận thức về vai trò quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước, giúp giảm thiểu lãng phí và đảm bảo sự bền vững của tài nguyên nước.

Công ty cũng thực hiện kiểm tra định kỳ hệ thống cấp nước nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời các sự cố, giảm thiểu thất thoát và đảm bảo nguồn nước được sử dụng một cách hiệu quả và bền vững. Đây là một yếu tố quan trọng trong cam kết của Công ty đối với việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Trong năm 2024, tổng lượng nước và điện năng tiêu thụ của Công ty là:

Nước mặt		Nước ngầm		Điện	
Lượng sử dụng năm 2024 (m3/năm)	Lượng sử dụng năm 2023 (m3/năm)	Lượng sử dụng năm 2024 (m3/năm)	Lượng sử dụng năm 2023 (m3/năm)	Lượng sử dụng năm 2024 (m3/năm)	Lượng sử dụng năm 2023 (m3/năm)
90.883	83.735	Không	Không	9.652.577	9.198.194



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật lao động để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động, đồng thời phù hợp với thực tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Công ty cũng tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật lao động đến người lao động, người sử dụng lao động và các bên liên quan. Đồng thời, Công ty chú trọng giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật lao động bởi các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan, nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động một cách đầy đủ và kịp thời. Cam kết của Công ty là xây dựng môi trường làm việc an toàn, công bằng và tích cực cho tất cả nhân viên.



Công ty luôn đặt ưu tiên đến việc đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người lao động thông qua việc triển khai các chương trình y tế định kỳ, khám sức khỏe và bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp. Công ty đã xây dựng và duy trì môi trường làm việc an toàn, bảo vệ người lao động khỏi các nguy cơ về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp thông qua các quy trình kiểm tra an toàn lao động nghiêm ngặt. Các trang thiết bị bảo hộ lao động như mũ bảo hiểm, kính, khẩu trang, găng tay, và áo bảo hộ được cung cấp đầy đủ cho tất cả nhân viên, đảm bảo họ được bảo vệ trong suốt quá trình làm việc. Bên cạnh đó, công ty cũng xây dựng các chế độ phúc lợi hợp lý như bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai

nạn lao động và hỗ trợ tài chính trong các trường hợp khó khăn, nhằm nâng cao chất lượng sống và tạo động lực cho người lao động phát triển nghề nghiệp lâu dài tại công ty.

Ngoài ra, các chương trình đào tạo nội bộ, các khóa học chuyên môn, và các buổi hội thảo được tổ chức thường xuyên, giúp người lao động nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm. Công ty cũng khuyến khích nhân viên tham gia các khóa học bên ngoài và hỗ trợ tài chính cho các chương trình đào tạo phù hợp với công việc. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả công việc mà còn tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp cho toàn thể CBCNV.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện nghiêm túc quy trình xử lý chất thải theo đúng yêu cầu của pháp luật. Mục tiêu của Công ty là không để xảy ra bất kỳ vi phạm nào liên quan đến công tác xử lý chất thải, đảm bảo an toàn cho môi trường. Công ty luôn chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó kịp thời đối với các sự cố môi trường, đặc biệt là trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại. Ngoài ra, công ty không ngừng cải tiến công tác quản lý chất thải, áp dụng công nghệ

tiên tiến để tối ưu hóa quy trình xử lý, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Công ty cũng chú trọng việc nâng cao nhận thức và đào tạo cho cán bộ, công nhân viên về các quy định pháp luật môi trường, khuyến khích nhân viên tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, nhằm xây dựng một môi trường làm việc xanh, sạch và bền vững, từ đó góp phần duy trì một môi trường sản xuất an toàn và giảm thiểu tác động xấu đến thiên nhiên.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty không chỉ thành công trong lĩnh vực kinh doanh của mình mà còn chú trọng và thể hiện rõ trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương. Hành động này không chỉ là một biểu hiện của sự nhạy bén đối với nhu cầu xã hội mà còn thể hiện tinh thần đoàn kết và chăm sóc đối với những người cần giúp đỡ. Trong việc hỗ trợ cộng đồng, Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động nhân đạo và từ thiện. Các hoạt động như ngày hội hiến máu tình nguyện, hỗ trợ gia đình khó khăn, vay tiền sửa chữa nhà, xây nhà tình nghĩa, và thăm hỏi những khu vực có công với cách mạng là những ví dụ khác về sự cam kết của Công ty đối với trách nhiệm xã hội.



Bên cạnh đó, Công ty không chỉ dừng lại ở những hoạt động trực tiếp mà còn tổ chức các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về nông nghiệp cho cộng đồng nông dân ở địa phương và toàn quốc. Thông tin từ những buổi hội thảo này được tổng hợp và chia sẻ trên Website của Công ty nhằm hỗ trợ những nông dân không thể tham gia trực tiếp do vấn đề địa lý. Điều này không chỉ góp phần nâng cao kiến thức nông nghiệp mà còn thể hiện cam kết của Công ty đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng nông dân.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Công ty chưa có hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tình hình tài chính
- 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 5 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỦA NĂM 2024

Thuận lợi

- Giá bán của một số mặt hàng nông sản chủ lực tăng như cà phê, điều, tuy nhiên sản lượng lại thấp do ảnh hưởng của thời tiết;
- Công ty sản xuất và kinh doanh nhiều ngành hàng như phân bón NPK, phân Lân, Phân bón lá, Axít, Bao bì. Sự đa dạng về sản phẩm là một lợi thế giúp Công ty chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Các sản phẩm sản xuất ổn định về chất lượng màu sắc, đặc biệt là nhóm sản phẩm phân bón NPK hạt nhỏ từ đầu năm 2023 khi Công ty đưa ra thị trường đã được bà con nông dân cũng như các nhà phân phối ưa chuộng và đánh giá rất cao;
- Tình hình tài chính của Công ty luôn được duy trì lành mạnh và ổn định được các ngân hàng xếp hạng doanh nghiệp loại 1 giúp Công ty có thể chủ động đàm phán với các ngân hàng để có đủ vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Ban Điều hành, các tổ chức đoàn thể và người lao động luôn đoàn kết, có sự đồng thuận, thống nhất cao trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ và các giải pháp để hoàn thành một số chỉ tiêu quan trọng do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty giao trong năm 2023.

Khó khăn

- Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, nhanh và khó lường, cạnh tranh chiến lược gay gắt; xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia như Nga – Ukraine, Trung Đông, căng thẳng gia tăng ở bán đảo Triều Tiên, an ninh mạng diễn biến phức tạp tác động đến hòa bình, ổn định trên thế giới, làm suy giảm hệ thống thương mại, đầu tư, sản xuất và tiêu dùng;
- Thiên tai, thời tiết cực đoan, hạn hán, mưa trái mùa, mưa đá, đặc biệt là cơn bão số 3 (bão Yagi) đã gây thiệt hại nghiêm trọng, nặng nề về người và tài sản, gây gián đoạn hoạt động sản xuất nông nghiệp tại miền Bắc, ảnh hưởng đến kế hoạch tiêu thụ của Công ty;
- Giá nguyên liệu sản xuất phân bón trên thế giới đa phần có chiều hướng gia tăng. Trong đó, giá Urea biến động thất thường lúc tăng, lúc giảm; giá DAP tăng từ 10 – 25%; giá SA tăng 20%; giá acid tăng 100%, giá Kali ổn định, ảnh hưởng đến dự trữ, sản xuất và kinh doanh của Công ty;
- Phân bón nhập khẩu không phải chịu thuế giá trị gia tăng. Điều này đã tạo điều kiện cho hàng ngoại nhập có lợi thế để áp đảo hàng sản xuất trong nước về giá, tạo sự cạnh tranh không lành mạnh;
- Phân bón nhập khẩu vào các thị trường truyền thống của Công ty tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn do giá xuất khẩu khó cạnh tranh với các nhà xuất khẩu đến từ các nước khác, đặc biệt là xuất khẩu đến từ Trung Quốc;
- Quặng apatit nguyên khai phục vụ cho sản xuất phân lân khan hiếm, chất lượng chưa đáp ứng, để đạt chất lượng, công ty phải bổ sung hoạt chất, dẫn đến tăng chi phí.

Tổng quan

Trong bối cảnh nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt là ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại, xung đột địa chính trị tại Trung Đông và cuộc chiến tranh quân sự Nga – Ukraine, Công ty đã phải đối mặt với những khó khăn lớn, từ giá cả nguyên liệu, năng lượng đến vận chuyển đồng thời thời tiết bất thường cũng gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và Ban Lãnh đạo Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty đã tích cực xây dựng và triển khai chương trình công tác linh hoạt, đồng thời đề xuất các chủ trương, giải pháp. Cùng với sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã khéo léo huy động nội lực, vận dụng sức mạnh của hệ thống lãnh đạo và thực

hiện các nhiệm vụ chính trị để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra.

Công ty đang phải đối mặt với những thách thức trong sản xuất kinh doanh phân bón khi giá phân bón đầu ra giảm và nguồn cung dư thừa, ảnh hưởng từ các quốc gia xuất khẩu lớn trên thế giới nới lỏng xuất khẩu. Điều này đã gây ảnh hưởng đến sản lượng và tiêu thụ của Công ty, khiến cho kế hoạch không đạt được như dự kiến. Tuy nhiên, Ban Điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt về sản xuất, tiêu thụ, và kinh doanh thương mại, đạt được các chỉ tiêu chính như giá trị sản xuất công nghiệp, doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch. Điều này thể hiện sự linh hoạt và sẵn sàng ứng phó của Công ty trong bối cảnh khó khăn, đồng thời là kết quả của sự đoàn kết và quản lý hiệu quả.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

“ Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước do sự hiệu quả trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám đốc.



Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

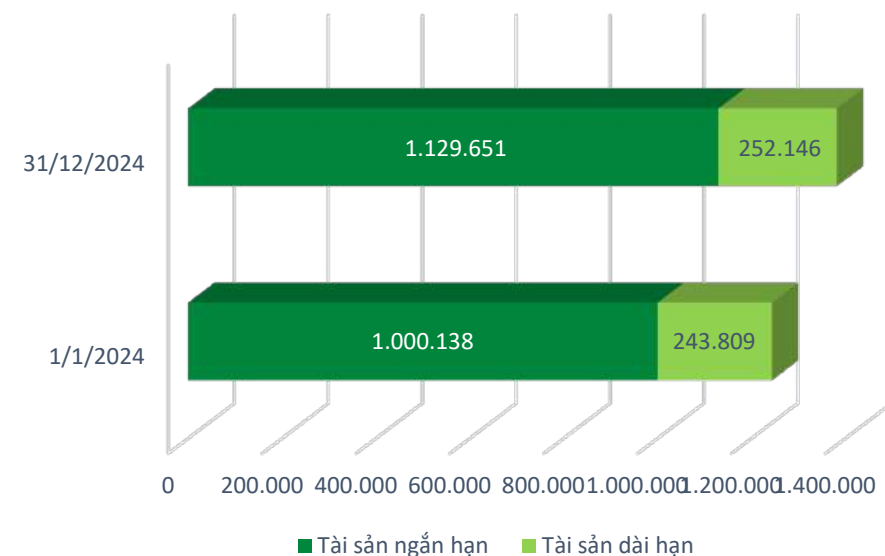
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2024	Tỷ trọng	31/12/2024	Tỷ trọng	% Thay đổi so với kỳ trước
Tài sản ngắn hạn	1.000.138	80,40%	1.129.651	81,75%	112,95%
Tài sản dài hạn	243.809	19,60%	252.146	18,25%	103,42%
Tổng tài sản	1.243.947	100,00%	1.381.797	100,00%	111,08%

Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản của Phân bón Miền Nam ghi nhận sự tăng nhẹ, đạt 1.381.797 triệu đồng, tăng khoảng 11,08% so với cùng kỳ năm trước. Xét về cơ cấu tỷ trọng, không có nhiều sự thay đổi trong cơ cấu tổng tài sản.

Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu với 81,75% trong cơ cấu, đạt 1.129.651 triệu đồng, tăng 12,95% so với cùng kỳ trong năm 2023. Trong năm, Công ty đã thu về các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã chi đầu tư vào các ngân hàng Thương mại Cổ phần vào năm trước, với khoảng 167 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty gia tăng hàng tồn kho (bao gồm hàng đang trên đường, nguyên vật liệu, hàng hóa, ...) khoảng 173 tỷ đồng và tăng các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng lên 105 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn vẫn duy trì mức ổn định, đạt 252 tỷ đồng, không thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 18,25% trong cơ cấu tài sản của Công ty năm 2024.



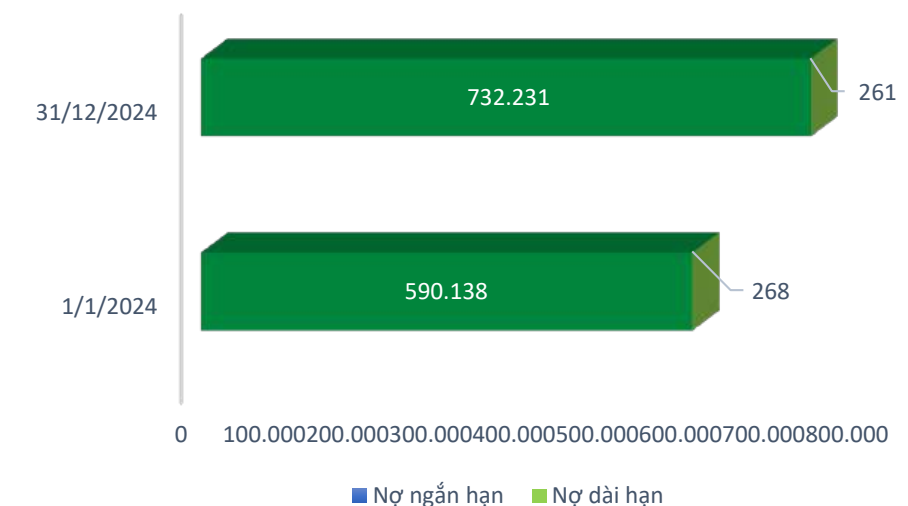
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2024	Tỷ trọng	31/12/2024	Tỷ trọng	% Thay đổi so với kỳ trước
Nợ ngắn hạn	590.138	99,95%	732.231	99,96%	124,08%
Nợ dài hạn	268	0,05%	261	0,04%	97,39%
Tổng nợ phải trả	590.406	100,00%	732.492	100,00%	124,07%

Tính từ thời điểm 31/12/2024, tổng nợ phải trả tăng vượt trội so với năm trước, đạt 732.231 triệu đồng, tăng 24,08% so với cùng kỳ năm trước. Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn, chiếm 99,96% trong tổng nợ phải trả. Do đặc thù công ty thuộc ngành sản xuất, nợ ngắn hạn phát sinh chủ yếu trong quá trình sản xuất, cụ thể là các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, trong năm 2024, Công ty đã tăng khoản nợ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn thêm 149 tỷ đồng, tương đương mức tăng khoảng 30% so với năm trước.

Nợ dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, chiếm 0,05% trong cơ cấu, giảm nhẹ còn 261 tỷ đồng so với mức 268 tỷ vào năm 2023. Theo đó, tính tới 31/12/2024, Công ty không chịu áp lực bởi khoản vay dài hạn nào.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

- Để tinh gọn bộ máy, Công ty đã tiến hành rà soát: Giải thể Bộ phận Quản lý chất lượng, giải thể Bộ phận Chăm sóc khách hàng và Phát triển thương hiệu, giải thể tổ in bao tại Nhà máy Phân bón Cửu Long, nhân sự các bộ phận giải thể được bố trí công việc phù hợp với nhu cầu quản lý của Công ty và trình độ chuyên môn, năng lực công tác của từng cá nhân;
- Thực hiện quy trình bổ nhiệm Kế toán trưởng, Phó Giám đốc phòng Kinh doanh, Phó Giám đốc Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành theo đúng quy định;
- Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 – 2026 và giai đoạn 2026 – 2031;
- Tổ chức thi nâng bậc, chuyển xếp lương cho người lao động trong toàn Công ty; Tuyển dụng nhân sự cho phòng Kinh doanh, phòng Kỹ thuật - Sản xuất, Tổ chức - Hành chính, phòng Kế hoạch - Thương mại;
- Tăng lương cho Người lao động theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; ban hành quy định trả lương cho phòng Kinh doanh và Văn phòng Công ty;
- Trong năm 2024, Công ty đã sửa đổi, bổ sung và ban hành: Quy chế quản lý công tác sửa chữa tài sản cố định (Quyết định số 19/QĐ-HĐQT, ngày 19 tháng 6 năm 2024); Quy chế quản lý dự án đầu tư (Quyết định số 20/QĐ-HĐQT, ngày 19 tháng 6 năm 2024); Quy chế quản lý đi nước ngoài và đoàn nước ngoài vào làm việc (Quyết định số 38/QĐ-HĐQT, ngày 30 tháng 8 năm 2024); Quy định mức tiêu hao vật tư - kỹ thuật cho các sản phẩm NPK, SFJC Bio-Gold G.A.P và Bao bì (số 03B/QĐ-HĐQT, ngày 10 tháng 01 năm 2024);
- Ban hành Nội quy lao động, Quy định quản lý môi trường, vệ sinh công nghiệp; Quy định phân định trách nhiệm về công tác An toàn vệ sinh lao động;
- Triển khai phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương và quản lý văn bản đi và đến trong toàn Công ty.

- Tham gia Ngày hội Kết nối thương hiệu do Đảng ủy khởi các cơ quan trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức; tiếp tục phối hợp với một số cơ quan, đơn vị báo chí như Báo nông nghiệp hữu cơ, báo Công thương, báo Bộ Công thương, báo Báo pháp luật, báo Nông nghiệp, Trung tâm Thông tin của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam để quảng cáo sản phẩm của Công ty;
- Rà soát để triển khai quảng cáo trên bảng pano quảng cáo sản phẩm của Công ty tại một số vị trí quan trọng theo mùa vụ để tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH

- Chỉ đạo phòng Kế toán - Tài chính Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về công tác hoạch toán, thống kê và báo cáo đúng quy định, thời gian và chất lượng báo cáo;
- Chỉ đạo phòng Kế toán - Tài chính Công ty đánh giá, phân tích tình hình tài chính, rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh để kịp thời có các giải pháp tài chính đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Quản lý an toàn tiền, tài sản, nguồn vốn và thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo toàn vốn theo đúng quy định của pháp luật; kiểm soát thường xuyên, chặt chẽ các khoản doanh thu, chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý;
- Kiểm soát các khoản trích nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách, các quỹ. Thực hiện nộp thuế và các báo cáo ngân sách nhà nước theo quy định;
- Chỉ đạo phòng Kế toán - Tài chính tiếp tục duy trì mối quan hệ với Ngân hàng và các tổ chức tín dụng, đảm bảo nguồn vốn với chi phí lãi vay phù hợp để có đủ nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Trong năm 2024, hoạt động tài chính của Công ty mang về doanh thu tài chính đạt 24,332 tỷ đồng góp phần vào hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- Chỉ đạo phòng Kế toán - Tài chính phối hợp với các phòng và các đơn vị trực thuộc thực hiện bán hàng thu nợ theo đúng quy chế quản lý nợ của Công ty, kiên quyết không giao hàng cho những khách hàng có nợ quá hạn thanh toán, không để phát sinh nợ quá hạn khó đòi; công nợ phải thu tại ngày 31/12/2024 đạt tỷ lệ 12%/doanh thu (theo quy chế quản lý nợ, tỷ lệ nợ phải thu/doanh thu là 18%/doanh thu).

VỀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

- Tiếp tục triển khai trình diễn sản phẩm và hội thảo tại các khu vực trọng điểm như: Trình diễn bộ sản phẩm chuyên dùng trên cây lúa, sầu riêng tại An Giang, trình diễn phân bón lá Yogen và SFJCBio-Gold G.A.P tại Kiên Giang, trình diễn sản phẩm SFJCBio-Gold G.A.P tại Long An, v.v. Kết quả: Đã giới thiệu các sản phẩm tiêu biểu của Công ty tới người nông dân như: Sản phẩm hữu cơ 100% từ nguồn gốc thực vật SFJCBio-Gold G.A.P sử dụng cho cây ăn trái đặc biệt là trên cây sầu riêng; Phân bón chuyên dùng cho lúa như Bông lúa Nở bụi, Bông lúa Năng suất vàng; Yogen β Kalihumate, Yogen 14; Yogen 22; Yogen Yophos; Yogen No2. Ngoài ra còn giới thiệu các sản phẩm khác như: NPK 15-15-15+TE; NPK 20-5-5+TE; NPK 16-16-8+6S+TE,...
- Triển khai chương trình khuyến mại Được Mùa Vàng - Trúng Quà To. Tuy không đạt được sản lượng như kế hoạch đặt ra nhưng sản lượng bán ra vẫn tăng 13% so với cùng kỳ năm 2023 tại khu vực Tây Nguyên;
- Phối hợp với đài truyền hình VTV thực hiện quảng bá thương hiệu Công ty thông qua chương trình "Bạn của nhà nông"; đài truyền hình Vĩnh Long thực hiện quảng bá thương hiệu Phân bón Miền Nam và Lân Long Thành qua chương trình truyền hình "Thần tài gõ cửa"; quảng cáo sản phẩm Supe Lân qua kênh Radio của các tỉnh thành trên một số khu vực các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Ninh. (phát sóng 2 đợt/năm, 1 đợt kéo dài 02 tháng);

Nâng tầm nông sản Việt

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, SỬA CHỮA

- Chỉ đạo phòng Kỹ thuật - Sản xuất Công ty phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện các dự án/hạng mục đầu tư đúng tiến độ. Tiến hành rà soát, đôn đốc thực hiện các dự án đầu tư mua sắm thiết bị; sửa chữa phục vụ sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Công ty; Chỉ đạo quản lý tốt máy móc thiết bị; chuẩn bị đủ vật tư dự phòng và có kế hoạch thay thế, sửa chữa phù hợp; làm chủ thiết bị, công nghệ để vận hành sản xuất, đạt công suất nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm; Kết quả cụ thể như sau:
- Trong năm 2024, số dự án ước thực hiện 06 hạng mục gồm: Thùng chứa hoá chất (3.000m³), Xe đào, Thùng chứa axit tuần hoàn G1005B, Nồi hơi dây chuyền axit H₂SO₄ 98%, Trao đổi nhiệt E1002 tại Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành; Xe nâng hàng tại Nhà máy Phân bón Hiệp Phước; Đầu tư sửa chữa nhà kho số 7 tại Nhà máy Phân bón Cửu Long, ước thực hiện năm 2024: 27,433 tỷ đồng. Đạt 87,8% kế hoạch. Đối với sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên năm 2024, ước thực hiện năm 2024: 53, 300 tỷ đồng. Đạt 97,4% so với kế hoạch;
- Làm việc với Công ty tư vấn để chuẩn bị cho công tác đầu tư cao ốc văn phòng, dự kiến 7/2026 hoàn thành các thủ tục để khởi công;
- Chỉ đạo phòng Kỹ thuật - Sản xuất và Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành nâng cấp, bổ sung thiết bị để chạy quặng Apatit tuyển đảm bảo chất lượng, sản lượng để cung cấp cho thị trường.

VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT

- Xây dựng, ban hành các quy trình kiểm tra, giám sát chất lượng trong các công đoạn sản xuất túi PE;
- Đăng ký giấy phép lưu hành, công bố hợp quy 03 sản phẩm NPK (Lúa xanh NPK 22-14-4+TE, Lúa vàng NPK 17-3-20+TE, SFJC Bioganic Gold Gap và sản phẩm Supe Lân Long Thành New);
- Triển khai thực hiện các thủ tục để xin giấy phép kinh doanh, sản xuất hóa chất của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam và tại Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành;
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng đối với nguyên liệu đầu vào, chất lượng sản phẩm trong sản xuất và đưa ra thị trường tiêu thụ; luôn tìm tòi, nghiên cứu để xây dựng công thức phối liệu tối ưu cho các loại sản phẩm để hạ giá thành trong sản xuất nhưng luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm;
- Xây dựng quy trình sản xuất phù hợp với máy móc, thiết bị để kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất nhằm hạn chế tiêu hao nguyên nhiên, vật liệu trong quá trình sản xuất;
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tập huấn, huấn luyện an toàn, kỹ năng nghề cho người lao động trực tiếp sản xuất nhằm đảm bảo an toàn, bảo vệ tài sản của Công ty và con người trong quá trình vận hành sản xuất.

VỀ CÔNG TÁC SÁNG KIẾN CẢI TIẾN MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Nghiên cứu, cải tạo thiết bị sản xuất supe lân sử dụng quặng apatit tuyển tại Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành: Dây chuyền sản xuất sử dụng quặng apatit tuyển vận hành ổn định, đạt chất lượng, giảm tiêu thụ điện, giảm chi phí sử dụng nhiên liệu, giảm nhân lực vận hành.
- Thiết kế, cải tạo thiết bị xuất sản phẩm NPK xả trực tiếp vào container tại Nhà máy Phân bón Hiệp Phước: Hệ thống xuất hàng xả vận hành ổn định, đạt chất lượng, đúng kế hoạch đề ra. Xuất hàng trực tiếp vào container 20 feet (đặt trên khung xe) đạt 27 tấn/container, năng lực xuất đạt 10 container/ca.
- Sử dụng phụ gia trong phân bón lá Yogen dạng bột gói 10g, 20g không còn hiện tượng chảy nước của túi yogen dạng bột;
- Thiết kế thay đổi vật liệu bọc lót thùng chứa axit tuần hoàn G1005A từ gạch chịu axit sang sử dụng vật liệu PTFE dạng tấm (teflon) dây chuyền Sản xuất Axit Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành.

CHĂM LO ĐỜI SỐNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định cho người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo thỏa ước lao động tập thể, đảm bảo đời sống và thu nhập của người lao động. Thu nhập bình quân thực hiện năm 2024 là: 14.171.000 đồng/người/tháng, bằng 101,2% so với kế hoạch.

Thu nhập bình quân thực hiện năm 2024

14.171.000

đồng/người/tháng

bằng **101,2%** so với kế hoạch

HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ VÀ AN SINH XÃ HỘI

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức Công đoàn các cấp cùng với công ty, đơn vị tùy theo khả năng thực tế của mỗi đơn vị, tích cực tham gia thực hiện công tác an sinh xã hội, hoạt động từ thiện, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng. Hiện nay các đơn vị trong Công ty đang nhận nuôi, phụng dưỡng 02 mẹ với mức 2.000.000 đồng/mẹ/tháng. Các chương trình xây dựng nhà "Mái ấm công đoàn", cho vay tiền sửa chữa nhà cho người lao động trong Công ty và các hoạt động xã hội từ thiện khác luôn được quan tâm; tổ chức đi thăm, chúc tết và tặng quà cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, người lao động sản xuất trong dịp nghỉ Tết; xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ khuyến học, ủng hộ các địa phương chăm lo tết cho người nghèo, ủng hộ các địa phương bị ảnh hưởng cơn bão số 3 (Yagi), tổ chức ngày hội gia đình. Tổng chi phí cho các hoạt động là 3,1 tỷ đồng.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Năm 2025, là một năm có những thuận lợi đối với ngành phân bón khi giá nông sản có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi (VAT) áp thuế suất 5% đối với mặt hàng phân bón sẽ chính thức được áp dụng từ ngày 01/7/2025.

Sự ổn định trong chuỗi cung ứng và năng lực xuất khẩu mạnh mẽ sẽ tiếp tục đảm bảo nguồn cung đáp ứng tốt nhu cầu nội địa. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) như RCEP và EVFTA tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu phân bón từ các nước có lợi thế cạnh tranh về giá như Nga, Trung Quốc và Indonesia. Điều này không chỉ giúp bổ sung nguồn cung mà còn hạn chế tình trạng tăng giá đột biến do khan hiếm cục bộ. Bên cạnh đó, nhu cầu gia tăng nhờ mở rộng diện tích canh tác và áp dụng công nghệ nông nghiệp dự báo sẽ thúc đẩy nhu cầu phân bón.

Bên cạnh cơ hội, ngành phân bón đối mặt với những thách thức như xu hướng nông nghiệp hữu cơ tại các nước phát triển có thể làm giảm nhu cầu phân bón hóa học. Ngoài ra, các hiện tượng thời tiết cực đoan như El Nino và La Nina có thể ảnh hưởng đến sản lượng nông nghiệp, từ đó tác động đến nhu cầu sử dụng phân bón.

Trước những thuận lợi và khó khăn nêu trên, Ban Điều hành Công ty đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	KH năm 2025 so với TH 2024 (%)
I Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
1	Phân Lân	Tấn	102.037	95.000	93%
2	Phân NPK	Tấn	74.378	90.000	121%
3	Axit Sunfuric	Tấn	90.809	96.000	106%
	Sản xuất	Tấn	26.223	28.000	107%
	Nhập khác	Tấn	64.586	68.000	105%
4	Bao bì	1.000 cái	7.038	8.500	121%
5	Phân bón lá	Tấn	45,59	50	110%
II Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ					
1	Phân lân các loại	Tấn	89.558	88.000	98%
2	Phân NPK các loại, trong đó:	Tấn	67.230	90.000	134%
	Sản phẩm tiêu thụ nội địa	Tấn	57.498	70.000	122%
	Sản phẩm xuất khẩu	Tấn	9.732	20.000	206%
3	Axit Sunphuric (H2SO4) thương phẩm	Tấn	57.626	68.000	118%
4	Bao bì	Tấn	7.131	8.500	119%
5	Phân bón lá	1.000 cái	42	50	119%
6	Kinh doanh nguyên liệu	Tấn	58.451	45.000	77%
III	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.639.825	1.700.000	104%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	1.605.625	1.680.000	105%
	Trong đó : Doanh thu xuất khẩu	Triệu đồng	92.136	184.000	200%
2	Doanh thu khác	Triệu đồng	34.200	20.000	58%
IV Xuất khẩu					
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	3.730	7.500	201%
2	Số lượng SP xuất khẩu	Tấn	9.732	20.000	206%
VI	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	32.136	35.000	109%
VII	Cổ tức	%	5%	Dự kiến không thấp hơn thực hiện năm 2024	

Kế hoạch phát triển trong tương lai

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, Công ty sẽ tập trung vào các biện pháp sau:

- **Sản xuất và kinh doanh:** Chủ động ứng phó với biến động thị trường, điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt, mở rộng thị trường (đặc biệt Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long và Campuchia), phát triển kênh bán hàng trực tuyến và tìm kiếm nguồn nguyên liệu mới. Xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng.
- **Phát triển thị trường và thương hiệu:** Tăng cường quảng bá thương hiệu và sản phẩm trên các nền tảng số, duy trì và mở rộng thị trường, chú trọng đánh giá và cải thiện chất lượng dịch vụ, điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt và nâng cao chất lượng kênh thông tin hỗ trợ khách hàng. Tinh gọn danh mục sản phẩm và đẩy mạnh xây dựng thương hiệu.
- **Quản lý sản xuất:** Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, cải tiến máy móc và quy trình để giảm chi phí, nghiên cứu và ứng dụng nguyên liệu mới. Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ kiểm soát chất lượng.
- **Chiến lược sản phẩm:** Mở rộng sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ, hướng đến sản phẩm chất lượng cao, an toàn và thân thiện với môi trường. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.
- **Khoa học công nghệ và môi trường:** Tiếp tục cải tiến công nghệ, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.
- **Quản lý tài chính:** Duy trì nguồn vốn ổn định, quản lý chặt chẽ công nợ và hàng tồn kho, kiểm soát chi phí.
- **Đầu tư và sửa chữa:** Triển khai các dự án đầu tư và sửa chữa, tìm kiếm giải pháp kéo dài tuổi thọ thiết bị, xây dựng phần mềm quản lý máy móc và chuyển đổi sang sử dụng xe nâng điện.
- **Tổ chức và nhân sự:** Kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- **Chế độ tiền lương:** Xây dựng chế độ tiền lương phù hợp để thu hút và giữ chân người lao động.
- **Hoạt động từ thiện và xã hội:** Tiếp tục các hoạt động hướng đến cộng đồng.
- **Phong trào thi đua:** Đẩy mạnh phong trào thi đua để hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ VỀ MÔI TRƯỜNG

Ban Tổng Giám đốc ghi nhận và đánh giá cao việc Công ty đã thực hiện đầy đủ các kế hoạch và quy định về môi trường, đồng thời tuân thủ các chính sách của Chính phủ và phù hợp với xu hướng toàn cầu. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện quản lý chất thải hiệu quả, bảo vệ cảnh quan và môi trường, đồng thời tôn trọng và đảm bảo sự hài hòa với cộng đồng xung quanh. Sản phẩm của Công ty không chỉ đạt tiêu chuẩn chất lượng cao mà còn thân thiện với môi trường.

ĐÁNH GIÁ VỀ NHÂN SỰ

Trong tổng quan về năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao việc giải quyết các vấn đề nhân sự một cách hiệu quả và phù hợp. Công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự đã được thực hiện tốt, cùng với việc cải thiện đáng kể mức lương, chính sách bảo hiểm, an toàn lao động và thưởng. Công ty cũng chú trọng tạo dựng một môi trường làm việc công bằng, lành mạnh và văn minh. Các hoạt động như buổi liên hoan và các sự kiện đoàn thể không chỉ giúp giảm bớt căng thẳng mà còn góp phần thắt chặt tình đoàn kết giữa các nhân viên.

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG – XÃ HỘI

Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao và ghi nhận những nỗ lực của Công ty trong việc thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương. Việc hỗ trợ và tài trợ cho các gia đình và tổ chức khó khăn không chỉ giúp nâng cao hình ảnh tích cực của Công ty mà còn khẳng định vị thế đáng tin cậy của Công ty trong cộng đồng. Công ty cũng góp phần vào sự phát triển địa phương bằng cách tạo ra cơ hội việc làm cho cư dân thông qua việc tuyển dụng lao động địa phương. Bên cạnh đó, các hội thảo nhằm nâng cao kỹ năng cho nông dân cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cộng đồng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- 1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 3 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động và cạnh tranh gay gắt, Công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty đã đạt được những điểm sáng nổi bật, thể hiện sự vững vàng trong quản lý và hiệu quả trong vận hành:

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Sản lượng sản xuất nhiều sản phẩm chủ lực đạt và vượt kế hoạch đề ra, nổi bật là:

- Phân lân đạt 102.037 tấn (120,04% kế hoạch và 141,26% so với cùng kỳ năm trước).
- Axít Sunfuric đạt 90.809 tấn (100,90% kế hoạch, tăng 31,7% so với cùng kỳ).
- Phân bón lá đạt 45,59 tấn (101,31% kế hoạch, tăng 23,05% cùng kỳ).

Tuy nhiên, một số sản phẩm như bao bì và phân NPK còn chưa đạt kỳ vọng, lần lượt đạt 83,79% và 87,5% so với kế hoạch.

DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Tổng doanh thu năm 2024 đạt 1.639,825 tỷ đồng, đạt 101,22% kế hoạch. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.605,625 tỷ đồng, sát với mục tiêu đề ra (99,73% kế hoạch).

Lợi nhuận trước thuế đạt 32,136 tỷ đồng, bằng 100,42% so với kế hoạch.

Đặc biệt, mức nộp ngân sách tăng mạnh, đạt 34,2 tỷ đồng, tăng 15,92% so với kế hoạch và tăng gấp gần 3 lần so với cùng kỳ năm trước.

HOẠT ĐỘNG TIÊU THỤ

Tổng sản lượng tiêu thụ phân lân đạt 89.558 tấn (111,95% kế hoạch), kinh doanh nguyên liệu đạt 58.451 tấn (194,84% kế hoạch). Đây là những kết quả rất đáng khích lệ, vượt xa chỉ tiêu đề ra.

Tuy nhiên, một số sản phẩm như phân NPK và axít Sunphuric tiêu thụ chưa đạt kỳ vọng, lần lượt chỉ đạt 79,09% và 88,66% kế hoạch.

HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU

Kim ngạch xuất khẩu và số lượng sản phẩm xuất khẩu chưa đạt kết quả như kỳ vọng, lần lượt đạt 53,29% và 14,97% kế hoạch. Tuy nhiên, điều này chủ yếu đến từ sự khó khăn của thị trường quốc tế và các yếu tố tác động từ chuỗi cung ứng.

Hội đồng quản trị đánh giá Công ty đã có một năm hoạt động tốt, đặc biệt là khả năng thích ứng nhanh và điều hành hiệu quả trong bối cảnh nhiều thách thức. Các chỉ tiêu quan trọng như sản xuất, tiêu thụ nội địa, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, phản ánh sự bền vững trong chiến lược phát triển.

Tuy còn tồn tại khó khăn trong một số sản phẩm như xuất khẩu và một số dòng sản phẩm cụ thể, đây là những yếu tố Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo để cải thiện trong thời gian tới.

Hội đồng quản trị cam kết sẽ đồng hành cùng Ban điều hành, tập trung vào các giải pháp quản lý và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đồng thời khai thác các cơ hội mới để đảm bảo sự phát triển bền vững và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông và tập thể nhân viên.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Hàng quý hoặc đột xuất Hội đồng quản trị thực hiện các cuộc họp để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kỳ trước và phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ tới; kịp thời thảo luận và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đều trình lên Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Hội đồng quản trị luôn thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế nội bộ và hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cụ thể số nội dung chủ yếu sau:

- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đúng quy định của pháp luật vào ngày 19 tháng 4 năm 2024.
- Hoàn thành và công bố thông tin báo cáo tài chính đúng quy định.
- Kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý.
- Triển khai việc chốt danh sách để chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 5%/cổ phiếu (mỗi cổ phiếu được nhận 500 đồng).
- Kiểm tra, giám sát thực hiện công tác đầu tư theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra, giám sát thực hiện Quy chế nội bộ trong hoạt động quản lý điều hành Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Theo sát diễn biến thị trường và các lĩnh vực được phân công của từng thành viên HĐQT để đưa ra những giải pháp hiệu quả, linh hoạt;
- Nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- Theo dõi chặt diễn biến tỷ giá trên thị trường;
- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tăng cường phòng chống rủi ro về tài chính;
- Triển khai quyết liệt chương trình tiết kiệm, tiết giảm chi phí, sử dụng hiệu quả đồng vốn, thực hiện các giải pháp quản trị chi phí để hạ giá thành sản phẩm

VỀ CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG - PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

- Kiện toàn lại các hệ thống phân phối, đặc biệt chú trọng thị trường phía Bắc, Tây Nguyên, Phát huy lợi thế về thương hiệu Lân Long Thành để phát triển thị trường mới;
- Tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm;
- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh thương mại, kinh doanh hoá chất và tìm kiếm khách hàng để xuất khẩu phân bón.

VỀ CÔNG TÁC CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VẬT TƯ

- Thường xuyên dự báo thị trường để có kế hoạch dự trữ vật tư, nguyên liệu hợp lý, kiểm soát quá trình sử dụng nguyên liệu trong quá trình sản xuất;
- Quản trị tốt hàng tồn kho

VỀ CÔNG TÁC CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty. Quản trị tốt hàng tồn kho

VỀ CÔNG TÁC KỸ THUẬT SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ

- Tiếp tục triển khai các hạng mục theo tiến độ đã được phê duyệt;
- Nghiên cứu các giải pháp và ứng dụng các giải pháp công nghệ mới kéo dài tuổi thọ thiết bị;
- Nghiên cứu phát triển, sản xuất ra các sản phẩm mới, đặc biệt chú trọng phát triển các sản phẩm hữu cơ bền vững.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 Hội đồng quản trị
- 2 Ban kiểm soát
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu			
			Đại diện	Tỷ lệ	Cá nhân	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	11.999.879	25,05%	-	-
2	Đỗ Văn Tuấn	Thành viên HĐQT điều hành, Tổng Giám đốc	9.579.467	20,00%	5	0,00%
3	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT điều hành, Phó Tổng Giám đốc	9.579.467	20,00%	3.049	0,00%
4	Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	-	-
5	Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-	-	-

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sẽ tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý hoặc đột xuất để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của kỳ trước, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh cho kỳ tiếp theo, và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trên toàn Công ty. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh sẽ được Ban Tổng Giám đốc đưa ra để xem xét và quyết định. Hội đồng quản trị luôn duy trì việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý và quy chế nội bộ, đồng thời bảo đảm hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo quy mô hoạt động, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị cùng chỉ đạo và giám sát hoạt động theo năng lực chuyên môn của cá nhân với tinh thần và trách nhiệm cao nhất.

HĐQT tổ chức 17 buổi họp trực tiếp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	17/17	100,0%	
2	Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	7/17	41,2%	Do ĐHCĐ đồng ý miễn nhiệm TV HĐQT vào ngày 19/4/2024
3	Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT điều hành, Phó Tổng Giám đốc	17/17	100,0%	
4	Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT độc lập	11/17	64,7%	Do bận công tác
5	Ông Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT điều hành	17/17	100,0%	
6	Ông Đỗ Văn Tuấn	Thành viên HĐQT điều hành	10/17	58,8%	Do ĐHCĐ bầu là TV HĐQT vào ngày 19/4/2024

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Tổng cộng trong năm đã có ban hành 48 Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị được ban hành để Ban điều hành làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ-HĐQT	10/01/2024	Hội đồng quản trị họp triển khai thực hiện quy trình bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.	100%
02	02/NQ-HĐQT	10/01/2024	Hội đồng quản trị họp Thông qua kế hoạch sản xuất - kinh doanh Quý I/2024 và thông qua việc điều chỉnh một số chỉ tiêu định mức tiêu hao Vật tư-Kỹ thuật cho sản phẩm NPK, SFJC Bio-Gold và Bao bì của Công ty.	100%
03	03/QĐ-HĐQT	10/01/2024	Quyết định về việc giao kế hoạch Sản xuất – Kinh doanh Quý I/2024.	-
04	03b/QĐ-HĐQT	10/01/2024	Quyết định về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu định mức tiêu hao Vật tư-Kỹ thuật cho sản phẩm NPK, SFJC Bio-Gold G.A.P và Bao bì của Công ty.	-

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
05	04/NQ-HĐQT	06/02/2024	Hội đồng quản trị họp và thông qua các nội dung chính như sau: Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách Cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 là ngày 18/3/2024. Thống nhất bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hương – Phó Giám đốc phòng Kế toán-Tài chính Công ty giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.	100%
06	05/QĐ-HĐQT	06/02/2024	Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
07	06/NQ-HĐQT	07/3/2024	Thông qua các Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.	100%
08	07/NQ-HĐQT	25/3/2024	Đồng ý quỹ tiền lương được sử dụng để chi cho Người lao động và Người quản lý năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam theo nội dung Tờ trình số 418/TTr-PBMN ngày 20/3/2024.	100%
09	08/QĐ-HĐQT	25/3/2024	Quyết định về việc cử đoàn đi công tác nước ngoài từ ngày 20/4/2024 đến ngày 24/4/2024.	-
10	09/QĐ-HĐQT	25/3/2024	Quyết định về việc cử đoàn đi công tác nước ngoài từ ngày 20/5/2024 đến ngày 22/5/2024.	-
11	10/QĐ-HĐQT	25/3/2024	Quyết định về việc cử đoàn đi công tác nước ngoài từ ngày 05/5/2024 đến ngày 09/5/2024.	-
12	11/QĐ-HĐQT	25/3/2024	Quyết định về việc thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông năm 2024.	-
13	12/NQ-HĐQT	15/4/2024	Thông qua Kế hoạch Sản xuất – Kinh doanh Quý II/2024. Thông qua Báo cáo tài chính Quý I năm 2024.	100%
14	13/QĐ-HĐQT	15/4/2024	Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2024.	-

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	14/NQ-DHĐCĐ	19/4/2024	Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua các báo cáo và tờ trình sau: - Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị Công ty năm 2023, mục tiêu phương hướng năm 2024. - Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024. - Tờ trình kế hoạch Sản xuất Kinh doanh và dự kiến chia cổ tức năm 2024. - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và nhiệm vụ năm 2024. - Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty. - Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán. - Tờ trình phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023. - Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và Kế hoạch trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024. - Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Đặng Tấn Thành. - Bầu bổ sung ông Đỗ Văn Tuấn là thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025.	100%
16	15/QĐ-HĐQT	03/5/2024	- Quyết định về việc cử đoàn đi công tác nước ngoài từ ngày 04/5/2024 đến ngày 09/5/2024 (Quyết định này thay thế cho Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 25/3/2024).	-
17	16/NQ-HĐQT	29/5/2024	- Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023 cho Cổ đông Công ty theo nội dung Tờ trình số 752/TTr-PBMN ngày 17/5/2024. - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 và cả năm 2024 của Công ty theo nội dung Tờ trình số 786/TTr-PBMN ngày 24/5/2024. - Thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.	100%
18	17/QĐ-HĐQT	29/5/2024	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.	-
19	18/NQ-HĐQT	19/6/2024	- Thông qua điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản lý dự án đầu tư theo nội dung Tờ trình số 921/TTr-PBMN ngày 17/6/2024. - Thông qua điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản lý công tác sửa chữa tài sản cố định theo nội dung Tờ trình số 922/TTr-PBMN ngày 17/6/2024.	100%

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
20	19/QĐ-HĐQT	19/6/2024	Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý công tác sửa chữa tài sản cố định Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
21	20/QĐ-HĐQT	19/6/2024	- Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý dự án đầu tư Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
22	21/NQ-HĐQT	18/7/2024	- Thông qua Kế hoạch Sản xuất – Kinh doanh Quý III/2024. - Thông qua Báo cáo tài chính Quý II năm 2024. - Thông qua điều chỉnh hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương năm 2024 theo Tờ trình số 1034/TTr-PBMN ngày 08/7/2024.	100%
23	22/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2024.	-
24	23/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Quyết định về việc ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
25	24/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Quyết định về việc điều chỉnh tiền lương người quản lý Công ty (ông Đặng Tấn Thành - Tổng Giám đốc Công ty).	-
26	25/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Quyết định về việc điều chỉnh tiền lương người quản lý Công ty (ông Vũ Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc Công ty).	-
27	26/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Quyết định về việc điều chỉnh tiền lương người quản lý Công ty (ông Đỗ Văn Tuấn - Phó Tổng Giám đốc Công ty).	-
28	27/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Quyết định về việc điều chỉnh tiền lương người quản lý Công ty (ông Trịnh Quốc Hùng - Phó Tổng Giám đốc Công ty).	-
29	28/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Quyết định về việc điều chỉnh tiền lương người quản lý Công ty (bà Nguyễn Thị Hương - Kế toán trưởng Công ty).	-
30	29/NQ-HĐQT	07/8/2024	- Thông qua Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán. - Thông qua việc chuyển bước đầu tư và bổ sung dự án thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư theo nội dung Tờ trình số 1151/TTr-PBMN ngày 29/7/2024. - Thông qua Quy chế quản lý đoàn đi nước ngoài và đoàn nước ngoài vào làm việc của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam theo nội dung Tờ trình số 1142/TTr-PBMN ngày 25/7/2024.	100%
31	30/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Quyết định về việc phê duyệt chuyển bước đầu tư và bổ sung dự án thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư.	-

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
32	31/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Quyết định về việc nghỉ hưu theo chế độ của ông Đặng Tấn Thành – Tổng Giám đốc Công ty.	-
33	32/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Quyết định về việc đưa ra khỏi quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 – 2026 Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
34	33/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Quyết định về việc phê duyệt bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 – 2026 Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
35	34/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Quyết định về việc đưa ra khỏi quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026 – 2031 Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
36	35/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Quyết định về việc phê duyệt bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026 – 2031 Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
37	36/QĐ-HĐQT	14/8/2024	Quyết định về việc Ông Đặng Tấn Thành – Tổng Giám đốc Công ty thôi tham gia thành viên Hội đồng thành viên và Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo Vina.	-
38	37/NQ-HĐQT	14/8/2024	Về việc triển khai quy trình bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	100%
39	38/QĐ-HĐQT	30/8/2024	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý đoàn đi nước ngoài và đoàn nước ngoài vào làm việc của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
40	45/NQ-HĐQT	04/9/2024	Về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	100%
41	46/QĐ-HĐQT	04/9/2024	Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
42	47/NQ-HĐQT	04/9/2024	Thông qua việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	100%
43	48/NQ-HĐQT	12/9/2024	Nhất trí cử ông Trịnh Quốc Hùng - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tham gia Hội đồng thành viên, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo Vina.	100%
44	51/QĐ-HĐQT	12/9/2024	Quyết định về việc cử ông Trịnh Quốc tham gia Hội đồng thành viên, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo Vina.	-

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
45	52/NQ-HĐQT	18/10/2024	- Thông qua Kế hoạch Sản xuất – Kinh doanh Quý IV/2024. - Thông qua Báo cáo tài chính Quý III năm 2024. - Chấp thuận chuyển bước 02 dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư sang giai đoạn đầu tư theo nội dung TTr số 1565 ngày 15/10/2024.	100%
46	53/QĐ-HĐQT	18/10/2024	Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2024.	-
47	54/NQ-HĐQT	30/11/2024	Thông qua Quy chế quản lý tiền gửi tại các tổ chức tín dụng của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam theo nội dung Tờ trình số 1815/TTr-PBMN ngày 28/11/2024.	100%
48	55/QĐ-HĐQT	30/11/2024	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý tiền gửi tại các tổ chức tín dụng của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	-

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập luôn tích cực tham gia vào công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT, có nhiều ý kiến đóng góp, đặc biệt là về lĩnh vực tài chính và quan hệ với các tổ chức tín dụng, cùng HĐQT thông qua nhiều vấn đề quan trọng, góp phần vào sự thành công của Công ty trong năm 2024.

Năm 2024, các hoạt động HĐQT luôn tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động HĐQT. HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT dựa trên kinh nghiệm và trình độ chuyên môn. HĐQT đã tổ chức đương nhiên các cuộc họp đột xuất hoặc Lấy ý kiến bằng văn bản khi cần thiết. Các Nghị quyết của HĐQT được soạn xét kỹ càng trước khi ban hành, đồng thời việc HĐQT thường xuyên giám sát các công việc thực hiện Nghị quyết được Đại hội đồng Cổ đông năm 2024.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Người phụ trách, Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã cử các cán bộ quản lý tham gia tập huấn về công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, công bố thông tin do Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ...

Ban Kiểm soát

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu			
			Đại diện	Tỷ lệ	Cá nhân	Tỷ lệ
1	Võ Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	-	-
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-
3	Trần Châu Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Võ Anh Tuấn	4/4	100%	100%	-
2	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	4/4	100%	100%	-
3	Ông Trần Châu Minh	4/4	100%	100%	-

Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty. Thông qua đó, Ban Kiểm soát kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và đưa ra các đánh giá, nhận xét chi tiết về hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát cũng tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đưa ra những quan điểm và đề xuất chiến lược liên quan đến công tác quản lý và điều hành của Công ty. Đặc biệt, Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024, cùng các điều khoản khác theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.

Ngoài việc tham gia vào các cuộc họp và giám sát các kế hoạch, Ban Kiểm soát tích cực kiểm tra và đảm bảo việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được thực hiện đúng đối với công tác quản lý và điều hành Công ty. Ban Kiểm soát cũng kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, kế toán và đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng có trách nhiệm thẩm định các báo cáo tài chính định kỳ của Công ty và thực hiện kiểm soát định kỳ theo quy định. Ngoài các nhiệm vụ kế toán và tài chính, Ban Kiểm soát cũng thẩm định báo cáo quản trị Công ty và kiểm tra việc công bố thông tin theo quy định đối với Công ty niêm yết. Điều này giúp đảm bảo sự minh bạch và trung thực trong việc thông tin của Công ty được công bố công khai và đầy đủ.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

TT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập 2023 (đồng)
I Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
2	Ông Đỗ Văn Tuấn	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 19/04/2024) Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ 04/09/2024)	686.668.000
3	Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 19/04/2024) Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/09/2024)	657.558.000
4	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	715.891.000
5	Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	96.000.000
6	Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT không điều hành	406.322.000
II Ban Kiểm soát			
1	Võ Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	341.065.000
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	63.000.000
4	Trần Châu Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	517.261.000
III Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Đỗ Văn Tuấn	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 19/04/2024) Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ 04/09/2024)	Đã nêu ở trên
2	Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	625.791.000
4	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT điều hành, Phó Tổng Giám đốc	Đã nêu ở trên
IV Kế toán trưởng			
-	Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ 06/02/2024) Phụ trách kế toán (Từ 01/08/2023 đến 05/02/2024)	559.994.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có thay đổi trong năm

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ trong năm 2024:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số ĐKKD	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Tổ chức liên quan	1800155438	...	Mua bán nguyên liệu: số lượng: 395 tấn, Tổng giá trị 5,664 tỷ đồng
2	Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	Tổ chức liên quan	3600248128	...	Phí dịch vụ 2,836 tỷ đồng
3	Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam	Tổ chức liên quan	0300405462	...	Mua bán axit: số lượng 3.184 tấn, Tổng giá trị 6,243 tỷ đồng
4	Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Tổ chức liên quan	5300265969	...	Mua bán nguyên liệu và dịch vụ: số lượng: 2.010 tấn, Tổng giá trị 26,778 tỷ đồng
5	Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Tổ chức liên quan	2700667297	...	Mua bán nguyên liệu: số lượng 4.300 tấn, Tổng giá trị 41,070 tỷ đồng
6	Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	Tổ chức liên quan	0200827051	...	Mua bán nguyên liệu 3.267,6 tấn; tổng giá trị 42,769 triệu đồng
7	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Tổ chức liên quan	5300100276	...	Mua nguyên liệu, số lượng 61.608,7 tấn, Tổng giá trị 89,859 tỷ đồng
8	Công ty Cổ phần Hoi Kỹ nghệ Que hàn	Tổ chức liên quan	0300422482	...	Mua hơi Oxy, Tổng giá trị 74,459 triệu đồng
9	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	Tổ chức liên quan	3600642822	...	Mua bột giặt, giá trị 5,215 triệu đồng
10	Công ty CP XNK Hóa chất Miền Nam	Tổ chức liên quan	4103007366	...	Mua nguyên liệu, số lượng 523,436 tấn, Tổng giá trị 1,463 tỷ đồng

06 >>>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1 Ý kiến của kiểm toán
- 2 Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười (10) ngày 11 tháng 09 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch	
Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên	
Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên	
Ông Hà Thái Sơn	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Tuấn	Thành viên	(Bỏ nhiệm từ ngày 19/04/2024)
Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2024)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm từ ngày 04/09/2024)
Ông Đặng Tấn Thành	Tổng Giám đốc	(Nghỉ hưu từ ngày 01/09/2024)
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Võ Anh Tuấn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên
Ông Trần Châu Minh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến hết ngày 31/08/2024 là Ông Đặng Tấn Thành – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 04/09/2024 và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Đỗ Văn Tuấn – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Tuấn



Số: 030325.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được lập ngày 03 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1

Kiểm toán viên

Lê Trường Long

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5480-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.129.651.248.905	1.000.137.911.222
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	11.317.434.226	63.710.209.396
111	1. Tiền		11.317.434.226	12.710.209.396
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	51.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	391.440.000.000	506.300.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		391.440.000.000	506.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		279.983.060.964	148.769.899.229
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	254.732.718.736	150.098.300.552
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	35.271.659.981	6.617.489.591
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	8.224.401.637	8.821.199.121
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	08	(18.245.719.390)	(16.767.090.035)
140	IV. Hàng tồn kho	09	434.603.299.210	261.108.837.471
141	1. Hàng tồn kho		434.603.299.210	261.108.837.471
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.307.454.505	20.248.965.126
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	135.907.106	6.627.359.052
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.802.954.780	11.758.996.927
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	368.592.619	1.862.609.147
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		252.145.857.362	243.808.633.846
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		174.741.000	174.741.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	174.741.000	174.741.000
220	II. Tài sản cố định		137.568.856.193	148.773.586.994
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	57.435.236.950	66.228.483.619
222	- Nguyên giá		551.551.346.087	541.537.394.365
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(494.116.109.137)	(475.308.910.746)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	80.133.619.243	82.545.103.375
228	- Nguyên giá		114.702.444.707	114.702.444.707
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.568.825.464)	(32.157.341.332)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	6.333.457.995	1.874.946.939
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.333.457.995	1.874.946.939
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	43.874.896.709	43.874.896.709
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		43.874.896.709	43.874.896.709
260	VI. Tài sản dài hạn khác		64.193.905.465	49.110.462.204
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	63.038.122.307	48.977.851.305
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33	1.155.783.158	132.610.899
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.381.797.106.267	1.243.946.545.068



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		732.492.246.785	590.405.768.437
310	I. Nợ ngắn hạn		732.230.839.972	590.137.530.511
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	53.241.638.230	58.022.976.703
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	9.432.174.613	8.595.200.033
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.432.530.689	342.421.625
314	4. Phải trả người lao động		11.007.848.793	18.666.666.420
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	10.841.443.174	4.504.048.215
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	6.119.017.393	10.214.377.646
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	633.031.135.783	484.043.655.864
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.125.051.297	5.748.184.005
330	II. Nợ dài hạn		261.406.813	268.237.926
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	135.406.813	142.237.926
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	126.000.000	126.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		649.304.859.482	653.540.776.631
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	649.304.859.482	653.540.776.631
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		478.973.330.000	478.973.330.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		478.973.330.000	478.973.330.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		108.768.765.516	91.722.508.590
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.390.923.137	7.390.923.137
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		54.171.840.829	75.454.014.904
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		28.487.655.836	18.633.158.484
421b	LNST chưa phân phối năm nay		25.684.184.993	56.820.856.420
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.381.797.106.267	1.243.946.545.068

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập

Trần Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.605.625.066.749	1.560.100.299.383
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	5.467.635.599	1.135.360.198
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.600.157.431.150	1.558.964.939.185
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.460.647.679.714	1.471.060.651.014
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		139.509.751.436	87.904.288.171
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	26.839.788.371	82.786.084.687
22	7. Chi phí tài chính	27	29.657.200.425	33.031.952.307
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		23.547.704.437	22.237.195.071
25	8. Chi phí bán hàng	28	61.479.655.637	47.783.015.261
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	49.181.888.508	40.621.103.094
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.030.795.237	49.254.302.196
31	11. Thu nhập khác	30	7.479.464.325	8.793.010.756
32	12. Chi phí khác	31	1.374.512.191	1.066.380.505
40	13. Lợi nhuận khác		6.104.952.134	7.726.630.251
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.135.747.371	56.980.932.447
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	7.474.734.637	250.838.491
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	(1.023.172.259)	(90.762.464)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.684.184.993	56.820.856.420
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	536	1.186

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập

Trần Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		32.135.747.371	56.980.932.447
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		21.218.682.523	26.176.473.206
03	- Các khoản dự phòng		1.478.629.355	410.579.644
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(435.658.881)	541.795.037
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(24.332.518.131)	(81.322.907.799)
06	- Chi phí lãi vay		23.547.704.437	22.237.195.071
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.612.586.674	25.024.067.606
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(134.610.764.587)	(35.979.116.792)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(173.494.461.739)	309.987.634.526
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9.217.417.127)	(94.619.416.474)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(7.568.819.056)	(42.401.867.648)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23.606.389.899)	(21.950.572.591)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.465.832.639)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.462.568.350)	(1.994.572.650)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(303.813.666.723)	138.066.155.977
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(14.472.462.778)	(12.865.686.313)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	868.181.910
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(920.667.000.000)	(826.655.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.035.527.000.000	475.155.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.196.765.611	77.124.734.519
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		126.584.302.833	(286.372.769.884)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.538.478.964.007	1.139.169.159.882
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.389.491.484.088)	(925.101.596.951)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(530.895.632)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(24.228.725.625)	(19.074.815.550)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		124.758.754.294	194.461.851.749
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(52.470.609.596)	46.155.237.842
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		63.710.209.396	17.557.593.990
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		77.834.426	(2.622.436)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	11.317.434.226	63.710.209.396

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập



Trần Thị Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười (10) ngày 11 tháng 09 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 478.973.330.000 VND, tương đương 47.897.333 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 478.973.330.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 528 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 532 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất phân bón, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phân bón các loại: Supe lân, NPK, phân bón lá Yogen... (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên liệu phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất;
- Sản xuất bao bì PP và PE (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh phân bón các loại (Supe lân, NPK, phân bón lá Yogen...);
- Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác;
- Kinh doanh bao bì PP và PE.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2024 của Công ty giảm 24,85 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ giảm 43,6%) so với năm 2023, nguyên nhân chủ yếu là do:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 41,19 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 2,64%) và giá vốn hàng bán giảm 10,41 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ giảm 0,71%) làm cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 51,61 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 58,71%) so với năm 2023. Trong năm 2024, tình hình kinh doanh phân bón có nhiều chuyển biến tích cực, nhu cầu về phân bón của thị trường hồi phục và tăng nhanh, đồng thời giá nguyên vật liệu đầu vào giảm theo tình hình chung của thị trường thế giới. Điều này giúp cho sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận năm nay tăng hơn so với năm trước.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2024 giảm 55,95 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ giảm 67,58%) so với năm 2023 làm cho Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm tương ứng. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm trước, Công ty có ghi nhận khoản Cổ tức được chia từ Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA - Công ty liên kết với giá trị là 56,64 tỷ VND. Năm nay, Công ty không phát sinh khoản thu nhập từ khoản cổ tức này.
- Chi phí bán hàng tăng 13,7 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 28,66%) và Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 8,56 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 21,07%) so với năm 2023 làm cho Lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 22,26 tỷ VND. Nguyên nhân là do trong năm 2024, Công ty đẩy mạnh các công tác quảng cáo, tổ chức các sự kiện, hội nghị khách hàng để mở rộng các thị trường tiêu thụ sản phẩm và quảng bá thương hiệu hình ảnh và sản phẩm của Công ty.

Tổng hợp các nguyên nhân chủ yếu nêu trên dẫn đến Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty năm nay giảm mạnh so với năm trước

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Phân bón Hiệp Phước	Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy Phân bón Cửu Long	Số 405, Quốc lộ 1A, xã Tân Hòa, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy Super Phốt phát Long Thành	KCN Gò Dầu, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy sản xuất Bao bì	C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh bao bì

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị được nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền từng tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

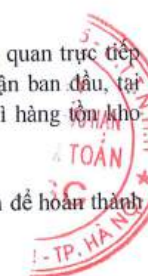
Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06	năm
- Quyền sử dụng đất	39 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm



2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích của từng loại, nhưng tối đa không quá 03 năm, việc xác định thời gian sử dụng hữu ích theo đánh giá của bộ phận kỹ thuật Công ty, dựa trên hiện trạng và nhu cầu sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm đánh giá.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí bốc xếp, làm hàng, các khoản chiết khấu thương mại... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, thuê mặt bằng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm tài chính, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm tài chính và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.294.845.270	1.851.918.929
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.022.588.956	10.858.290.467
Các khoản tương đương tiền	-	51.000.000.000
	11.317.434.226	63.710.209.396

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	391.440.000.000	-	506.300.000.000	-
	391.440.000.000	-	506.300.000.000	-

^(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 4,8%/năm đến 6,0%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA (trước đây là: Công ty TNHH Hóa chất LG Vina)	43.874.896.709	-	43.874.896.709	-
	43.874.896.709	-	43.874.896.709	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	Tỉnh Đồng Nai	35,00%	35,00%	Sản xuất và kinh doanh chất hoá dẻo chủ yếu cho ngành nhựa PVC.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	967.548.076	-	2.563.123.364	-
- Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	564.142.876	-	976.443.483	-
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai 2	344.836.800	-	444.771.800	-
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai	58.568.400	-	145.616.900	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	-	-	996.291.181	-
Phải thu khách hàng là các bên khác	253.765.170.660	(18.155.719.390)	147.535.177.188	(16.677.090.035)
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	56.375.458.850	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vân	26.630.532.543	-	22.838.228.000	-
- Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Tấn Anh	16.591.742.400	-	5.004.240.000	-
- Công ty TNHH Đức Hạnh Mộc Châu	12.932.500.000	-	11.016.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Phân bón Thịnh Nông	10.441.899.939	-	7.311.969.007	-
- Xí nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng Hợp Đường 8 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	8.874.318.018	-	8.039.000.000	-
- Công ty TNHH Phú Đoan	7.679.089.800	-	2.460.797.009	-
- Công ty TNHH Thương mại Trung Hiếu	4.279.415.642	-	16.607.865.642	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tấn Tài	3.986.490.000	-	2.874.350.000	-
- Heartychem Corporation	-	-	11.356.953.969	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu	11.947.423.128	(11.470.423.128)	11.947.423.128	(10.249.734.231)
- Các khoản phải thu khách hàng	94.026.300.340	(6.685.296.262)	48.078.350.433	(6.427.355.804)
	254.732.718.736	(18.155.719.390)	150.098.300.552	(16.677.090.035)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	241.305.081	-	101.690.000	-
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	241.305.081	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	-	-	96.090.000	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	-	5.600.000	-
Trả trước cho người bán là các bên khác	35.030.354.900	(90.000.000)	6.515.799.591	(90.000.000)
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phân bón An An	12.223.800.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Thiết kế Quốc tế Đông Á	6.508.020.477	-	237.568.100	-
- Công ty TNHH Thương mại Thủy Ngân	4.103.766.220	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sáng tạo và Giải pháp Truyền thông số Á Châu	3.495.042.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Gia công Cơ khí Huy Hoàng	2.866.934.261	-	-	-
- Nanjing Keli Chemicals Co., Ltd	161.053.776	-	1.031.209.200	-
- Divine Enterprise (Hong Kong) Limited	120.428.620	-	1.731.804.750	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	5.551.309.546	(90.000.000)	3.515.217.541	(90.000.000)
	35.271.659.981	(90.000.000)	6.617.489.591	(90.000.000)

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Phải thu các bên khác	8.224.401.637	-	8.821.199.121	-
- Phải thu các Ngân hàng Thương mại lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.774.085.260	-	5.638.332.740	-
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	515.059.469	-	1.757.961.827	-
- Các đối tượng khác	3.935.256.908	-	1.424.904.554	-
	8.224.401.637	-	8.821.199.121	-
b) Dài hạn				
Chi tiết theo nội dung				
- Ký cược, ký quỹ	174.741.000	-	174.741.000	-
	174.741.000	-	174.741.000	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về tạm ứng	217.558.695	-	199.860.642	-
- Ký cược, ký quỹ	357.200.000	-	57.200.000	-
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	515.059.469	-	1.757.961.827	-
- Phải thu về lãi tiền gửi	3.774.085.260	-	5.638.332.740	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Thương mại Phúc Lộc tiền lãi chậm thanh toán theo Hợp đồng	671.842.192	-	671.842.192	-
- Phải thu khác	2.688.656.021	-	496.001.720	-
	8.224.401.637	-	8.821.199.121	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng	30.373.840.865	18.155.719.390	12.218.121.475	16.677.090.035
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu	11.947.423.128	11.470.423.128	477.000.000	10.249.734.231
- Công ty TNHH MTV Thương mại Trung Hiếu	1.064.265.625	-	1.064.265.625	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Ngọc Hùng	2.954.703.200	2.954.703.200	-	2.954.703.200
- Các đối tượng khác	14.407.448.912	3.730.593.062	10.676.855.850	3.472.652.604
Trả trước cho người bán	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000
- Trung tâm Khảo Kiểm Nghiệm Phân bón Vùng Nam Bộ	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000
	30.463.840.865	18.245.719.390	12.218.121.475	16.767.090.035
			68.982.451.505	52.215.361.470

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Phải thu khách hàng

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu
- Công ty TNHH MTV Thương mại Trung Hiếu
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Ngọc Hùng
- Các đối tượng khác

Trả trước cho người bán

- Trung tâm Khảo Kiểm Nghiệm Phân bón Vùng Nam Bộ

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	Hàng mua đang đi đường	26.721.665.100	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	265.472.497.091	-	156.456.436.778	-
Công cụ, dụng cụ	10.733.021	-	16.556.748	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	595.675.602	-	997.018.454	-
Thành phẩm	141.189.967.193	-	101.662.176.847	-
Hàng hoá	272.813.326	-	281.613.185	-
Hàng gửi đi bán	339.947.877	-	1.695.035.459	-
	434.603.299.210	-	261.108.837.471	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	5.684.735.773	1.324.724.717
- Thiết bị trao đổi nhiệt E1002 - Nhà máy Long Thành	1.035.000.000	-
- Nồi hơi dây chuyền axit sulfuric 98% - Nhà máy Long Thành	3.574.555.556	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.696.402.439	1.847.446.939
- Dự án Cao ốc Văn phòng Công ty	780.443.567	780.443.567
- Dự án thi công Công trình kiểm định bến sà lan 300T - Nhà máy Long Thành	294.736.650	544.281.150
- Dự án thi công Bồn chứa hóa chất - Nhà máy Long Thành	555.222.222	330.222.222
- Dự án thi công Nhà kho số 7 - Nhà máy Cửu Long	-	192.500.000
- Các dự án khác	66.000.000	-
Sửa chữa lớn	27.500.000	27.500.000
- Sửa chữa nhà chứa than - Nhà máy Long Thành	27.500.000	27.500.000
	6.333.457.995	1.874.946.939



11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	209.417.728.320	292.573.774.286	35.151.855.532	4.394.036.227	541.537.394.365
- Mua trong năm	-	-	3.239.162.963	125.474.411	3.364.637.374
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.455.983.978	2.193.330.370	-	-	6.649.314.348
Số dư cuối năm	213.873.712.298	294.767.104.656	38.391.018.495	4.519.510.638	551.551.346.087
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	189.831.152.399	251.849.434.448	29.405.037.298	4.223.286.601	475.308.910.746
- Khấu hao trong năm	3.628.148.644	13.222.700.681	1.828.970.213	127.378.853	18.807.198.391
Số dư cuối năm	193.459.301.043	265.072.135.129	31.234.007.511	4.350.665.454	494.116.109.137
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	19.586.575.921	40.724.339.838	5.746.818.234	170.749.626	66.228.483.619
Tại ngày cuối năm	20.414.411.255	29.694.969.527	7.157.010.984	168.845.184	57.435.236.950

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 439.374.168.386 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM
Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	113.624.444.707	1.078.000.000	114.702.444.707
Số dư cuối năm	113.624.444.707	1.078.000.000	114.702.444.707
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	31.079.341.332	1.078.000.000	32.157.341.332
- Khấu hao trong năm	2.411.484.132	-	2.411.484.132
Số dư cuối năm	33.490.825.464	1.078.000.000	34.568.825.464
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	82.545.103.375	-	82.545.103.375
Tại ngày cuối năm	80.133.619.243	-	80.133.619.243

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.078.000.000 VND

(*) Tài sản cố định vô hình tại Công ty là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh có thời hạn đến hết năm 2061 và Quyền sử dụng đất tại Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh có thời hạn đến năm 2048.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ
- Chi phí sửa chữa TSCD
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp
- Chi phí chờ phân bổ khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
	31.908.309	308.057.565
	24.685.000	216.130.073
	79.313.797	145.915.497
	-	5.957.255.917
	135.907.106	6.627.359.052

b) Dài hạn

- Chi phí sửa chữa lớn TSCD
- Chi phí phân bổ chất xúc tác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
	62.492.315.641	47.941.702.196
	545.806.666	1.036.149.109
	63.038.122.307	48.977.851.305

14 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	212.915.571.463	212.915.571.463	524.283.256.050	495.983.443.238	241.215.384.275	241.215.384.275
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	127.060.223.607	127.060.223.607	505.523.288.096	391.175.596.715	241.407.914.988	241.407.914.988
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh 3	42.904.934.740	42.904.934.740	248.909.031.220	173.723.172.405	118.090.793.555	118.090.793.555
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bến Nghé	61.941.969.189	61.941.969.189	230.516.245.295	260.141.171.519	32.317.042.965	32.317.042.965
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	17.859.566.349	17.859.566.349	-	17.859.566.349	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV CTBC (Việt Nam) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	8.550.810.286	8.550.810.286	-	8.550.810.286	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	9.921.178.514	9.921.178.514	274.529.230	10.195.707.744	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) - Chi nhánh Phú Lâm	2.889.401.716	2.889.401.716	11.502.330.173	14.391.731.889	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	-	-	17.470.283.943	17.470.283.943	-	-
	484.043.655.864	484.043.655.864	1.538.478.964.007	1.389.491.484.088	633.031.135.783	633.031.135.783

14 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:		Lãi suất		Thời hạn vay		Mục đích vay		Hình thức bảo đảm		Hạn mức cho vay		31/12/2024	
Bên cho vay	Hợp đồng vay												VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Hợp đồng cho vay hạn mức số 24.2110019/2024-HĐCVHM/NHCT900-SFG ngày 29/06/2024	Theo từng khế ước nhận nợ	Không quá 12 tháng theo từng Khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	400.000.000.000 VND (hoặc Đồng Đô la Mỹ (USD) tương đương)	241.215.384.275						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Hợp đồng cấp tín dụng số 65/98054/24-DN1/N-CTD ngày 19/08/2024, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 65/98054/24-DN1/N-HM/01 ngày 19/08/2024, Hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức số 65/98054/24-DN1/N-LC/01	Theo từng khế ước nhận nợ	12 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng tín dụng	Bổ sung nhu cầu vốn tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của nhưng không bao gồm nhu cầu rút vốn ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	300.000.000.000 VND	241.407.914.988						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 3	Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-202400353 ngày 06/06/2024	Theo từng khế ước nhận nợ	Đến hết ngày 05/06/2025	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và năm 2025	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	120.000.000.000 VND (hoặc Đồng Đô la Mỹ (USD) tương đương)	118.090.793.555						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/7609940/HĐTD ngày 23/12/2024	Theo từng khế ước nhận nợ	12 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng tín dụng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	200.000.000.000 VND (hoặc Đồng Đô la Mỹ (USD) tương đương)	32.317.042.965						
633.031.135.783													

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.142.592.178	1.142.592.178	10.732.250.892	10.732.250.892
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	1.135.366.978	1.135.366.978	-	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn - Xi nghiệp Hơi Kỹ nghệ Que hàn Biên Hòa	1.101.600	1.101.600	5.313.600	5.313.600
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn - Xi nghiệp Hơi Kỹ nghệ Que hàn Bình Dương	6.123.600	6.123.600	2.624.400	2.624.400
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	-	-	9.708.300.000	9.708.300.000
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	-	-	806.634.251	806.634.251
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	-	-	209.378.641	209.378.641
Phải trả người bán là các bên khác	52.099.046.052	52.099.046.052	47.290.725.811	47.290.725.811
- Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bình Định	5.395.000.000	5.395.000.000	-	-
- Công ty TNHH Cơ khí Chín Mách	4.616.881.090	4.616.881.090	2.525.613.505	2.525.613.505
- Doanh nghiệp Tư nhân Dương Du	3.157.619.567	3.157.619.567	3.138.732.612	3.138.732.612
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Hải Phòng	2.538.254.464	2.538.254.464	3.343.365.920	3.343.365.920
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	2.308.659.800	2.308.659.800	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thiên Tân	1.686.807.148	1.686.807.148	2.920.160.844	2.920.160.844
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phân bón Gia Huy	1.680.548.500	1.680.548.500	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Cung ứng Dịch vụ Quang Thịnh Phát	1.573.742.366	1.573.742.366	1.750.413.718	1.750.413.718
- Công ty TNHH MTV Thiên Sơn VN	1.423.842.826	1.423.842.826	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lúa Thom	1.463.494.429	1.463.494.429	890.929.098	890.929.098
- Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Thiên Thành	-	-	3.436.937.500	3.436.937.500
- Các khoản phải trả người bán khác	26.254.195.862	26.254.195.862	29.284.572.614	29.284.572.614
	53.241.638.230	53.241.638.230	58.022.976.703	58.022.976.703

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên khác				
- JBG Company Limited	1.142.936.250	1.142.936.250	-	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vietgro	7.720.650.000	7.720.650.000	-	-
- Công ty TNHH Phân phối Minh Thông	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Tân Tạo QN	-	-	1.537.500.000	1.537.500.000
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty KC Hà Tĩnh	-	-	1.424.563.200	1.424.563.200
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	568.588.363	568.588.363	1.433.136.833	1.433.136.833
	9.432.174.613	9.432.174.613	8.595.200.033	8.595.200.033

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	10.335.567.672	10.049.329.834	-	-	-	-	-	286.237.838
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	5.964.909.224	5.964.909.224	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.862.609.147	-	-	-	7.474.734.637	3.465.832.639	-	-	-	-	-	2.146.292.851
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	342.421.625	-	1.630.746.886	2.339.487.840	-	-	366.319.329	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	-	-	2.650.206.038	2.650.206.038	-	-	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	157.913.420	160.186.710	-	-	2.273.290	-	-	-
	1.862.609.147	342.421.625	28.221.077.877	24.636.952.285	368.592.619	2.432.530.689						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	488.582.266	547.267.728
- Chi phí chiết khấu, khuyến mãi	5.778.915.791	663.054.495
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp, làm hàng	4.499.433.753	2.365.092.849
- Chi phí phải trả khác	74.511.364	928.633.143
	10.841.443.174	4.504.048.215

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND

a) Ngắn hạn

a.1) Chi tiết theo nội dung

- Các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN
- Phải trả về cổ phần hoá
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả
- Phải trả tiền giữ hộ Khu cư xá Nhà máy Long Thành
- Các khoản phải trả, phải nộp khác

	729.826.066	1.858.072.271
	-	3.623.472.867
	737.500.000	687.500.000
	364.703.225	644.762.350
	1.315.166.029	1.606.131.749
	2.971.822.073	1.794.438.409
	6.119.017.393	10.214.377.646

a.2) Chi tiết theo đối tượng

- Phải trả khác là các Bên liên quan
 - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- Phải trả khác là các Bên khác
 - Phải trả các Cổ đông khác tiền Cổ tức
 - Phải trả tiền giữ hộ Khu cư xá Nhà máy Long Thành
 - Phải nộp khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN
 - Các khoản phải trả, phải nộp các đối tượng khác

	10.500.000	3.623.472.867
	10.500.000	3.623.472.867
	6.108.517.393	6.590.904.779
	364.703.225	644.762.350
	1.315.166.029	1.606.131.749
	729.826.066	1.858.072.271
	3.698.822.073	2.481.938.409
	6.119.017.393	10.214.377.646

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

	126.000.000	126.000.000
	126.000.000	126.000.000

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND

Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng (*)

	135.406.813	142.237.926
	135.406.813	142.237.926

(*) Doanh thu nhận trước là tiền cho Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 07/DHTĐ ngày 25/09/2005 với thời gian thuê là 40 năm.

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2023	478.973.330.000	478.973.330.000	78.213.308.772	78.213.308.772	7.390.923.137	7.390.923.137	56.100.108.108	56.100.108.108	620.677.670.017
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	56.820.856.420	56.820.856.420	56.820.856.420
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.509.199.818	13.509.199.818	-	-	(13.509.199.818)	(13.509.199.818)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.503.066.606)	(4.503.066.606)	(4.503.066.606)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(163.750.000)	(163.750.000)	(163.750.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)	(132.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(19.158.933.200)	(19.158.933.200)	(19.158.933.200)
Số dư tại ngày 31/12/2023	478.973.330.000	478.973.330.000	91.722.508.590	91.722.508.590	7.390.923.137	7.390.923.137	75.454.014.904	75.454.014.904	653.540.776.631
Số dư tại ngày 01/01/2024	478.973.330.000	478.973.330.000	91.722.508.590	91.722.508.590	7.390.923.137	7.390.923.137	75.454.014.904	75.454.014.904	653.540.776.631
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	25.684.184.993	25.684.184.993	25.684.184.993
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	17.046.256.926	17.046.256.926	-	-	(17.046.256.926)	(17.046.256.926)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	-	(5.682.085.642)	(5.682.085.642)	(5.682.085.642)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	-	-	-	(157.350.000)	(157.350.000)	(157.350.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)	(132.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	(23.948.666.500)	(23.948.666.500)	(23.948.666.500)
Số dư tại ngày 31/12/2024	478.973.330.000	478.973.330.000	108.768.765.516	108.768.765.516	7.390.923.137	7.390.923.137	54.171.840.829	54.171.840.829	649.304.859.482

^(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 và Thông báo số 1084/TB-SGDHCM ngày 03/06/2024 về ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền nhận Cổ tức năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023	100,00	56.820.856.420
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00	17.046.256.926
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10,00	5.682.085.642
Trích Quỹ khen thưởng Người quản lý Công ty (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của Người quản lý Công ty chuyên trách)	0,28	157.350.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	0,23	132.000.000
Chi trả cổ tức (5%/Vốn điều lệ, tương ứng mỗi cổ phần nhận 500 đồng)	42,15	23.948.666.500
Lợi nhuận còn lại năm 2023 chưa phân phối	17,34	9.854.497.352

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,05	311.588.130.000	65,05	311.588.130.000
- Cổ đông khác	34,95	167.385.200.000	34,95	167.385.200.000
	100	478.973.330.000	100	478.973.330.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	478.973.330.000	478.973.330.000
- Vốn góp cuối năm	478.973.330.000	478.973.330.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	644.762.350	560.644.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	23.948.666.500	19.158.933.200
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	23.948.666.500	19.158.933.200
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(24.228.725.625)	(19.074.815.550)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(24.228.725.625)	(19.074.815.550)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	364.703.225	644.762.350

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	47.897.333	47.897.333
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	47.897.333	47.897.333
- Cổ phiếu phổ thông	47.897.333	47.897.333
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.897.333	47.897.333
- Cổ phiếu phổ thông	47.897.333	47.897.333
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	108.768.765.516	91.722.508.590
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.390.923.137	7.390.923.137
	116.159.688.653	99.113.431.727

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất số 3710/TĐBĐ tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2007 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 95.606 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại lô B2 nằm trong Khu công nghiệp Hiệp Phước tại Đường số 1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2002 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 70.081,2 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 214/2017 tại xã Tân Hòa, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2018 đến năm 2046. Diện tích khu đất thuê là 36.395,2 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại lô C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất. Diện tích khu đất thuê là 11.939,1 m², đã hết thời hạn sử dụng đất tháng 12/2006. Từ tháng 12/2006 đến nay, Công ty vẫn đang tiếp tục sử dụng lô đất này và trả tiền thuê đất hằng năm cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, thu hồi lô đất nêu trên theo Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 21/04/2006 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chung loại, quy cách	Đvt	31/12/2024		01/01/2024	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
- Supe Lân Long Thành dạng bột	Tấn	8.207,40	Bình thường	6.159,55	Bình thường
- Supe Lân Long Thành dạng hạt	Tấn	1.220,30	Bình thường	1.255,75	Bình thường
- Phân NPK các loại	Tấn	5.183,80	Bình thường	1.059,00	Bình thường
- Phân bón Miền Nam MK TVL	Tấn	275,00	Bình thường	272,00	Bình thường
- Axit Sunfuric 2 (H2SO4)	Tấn	514,49	Bình thường	-	
- Hữu cơ khoáng Yogen 5 (6-3-3-15)	Tấn	10,00	Bình thường	-	
- Kẽm Sunphat	Tấn	-		117,50	Bình thường
- Borax Pentahydrate	Tấn	-		14,00	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Đô la Mỹ (USD)	7.579,89	5.385,91
- Đồng Euro (EUR)	201,65	201,37
d) Nợ khó đòi đã xử lý		
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phú Sĩ	8.712.466.354	8.712.466.354
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Đông	3.669.353.250	3.669.353.250
- Công ty TNHH MTV Minh Thiện	2.052.498.348	2.052.498.348
- Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Việt Mỹ	1.625.632.560	1.625.632.560
- Cơ sở kinh doanh Phân bón Phạm Văn Ngọ	1.026.767.935	1.026.767.935
- Bà Lê Thị Kim Mỹ	958.333.307	958.333.307
- Các đối tượng khác	5.533.811.903	5.533.811.903
	23.578.863.657	23.578.863.657

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán Nguyên vật liệu	479.878.272.725	401.512.717.636
Doanh thu bán Thành phẩm	1.116.401.189.145	1.149.384.418.040
Doanh thu khác	9.345.604.879	9.203.163.707
	1.605.625.066.749	1.560.100.299.383
Trong đó: Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	14.744.129.238	64.181.894.007

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.467.635.599	567.867.420
Hàng bán bị trả lại	-	31.532.160
Giảm giá hàng bán	-	535.960.618
	5.467.635.599	1.135.360.198

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn Nguyên vật liệu đã bán	472.489.634.756	399.702.444.116
Giá vốn Thành phẩm đã bán	980.589.152.002	1.066.878.265.036
Giá vốn khác	7.568.892.956	4.479.941.862
	1.460.647.679.714	1.471.060.651.014
	202.020.066.589	111.334.053.451

Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan □

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	24.332.518.131	23.812.685.889
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	56.642.040.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.742.784.723	1.613.162.726
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	435.658.881	53.941.434
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	328.826.636	664.254.638
	26.839.788.371	82.786.084.687
	153.374.160	57.260.706.622

Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	23.547.704.437	22.237.195.071
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	4.673.898.858	2.940.671.684
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.435.597.120	7.156.945.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	595.736.471
Chi phí tài chính khác	10	101.404.062
	29.657.200.425	33.031.952.307

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	738.705.760	534.947.632
Chi phí nhân công	5.094.631.081	4.593.751.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.223.453.996	26.898.369.763
Chi phí khác bằng tiền	15.422.864.800	15.755.946.571
	61.479.655.637	47.783.015.261
	80.000.000	-

Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.181.818	12.000.000
Chi phí nhân công	16.994.668.924	16.958.064.516
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.013.229.194	2.338.669.923
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.478.629.355	410.579.644
Thuế, phí, lệ phí	858.275.063	1.008.901.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.505.033.255	11.748.387.453
Chi phí khác bằng tiền	13.299.870.899	8.144.500.557
	49.181.888.508	40.621.103.094

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	868.181.910
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, cho thuê kho	1.152.367.716	1.241.888.555
Thu nhập từ bán phế liệu, dụng cụ	951.440.502	650.943.769
Thu nhập từ xử lý chênh lệch kiểm kê	996.388.042	1.008.398.750
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	717.354.662	2.665.637.320
Thu nhập khác	3.661.913.403	2.357.960.452
	7.479.464.325	8.793.010.756
	34.440.000	-

Trong đó: Thu nhập khác nhận từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi thu gom phế liệu	299.748.750	218.337.500
Chi phí hỗ trợ, ủng hộ	104.047.900	102.000.000
Các khoản bị phạt	530.640.574	21.761.817
Chi phí khác	440.074.967	724.281.188
	1.374.512.191	1.066.380.505

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	32.135.747.371	56.980.932.447
Các khoản điều chỉnh tăng	5.673.584.696	976.917.166
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	557.723.400	523.104.846
- Trích trước Chi phí chiết khấu, khuyến mãi trong năm	5.115.861.296	453.812.320
Các khoản điều chỉnh giảm	(435.658.881)	(61.617.160)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(435.658.881)	(61.617.160)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	37.373.673.186	57.896.232.453
Thu nhập miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(56.642.040.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(56.642.040.000)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	37.373.673.186	1.254.192.453
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	7.474.734.637	250.838.491
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(1.862.609.147)	(2.113.447.638)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.465.832.639)	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.146.292.851	(1.862.609.147)

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.155.783.158	132.610.899
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.155.783.158	132.610.899

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.023.172.259)	(90.762.464)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.023.172.259)	(90.762.464)

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	25.684.184.993	56.820.856.420
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	25.684.184.993	56.820.856.420
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	47.897.333	47.897.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	536	1.186

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	826.490.782.209	789.427.275.387
Chi phí nhân công	95.758.133.135	81.036.481.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.218.682.523	26.176.473.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.234.933.554	82.972.585.133
Chi phí khác bằng tiền	60.409.788.239	52.614.745.217
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.478.629.355	385.769.316
	1.136.590.949.015	1.032.613.329.321

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu nguyên vật liệu...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.022.588.956	-	-	10.022.588.956
Phải thu khách hàng, phải thu khác	244.801.400.983	174.741.000	-	244.976.141.983
Các khoản cho vay	391.440.000.000	-	-	391.440.000.000
	646.263.989.939	174.741.000	-	646.438.730.939
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.858.290.467	-	-	61.858.290.467
Phải thu khách hàng, phải thu khác	142.242.409.638	174.741.000	-	142.417.150.638
Các khoản cho vay	506.300.000.000	-	-	506.300.000.000
	710.400.700.105	174.741.000	-	710.575.441.105

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	633.031.135.783	-	-	633.031.135.783
Phải trả người bán, phải trả khác	59.360.655.623	126.000.000	-	59.486.655.623
Chi phí phải trả	10.841.443.174	-	-	10.841.443.174
	703.233.234.580	126.000.000	-	703.359.234.580
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	484.043.655.864	-	-	484.043.655.864
Phải trả người bán, phải trả khác	68.237.354.349	126.000.000	-	68.363.354.349
Chi phí phải trả	4.504.048.215	-	-	4.504.048.215
	556.785.058.428	126.000.000	-	556.911.058.428

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm tài chính		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	1.538.478.964.007	1.139.169.159.882
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm tài chính		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.389.491.484.088	925.101.596.951
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	-	530.895.632

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán các sản phẩm phân bón, hóa chất. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính đã được trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

	Doanh thu xuất khẩu	Doanh thu bán nội địa	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	92.187.550.474	1.507.969.880.676	1.600.157.431.150
Tổng chi phí mua tài sản cố định			14.472.462.778
Tài sản bộ phận	-	1.380.641.323.109	1.380.641.323.109
Tài sản không phân bổ			1.155.783.158

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA (trước đây là: Công ty TNHH Hóa chất LG Vina)	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào (VILACHEMSALT)	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Ác quy Tia sáng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.744.129.238	64.181.894.007
- Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	2.836.088.738	3.110.598.794
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	5.664.300.000	54.738.000.000
- Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	6.243.740.500	5.729.170.000
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	-	449.074.129
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	-	155.051.084
Mua hàng hóa, dịch vụ	202.020.066.589	111.334.053.451
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	89.859.544.895	50.701.807.471
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	41.070.000.000	4.351.876.500
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	1.463.117.720	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	-	229.562.304
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	42.769.729.738	55.346.232.778
- Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	74.459.150	73.809.400
- Công ty Cổ phần Bột giặt Net	5.215.086	14.512.220
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	26.778.000.000	475.975.000
- Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	-	140.277.778
Doanh thu tài chính - Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	153.374.160	618.666.622
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	43.044.894	588.132.332
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	110.329.266	30.534.290
Doanh thu tài chính - Cổ tức được chia	-	56.642.040.000
- Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	-	56.642.040.000
Chi phí bán hàng	80.000.000	-
- Trung tâm thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa Chất	80.000.000	-
Thu nhập khác	34.440.000	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	5.040.000	-
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	29.400.000	-
Chia cổ tức	15.579.406.500	12.463.525.200
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	15.579.406.500	12.463.525.200

Chức vụ	Thu nhập		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND	
Thu nhập và Thù lao của người quản lý chủ chốt			
- Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	82.000.000
- Ông Đỗ Văn Tuấn	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2024)	686.668.000	592.239.000
	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 04/09/2024)		
- Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2024)	657.558.000	849.361.000
	Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/09/2024)		
- Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	715.891.000	710.248.000
	Phó Tổng Giám đốc		
- Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	96.000.000	70.000.000
- Ông Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT	406.322.000	405.358.000
- Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	625.791.000	591.320.000
- Bà Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 06/02/2024)	559.994.000	173.024.000
	Phụ trách kế toán (Từ ngày 01/08/2023 đến ngày 05/02/2024)		
- Ông Võ Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	341.065.000	330.890.000
- Ông Phạm Đức Hoài	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2023)	-	520.092.000
- Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên BKS	63.000.000	38.000.000
- Ông Trần Châu Minh	Thành viên BKS	517.261.000	467.603.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập

Trần Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc

Đỗ Văn Tuấn

TP. Hồ Chí Minh ngày 03 tháng 03 năm 2025




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC


ĐỖ VĂN TUẤN



ANNUAL REPORT

2024

THE SOUTHERN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY



125B Cach Mang Thang Tam, Ward 05, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam



(028) 3832 5889 – 3839 3931



www.reallygreatsite.com

THE SOUTHERN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY



TABLE OF CONTENTS



GENERAL INFORMATION

Overview

Business objectives and business locations

Information on governance model, business organization and management apparatus

Development orientation

Risks

OPERATIONAL SITUATION IN THE YEAR

Production and business situation

Organization and personnel

Investment situation, project implementation situation

Financial situation

Structure of shareholders, change in Owner's equity

Report on the Company's environmental and social impacts

REPORT AND ASSESSMENT OF THE MANAGEMENT BOARD

Assessment of production and business performance

Financial situation

Improvements in organizational structure, policies, and management

Future development plan

Management Board's explanation on auditor's opinion

Assessment report related to the Company's environmental and social responsibility

BOARD OF DIRECTORS' CORPORATE GOVERNANCE ASSESSMENT

Board of Directors' corporate governance assessment

Board of Directors' assessment of the Management Board's performance

Plans and orientations of the Board of Directors

CORPORATE GOVERNANCE

Board of Directors

Supervisory Board

Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors, the Management Board and the Supervisory Board

FINANCIAL STATEMENTS

Auditor's opinion

Audited financial statements



01



GENERAL INFORMATION

- 1 Overview
- 2 Business objectives and business locations
- 3 Information on governance model, business organization and management apparatus
- 4 Development orientation
- 5 Risks

Overview

Southern Fertilizer Joint Stock Company, formerly a state-owned enterprise under the Ministry of Industry and Trade and the Vietnam Chemical Group, was established under the Decision No. 426/HC-QĐ of the General Department of Chemicals of Vietnam.

Southern Fertilizer Joint Stock Company officially transitioned to a joint-stock model of production and business management after 34 years of establishment, starting from October 1, 2010.

Stock code: SFG

Par value per share 10,000 VND

Total number of shares 47,897,333

Charter capital (Owner's equity investment)

478,973,330,000 VND

Business name: SOUTHERN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

Enterprise Registration Certificate No.: 0300430500 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on September 20, 202010, the 9th change on October 22, 2021.

Charter capital: 478,973,330,000 VND

Owner's equity: 478,973,330,000 VND

Address: 125B Cach Mang Thang Tam, Ward 05, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Phone number: (028) 3832 5889 – 3839 3931

Fax number: (028) 3832 2807

Website: <https://phanbonmiennam.com.vn/>

KEY PRODUCTS



Southern Fertilizer
NPK 20 - 20 - 15 + TE
Granular Form



Southern Fertilizer
Golden Yield Rice Blossom



Southern Fertilizer Long Thanh
Super Phosphate



Southern Fertilizer
SEJC BIO-GOLD G.A.P



Southern Fertilizer Rice
Blossom in Powder Form



YOGEN Leaf Fertilizer
Yogen Beta Potassium Humate



Formation and development process

In 1976

On April 19, 1976, Southern Fertilizer Joint Stock Company, formerly a state-owned enterprise under the Ministry of Industry and Trade and the Vietnam Chemical Group, was established under the Decision No. 426/HC-QD of the General Department of Chemicals of Vietnam.

In 2010

On October 1, 2010, Southern Fertilizer Company officially converted its business form to a joint stock model with a charter capital of VND 377,000,000,000.

In 2012

On June 12, 2012, the Company successfully issued shares to pay dividends, increasing its charter capital by VND 414,699,980,000.

In 2013

On November 3, 2013, the Company successfully issued shares to pay dividends, increasing its charter capital by VND 435,433,060,000.

In 2014

On December 1, 2014, Southern Fertilizer Joint Stock Company's shares were officially traded on Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) with the stock code SFG and 43,543,306 shares.

The Company has 9 affiliates and a joint venture with LG Chem Group, Korea. In addition, the Company also established the Fertilizer Research and Development Center, specializing in researching, analyzing and updating scientific and technical advances in the world in agriculture.

In 2021

Southern Fertilizer Joint Stock Company celebrated its 45th anniversary (April 19, 1976 - April 19, 2021).

In 2024

Southern Fertilizer Joint Stock Company continues to strengthen production and business, promptly grasp opportunities from the gradually recovering economy to ensure the interests of customers and shareholders



Business objectives and business locations



BUSINESSLOCATIONS

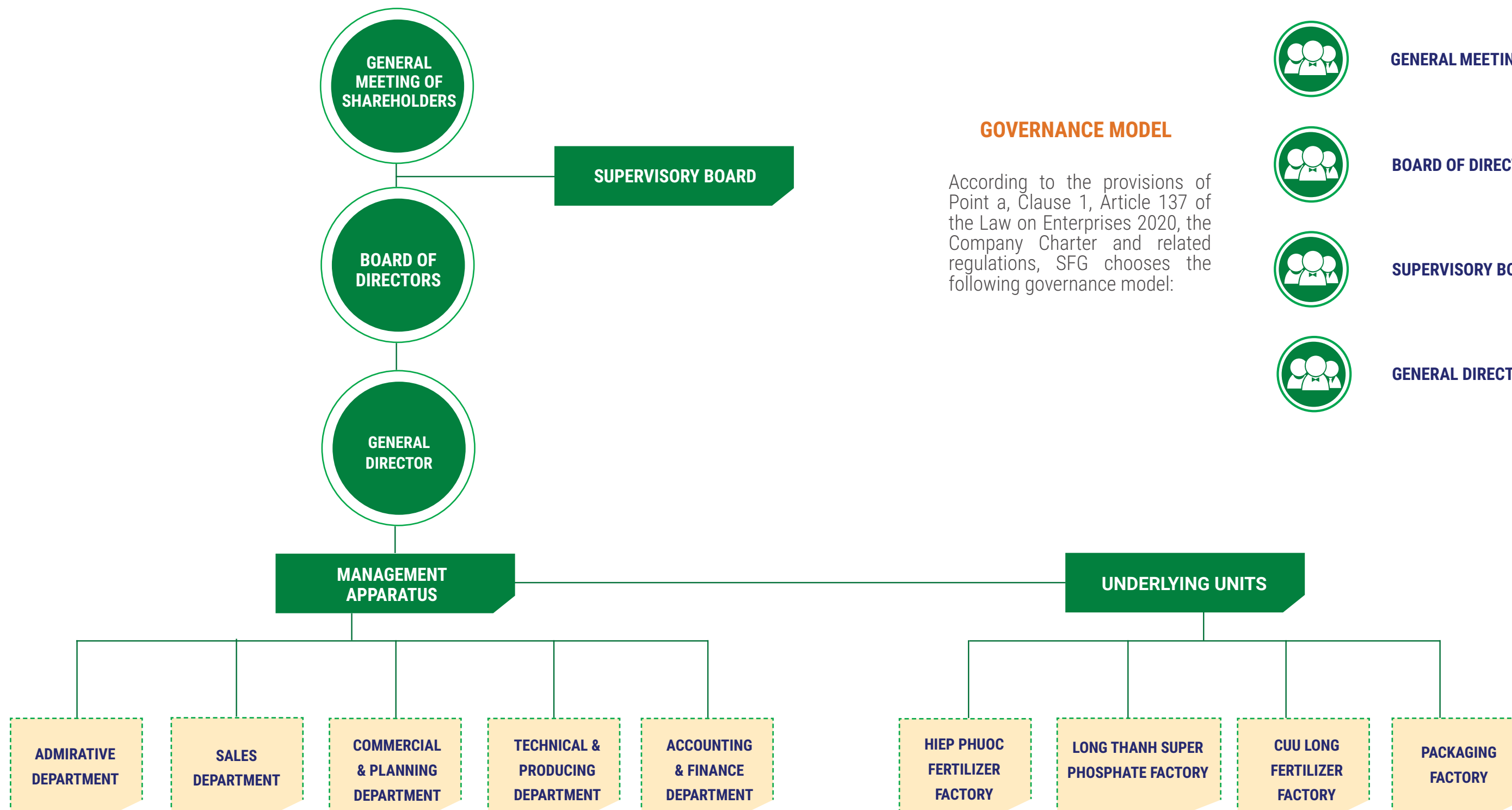
- **Domestic:** Operating nationwide but mainly concentrated in the Mekong Delta, Southeast, Central, Central Highlands and some northern provinces.
- **Offshore:** Korea, Philippines, Malaysia, Cambodia, Laos, Myanmar, Ghana, etc.

BUSINESS OBJECTIVES

Code	Name of business lines
2011	Basic chemical production In details: Production of sulfuric acid and other chemical products, production of additives for cement and construction materials production (except for chemicals with strong toxic properties and not produced at the headquarters) (the Enterprise is only allowed to conduct business when it has met the conditions prescribed by law and ensure that they meet those conditions throughout the operation).
2012 (Main)	Production of fertilizers and nitrogen compounds In details: Production of all kinds of fertilizers (superphosphate, NPK, Yogen foliar fertilizer) (not operated at the headquarters)
2021	Production of pesticides and other chemical products used in agriculture In details: Production, processing, bottling, packaging of plant protection drugs. (not operating at headquarters)
2220	Manufacture of plastic products In details: Production of PP and PE packaging (Not operating at headquarters)
2394	Manufacture of cement, lime and plaster In details: Production of cement (not operating at headquarters)
1080	Production of animal, poultry and aquatic feed In details: Production of animal, poultry and aquatic feed (not operating at headquarters)
4669	Other unclassified specialized wholesales In details: <ul style="list-style-type: none"> • Trading in all types of fertilizers (superphosphate, NPK, Yogen foliar fertilizer); • Trading in cement; • Trading in sulfuric acid and other chemical products; • Wholesale of pesticides; • Trading in PP and PE packaging (Except for storing chemicals and trading in toxic chemicals at headquarters) (the Enterprise is only allowed to conduct business since it has met the conditions prescribed by law and ensure to meet those conditions throughout the operation).
3320	Installation of industrial machinery and equipment In details: Manufacturing and installation of equipment and chemical production lines (no storage of chemicals at headquarters) (the Enterprise is only allowed to conduct business when they have met the conditions prescribed by law and ensure that they meet those conditions throughout their operations).
4620	Wholesales of agricultural and forestry raw materials (except for wood, bamboo, rattan) and live animals. In details: Trading in animal feed, poultry feed, and aquatic feed.
4659	Wholesales of other machinery, equipment and spare parts. In details: Buying and selling equipment, machinery, spare parts and raw materials for fertilizer and chemical production (no storage of chemicals at headquarters) (the Enterprise is only allowed to conduct business when they have met the conditions prescribed by law and ensure that they meet those conditions throughout their operations).
6810	Trading real estate, owned, used or leased land use rights. In details: Infrastructure business and residential area investment. Real estate business. Warehouse and yard leasing (except for services of brokerage, valuation, real estate trading exchange).
5210	Warehousing and storage of goods (except for warehouse business).
5222	Direct support services for waterway transport. In details: Seaport exploitation business.
5224	Loading and unloading of goods (except for loading and unloading of goods at airports).
5229	Other support services related to transport. In details: Freight forwarding services, goods counting services, packaging services related to transport, vehicle weighing services (except for liquefied gas for transport and activities related to air transport).

Information on governance model, business organization and management apparatus

GOVERNANCE APPARATUS STRUCTURE



GOVERNANCE MODEL

According to the provisions of Point a, Clause 1, Article 137 of the Law on Enterprises 2020, the Company Charter and related regulations, SFG chooses the following governance model:

-  **GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**
-  **BOARD OF DIRECTORS**
-  **SUPERVISORY BOARD**
-  **GENERAL DIRECTOR**

Information on governance model, business organization and management apparatus (Continued)

SUBSIDIARIES

None.

ASSOCIATES

Associates	Address	Main business objectives	Paid-up charter capital (USD)	Shareholding percentage
VINA Plasticizers Company Limited (formerly known as "LG Vina Chemical Co., Ltd.")	115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe, District 1, Ho Chi Minh City	Chemical production and trading	5,700,000	35%

UNDERLYING UNITS



Hiep Phuoc Fertilizer Factory

Address: Lot B2, Area B, Hiep Phuoc Industrial Park, Nha Be District, Ho Chi Minh City

Phone number: (028) 3781 8964

Fax: (028) 3781 8962



Long Thanh Super Phosphate Factory

Address: Go Dau Industrial Park - Long Thanh - Dong Nai

Phone number: (0251) 384 1188 – 382 7068

Fax: (0251) 384 1207



Cuu Long Fertilizer Factory

Address: 405, National Highway 1A, Tan Hoa Ward, Vinh Long City, Vinh Long Province

Phone number: (0270) 382 2421 – 382 2910

Fax: (0270) 380 0215



Packaging Factory

Address: C1/3 Tan Kien, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City

Phone number: (028) 3875 0242

Fax: (028) 3875 0242

Development orientation

MAIN OBJECTIVES OF THE COMPANY



Effectively implement the business plan approved by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors;



Research and develop, produce quality, environmentally friendly products, serve agriculture, contribute to raising the level of Vietnamese agricultural products;



Participate in domestic and international trade promotion programs to promote products, and continue to promote trade, seek new customers, especially in the markets of Cambodia and Myanmar to export fertilizers;



Apply technology to management to improve productivity and promote the development of modern agriculture according to the strategy set out by the Board of Directors;



Expand market share to create jobs and income for workers, bring benefits to shareholders and fully fulfill obligations to the State;



Investor relations work always meets compliance requirements, aiming at international standards;



MEDIUM AND LONG-TERM DEVELOPMENT STRATEGY



Strengthen research and development of new products with diverse types, designs and high nutritional content, to meet the increasing demand of the market;



Focus on consolidating and developing the domestic market as a priority, while proactively expanding export markets to increase market share;



Improve management capacity in operations, apply technology to management and maintain, protect and develop capital resources.

SUSTAINABLE DEVELOPMENT POLICY WITH THE ENVIRONMENT AND SOCIETY

The Company understands that in order to develop sustainably, in addition to providing high-quality products and maximizing benefits for shareholders, the Board of Directors always focuses on assessing the impact of production activities on the environment and surrounding communities.



For employees

The company constantly strives to provide the best compensation and benefits policies for employees, creating motivation to work and retaining employees for a long time. Employees are always fully covered by health insurance, social insurance, unemployment insurance, etc. according to State regulations.

The company always focuses on building a friendly and dynamic working environment, encouraging employees to maximize their abilities, while ensuring a fair and transparent promotion process, evaluating work performance based on actual work performance.



For the environment, society and community

The company has researched and developed environmentally friendly organic products, contributing to promoting agriculture according to the Government's orientation and protecting the surrounding landscape and environment. At the same time, the Company is committed to fully fulfilling its responsibilities and obligations to the environment, community and society, joining hands to build a sustainable and better society.

Risks

ECONOMIC RISKS

In 2024, the world situation continues to face unpredictable developments and uncertainties. From the escalation of the conflict between Russia and Ukraine; increased trade protectionism policies; localized disruptions in the global supply chain affecting peace and prices of input materials; unpredictable natural disasters, storms, floods, droughts and forest fires affecting socio-economic development in many countries. In addition, the world economy also sees positive factors from stable commodity trade and gradually decreasing inflationary pressure although still maintaining a high level.

According to the General Statistics Office, in Vietnam, the country's GDP growth rate in 2024 increased by 7.09% compared to the previous year, only lower than the growth rate of 2018, 2019 and 2022 in the period of 2011-2024. Export activities continue to be a bright spot of the Vietnamese economy in 2024, with total export turnover of goods reaching a record high of USD 405.53 billion, up 14.3% over the previous year, surpassing the historical milestone of USD 371.82 billion in 2022. This shows that, despite many fluctuations in the economic situation, the country's economy has remained stable thanks to the Government's timely and synchronous policies, helping



to remove difficulties, support production, promote trade, expand export markets, and international trade activities in recent times.

For the fertilizer industry, after a period of prosperity when fertilizer prices fluctuated strongly in the period of 2021-2023 due to short-term supply-demand imbalances, caused by uncertain factors such as fertilizer trade policies, energy cost fluctuations, and supply chain disruptions. Entering 2024, the fertilizer industry is facing a difficult situation when fertilizer prices decrease and oversupply is increasing. The reason is that the supply from Russia and China has gradually loosened after a period of tightening supply and domestic protection policies. According to the Vietnam Fertilizer Association, fertilizer export turnover recorded a decrease of 47% to USD 856 million compared to that in the same period in 2023.

Faced with that situation, the company always closely follows and proposes solutions to adapt to market conditions in terms of input materials, output prices, domestic markets, exports, etc. The Company is committed to stable, safe, efficient and sustainable development, technology integration and maintaining brand reputation.



LEGAL RISKS

Southern Fertilizer Joint Stock Company is a public company listed on Ho Chi Minh City Stock Exchange; therefore it must comply with the provisions of the Law on Enterprises, Securities Law, Labor Law, ... and related legal documents. Furthermore, with the specificity of operating in the fertilizer and chemical industry, the Company is also subject to regulations on the Law on Cultivation, product quality, and technical standards. In addition to operating in the domestic market, the Company also exports fertilizer products to Korea, the Philippines, Malaysia, Cambodia, Laos, and Myanmar. Therefore, the Company needs to continuously update environmental factors and trade policies to control risks and ensure production and business efficiency.

In addition, on the afternoon of November 26, 2024, the National Assembly of Vietnam passed the amended Law on Value Added Tax for the fertilizer industry. Accordingly, the amended Law has changed fertilizer from a non-taxable subject to a tax rate of 5% from July 1, 2025. This allows enterprises in the fertilizer industry to deduct input VAT, which was previously included in product costs, thereby helping to reduce the cost of output fertilizer products. At the same time, imported fertilizer products currently have an advantage of not being subject to VAT at both the import and output stages. The application of the amended Law has contributed to improving the competitiveness of domestic products, creating favorable conditions to protect domestic goods from international competition. In this context, the Company needs to quickly grasp the changes from the amended Law and promptly adjust fertilizer prices appropriately, contributing to improving production and business efficiency in the difficult period that the fertilizer industry is facing.



Risks (continued)



INTEREST RATE RISK

The inflation situation in countries around the world is gradually cooling down, although the operating interest rate is still at a high level, there have been positive changes. In the US, on September 18, 2024, the US Federal Reserve (Fed) decided to cut the overnight lending rate by 0.5%, bringing this interest rate to 5%, this is the first time the Fed has cut interest rates since March 2020, after 11 consecutive interest rate increases since March 2022, and continued to decrease to 4.75% in November and 4.5% in December 2024. The Fed's interest rate reduction is also a driving force for Central Banks of countries to continue to reduce interest rates, thereby reducing the general level of interest rates, borrowing costs and investment.

In Vietnam, the Government and the Prime Minister have directed banks to maintain reasonable interest rates to facilitate production and business development and economic growth. In particular, the Government, the Prime Minister and the State Bank of Vietnam have issued the Directive No. 14/CT-TTg dated May 2, 2024 on implementing monetary policy management tasks in 2024, the Directive No. 29/CT-TTg dated August 27, 2024 on stimulating consumption and supporting production and business. At the same time, Southern Fertilizer Joint Stock Company always closely monitors and continuously assesses the impact of monetary policies as well as lending policies of banks, in order to make the most reasonable and effective financial decisions.



INPUT MATERIAL PRICE RISK



At present, Southern Fertilizer Joint Stock Company is at the end of the fertilizer industry value chain, focusing on the production of Super Phosphate (P) and NPK. The main input materials for the Company's fertilizer production include: Apatite ore, sulfur, Urea (N), Potassium (K), etc. In which, except for Phosphate fertilizer which the Company produces itself and utilizes as input material to produce NPK fertilizer, most of the remaining materials must be imported from abroad. Because input materials for production depend on foreign supplies, the Company's costs and profit margins are subject to strong fluctuations due to international events, typically: Urea supply declines due to high gas prices in Europe and thermal coal prices in China from the first quarter of 2021; Russia's Urea supply is disrupted and energy costs escalate due to the Russia-Ukraine conflict in April 2022; Russia cuts gas supply in Europe and China maintains tight exports in July 2022.

In 2024, the supply is loosened by the policies of the two major exporting countries, China and Russia, and the price of input materials generally decreases sharply to the base level in the past 5 years, showing that the Company is under less pressure from input material risks this year. In addition, the Company always grasps the international situation, especially in exporting countries, to develop reasonable inventory reserve policies, sign future contracts for each economic stage, and prepare for cases of impact from input prices as well as escalating geopolitical tensions. In addition, the Company is always actively seeking and diversifying input material suppliers to ensure efficiency in production and business.

Risks (continued)

OUTPUT MARKET RISK



In recent years, organic agriculture has become one of the important goals set by the Vietnamese Government to develop sustainable agriculture. To realize this goal, by 2030, the proportion of organic fertilizers in the total amount of fertilizers supplied on the market needs to reach more than 30%, with the usage in agricultural production doubling compared to 2020. Organic fertilizers, with natural origins, not only help improve soil health but also increase productivity and quality of agricultural products. Moreover, in the context of global consumers increasingly paying attention to choosing safe food, the use of organic fertilizers combined with high-quality inorganic fertilizers in agricultural production has become an inevitable trend. Recognizing this, the Company has developed fertilizer products suitable for the soil characteristics of each region, ensuring organic standards and consumer trends. In addition, Southern Fertilizer Joint Stock Company always has to consider risks and opportunities to offer reasonable, competitive prices that are consistent with market prices, in order to maintain market share and competitive advantages both domestically and internationally.



OTHER RISKS



Southern Fertilizer Company also faces a number of other risks that may occur in force majeure situations such as natural disasters, fires, earthquakes, epidemics, etc. Although these risks rarely occur and are difficult to predict, when they occur, they can have serious consequences for both people and the Company's assets. To minimize the impact, the Company is always proactive in protecting by purchasing insurance for employees and assets. In addition, the Company is constantly preparing for possible bad situations, developing timely prevention and handling plans. At the same time, the Company always focuses on improving the knowledge and skills of its employees in fire prevention and fighting. Disseminating this knowledge helps to enhance the ability to respond quickly in emergencies and ensure the safety of everyone involved in the production process.



OPERATIONAL SITUATION IN THE YEAR

- 1 Production and business situation
- 2 Organization and personnel
- 3 Investment situation, project implementation situation
- 4 Financial situation
- 5 Structure of shareholders, change in Owner's equity
- 6 Report on the Company's environmental and social impacts

Production and business situation

PRODUCTION AND BUSINESS RESULTS IN 2024

In 2024, fertilizer production and business activities will continue to face many difficulties and challenges due to the complicated and unpredictable developments in the world situation; difficulties and challenges are much greater than forecast; strategic competition between major countries is increasingly fierce. Prices of raw materials for fertilizer production in the world tend to increase. In particular, Urea fertilizer prices fluctuate erratically, sometimes increasing, sometimes decreasing; DAP prices increase by 10-25%; SA prices increase by 20%; acid prices increase by 100%, Potassium prices are stable, affecting the Company's reserve, production and business plans. However, the Company always receives close and timely guidance from Vietnam National Chemical Group (Vinachem), the Party Committee, the Board of Directors, the consensus of the Company's leadership, especially the efforts to overcome difficulties

of employees throughout the Company, in 2024 the Company basically completed the main targets approved by the General Meeting of Shareholders as follows:

- Industrial production value (at actual prices) reached 1,611 billion VND, equal to 99.5% of the plan and 103.2% over the same period;
- Total revenue: reached 1,639 billion VND, equal to 101% of the plan and 99.3% over the same period;
- Profit: reached 32.2 billion VND, equal to 100% of the plan;
- Workers' income reached 14,171,000 VND /person/month, equal to 127% of the plan and 90% compared to that in the same period.

Unit: million VND

No.	Items	In 2023	In 2024	2024/ 2023 percentage, %
1	Net revenue	1,558,965	1,600,157	102.64%
2	Net profit from business operations	49,254	26,031	52.85%
3	Other profits	7,727	6,105	79.01%
4	Profit before tax	56,981	32,136	56.40%
5	Profit after tax	56,821	25,684	45.20%
6	Basic earnings per share (VND)	1,186	342	28.84%
7	Dividend payment percentage (%)	5%	(*)	-

(*) The 2024 dividend shall be decided at the Company's 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

STRUCTURE OF SALES REVENUE AND SERVICE PROVISION

No.	Items	Unit	In 2023	In 2024		Comparison of implementation of 2024 over the same period (%)	Comparison of implementation of 2024 to planned figures
				Plan	In 2024		
I Mainly produced products							
1	Phosphate fertilizers	Ton	72,233	85,000	102,037	141.26%	120.04%
2	NPK fertilizers	Ton	73,261	85,000	74,378	101.52%	87.50%
3	Total sulfuric acid, in which:	Ton	68,949	90,000	90,809	131.70%	100.90%
4	Packaging	1000 Pcs	7,262	8,400	7,038	96.92%	83.79%
5	Foliar fertilizers	Ton	37.05	45	45.59	123.05%	101.31%
II Mainly consumed products							
1	All kinds of phosphate fertilizers	Ton	84,186	80,000	89,558	106.38%	111.95%
2	All kinds of NPK fertilizers, in which:	Ton	70,133	85,000	67,230	95.86%	79.09%
3	Commercial sulfuric acid (H2SO4)	Ton	53,836	65,000	57,626	107.04%	88.66%
4	Packaging	Ton	7,307	8,400	7,131	97.59%	84.89%
5	Foliar fertilizers	1000 Pcs	35	45	42	120.00%	93.33%
6	Raw material trading	Ton	47,758	30,000	58,451	122.39%	194.84%
III Gross revenue		VND mill.	1,651,679	1,620,000	1,639,825	99.28%	101.22%
1	Sales and service revenue	VND mill.	1,560,100	1,610,000	1,605,625	102.92%	99.73%
	In which: Export revenue	VND mill.	109,964	192,000	92,136	83.79%	47.99%
2	Other revenue	VND mill.	91,579	10,000	34,200	37.34%	342.00%
IV Taxes and duties		VND mill.	11,654	29,504	34,200	293.46%	115.92%
V Export activities							
1	Total export turnover	USD 1000	4,583.70	7,000	3,730	81.38%	53.29%
2	Number of exported products	Ton	11,656	65,000	9,732	83.49%	14.97%
VI Profit before tax		VND Mill.	56,980	32,000	32,136	56.40%	100.42%
VII Dividends		%	5%	-	(*)	100.00%	

(*) The 2024 dividend shall be decided at the Company's 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

Organization and personnel

BOARD OF DIRECTORS

List of members of Board of Directors

No.	Members of Board of Directors	Position	Number of shares held			
			Representative	Percentage	Individual	Percentage
1	Nguyen Van Quy	Chairman of BOD	11,999,879	25.05%	-	-
2	Do Van Tuan	Executive Member of BOD, General Director	9,579,467	20.00%	5	0.00%
3	Trinh Quoc Hung	Executive Member of BOD, Deputy General Director	9,579,467	20.00%	3,049	0.00%
4	Ngo Ngoc Quang	Independent Member of BOD	-	-	-	-
5	Ha Thai Son	Non-executive Member of BOD	-	-	-	-

Changes in the Board of Directors

No.	Members of Board of Directors	Position	Date of appointment	Date of Dismissal
1	Do Van Tuan	Executive Member of Board of Directors	19/04/2024	-
2	Dang Tan Thanh	Member of Board of Directors	-	19/04/2024

Curriculum Vitae of members of Board of Directors

MR. NGUYEN VAN QUY Chairman of Board of Directors	» Date of birth: 18/07/1965
	» Level of expertise: Chemical Engineer

» Employment history

Time	Title, position, work unit
From 1983 - 02/1991	Worker, production supervisor of Lam Thao fertilizers and Chemicals factory
From 1991 - 1992	Student at Central Youth Academy
From 02/1992 - 2000	Deputy Secretary, Secretary of the Youth Union of Lam Thao Fertilizers and Chemicals JSC
From 09/1994 - 04/2000	Student at Hanoi University of Science and Technology, majoring in Inorganic Chemistry
From 04/2000 - 05/2002	Vice President of Labor Union of Lam Thao Fertilizers and Chemicals JSC
From 06/2002 - 07/2008	Chief of Office of Lam Thao Fertilizers and Chemicals JSC
From 08/2008 - 12/2010	Chief of Joint Party Administrative Office cum Chief of Office of Vietnam National Chemical Group (VINACHEM)
From 01/2011 - 03/2018	Permanent Deputy Secretary of the Party Committee of Vietnam National Chemical Group (VINACHEM)
From 04/2018 to present	Permanent Deputy Secretary of the Party Committee of Vietnam National Chemical Group (VINACHEM) cum Chairman of the Board of Directors of The Southern Fertilizer Joint Stock Company

» **Current positions held at other organizations:** Permanent Deputy Secretary of the Party Committee at Vietnam National Chemical Group (Vinachem)

» Number of shares held (at time):

- Individual ownership: None
- Representative for Owner: 11,999,879 shares, accordingly 25.05% of charter capital
- Do related people hold shares: None

Organization and personnel (continued)

BOARD OF DIRECTORS

Curriculum Vitae of members of Board of Directors (continued)

MR. DO VAN TUAN

Executive Members of BOD, General Director

- » **Date of birth:** 12/07/1978
- » **Level of expertise:** Bachelor of Economics majoring in Economic Informatics, Bachelor of Economics majoring in Accounting and Auditing

» Employment history

Time	Title, position, work unit
From 2001 – 02/2004	Employee of Corporation for Application and Development Software Company Limited - Ho Chi Minh City Branch at 97 Nguyen Cong Tru, District 1, Ho Chi Minh City.
From 03/2004 – 06/2011	Accountant staff of Finance and Accounting Department of The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 07/2011 – 01/2016	Head of Accounting Department of The Southern Fertilizer Joint Stock Company Branch - Hiep Phuoc Fertilizer Factory
From 02/2016 – 07/2016	Deputy Head of Finance and Accounting Department of The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 08/2016 – 06/2017	Head of Finance and Accounting Department, Deputy Secretary of the Party Cell of The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 07/2017 – 05/2018	Member of the Party Executive Committee of the Company; Head of Finance and Accounting Department, Deputy Secretary of the Party Cell of The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 06/2018 – 01/2019	Member of the Party Executive Committee of the Company; Chief Accountant, Deputy Secretary of the Party Cell Office of The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 02/2019 – 06/2020	Member of the Party Executive Committee of the Company; Chief Accountant, Member of the Party Cell Committee of "Office – Packaging"
From 07/2020 – 03/2023	Member of the Party Standing Committee of the Company; Chief, Member of the Office – Packaging Party Cell Committee.
From 04/2023 – 07/2023	Member of the Party Standing Committee of the Company; Chief Accountant, Member of the Office Party Cell Committee of The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 08/2023 – 18/04/2024	Member of the Party Standing Committee of the Company, Deputy General Director, Member of the Office Party Cell Committee of The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 19/04/2024 to 03/09/2024	Member of the Party Standing Committee of the Company, Member of the Board of Directors, Deputy General Director, Member of the Office Party Cell Committee of The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 04/09/2024 to present	Secretary of the Party Committee, Member of the Party Standing Committee, Member of the Board of Directors, General Director, Member of the Office Party Cell Committee of The Southern Fertilizer Joint Stock Company

» **Current positions held at other organizations:** None

» **Number of shares held (at time):**

- Individual ownership: 5 shares, accordingly 0.00% of charter capital
- Representative for Owner: 9,579,467 shares, accordingly 20.00 % of charter capital
- Do related people hold shares: None

MR. TRINH QUOC HUNG

Executive Members of BOD, Deputy General Director

- » **Date of birth:** 07/01/1974
- » **Level of expertise:** Bachelor of Science – Major in Business Administration

» Employment history

Time	Title, position, work unit
From 01/1995 - 09/1997	Preventive medical staff at Ba Thuoc hospital in Lam Xa commune, Ba Thuoc district, Thanh Hoa province
From 10/1997 - 06/2005	Self-employment
From 07/2005 - 02/2012	Staff of Department of General Administration of Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 01/2013 - 09/2014	Deputy Director of Personnel and Administration Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company (SFJC)
From 10/2014 - 06/2015	Member of the Party Committee, Deputy Head of Personnel Organization and Administration Department of The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 07/2015 - 06/2017	Member of the Party Executive Committee, Member of the Inspection Commission of Party Committee, Deputy Director of Personnel and Administration Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company.
From 07/2017 - 04/2018	Member of Executive Committee of Vietnam Industrial Chemical Trade Union. Member of the Standing Party Committee, Member of the Inspection Commission of Party Committee, Union President of SFJC, Deputy Director of Personnel and Administration Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company.
From 05/2018 - 06/2020	Member of Executive Committee of Vietnam Industrial Chemical Trade Union. Member of the Standing Party Committee, Member of the Inspection Commission of Party Committee, Union President of SFJC, Director of Personnel and Administration Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company.
From 07/2020 - 02/2021	Member of Executive Committee of Vietnam Industrial Chemical Trade Union. Deputy Secretary of Party Committee of SFJC, Chairman of the Inspection Commission of Party Committee, Union President of SFJC, Director of Personnel and Administration Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company.
From 01/2022 - 21/05/2023	Member of Executive Committee of Vietnam Industrial Chemical Trade Union. Deputy Secretary of Party Committee of SFJC, Chairman of the Inspection Commission of Party Committee, Member of the Board of Directors, Union President of SFJC, Director of Personnel and Administration Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company.
From 22/05/2023 - 07/2023	Member of Executive Committee of Vietnam Industrial Chemical Trade Union. Deputy Secretary of Party Committee of SFJC, Chairman of the Inspection Commission of Party Committee, Member of the Board of Directors, Director of Personnel and Administration Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company.
From 08/2023 - 08/2024	Deputy Secretary of Party Committee of The Southern Fertilizer Joint Stock Company, Chairman of the Inspection Commission of Party Committee, Member of the Board of Directors, Deputy General Director and Director of Organization and Administration Department of The Southern Fertilizer Joint Stock Company.
From 09/2024 to present	Deputy Secretary of Party Committee of The Southern Fertilizer Joint Stock Company, Chairman of the Inspection Commission of Party Committee, Member of the Board of Directors, Deputy General Director cum Director of Organization and Administration Department of The Southern Fertilizer Joint Stock Company, Chairman of the Board of Members of VINA Plasticizers Chemical Company Limited (VP CHEM)

Organization and personnel (continued)

BOARD OF DIRECTORS

Curriculum Vitae of members of Board of Directors (continued)

» **Current positions held at other organizations:** None

» **Number of shares held (at time):**

- Individual ownership: 3,049 shares, accordingly 0.00% of charter capital
- Representative for Owner: 9,579,467 shares, accordingly 20.00% of charter capital
- Do related people hold shares: None

MR. NGO NGOC QUANG

Independent Member of BOD

» **Date of birth:** 02/03/1979

» **Level of expertise:** Bachelor of Economics - Banking and Finance

» **Employment history**

Time	Title, position, work unit
03/2002 - 01/2005	Credit Officer - Credit Specialist at Petro Vietnam Finance Joint Stock Corporation (PVFC) – Ho Chi Minh Branch
02/2005 – 05/2006	Credit Officer - Head of Capital Arrangement and Corporate Credit Team of Petro Vietnam Finance Joint Stock Corporation (PVFC) - Ho Chi Minh Branch
06/2006 – 08/2006	Assistant Director of Ho Chi Minh City Branch of Petro Vietnam Finance Joint Stock Corporation (PVFC)
09/2006 – 06/2007	Credit Officer - Challenge Deputy Head of Credit Department, Ho Chi Minh City Branch, Petro Vietnam Finance Joint Stock Corporation (PVFC)
07/2007 – 08/2008	Deputy Director of Project Investment Department, Ho Chi Minh City Branch, Petro Vietnam Finance Joint Stock Corporation (PVFC)
01/09/2008 – 16/03/2009	Deputy Director of Investment Department, Ho Chi Minh City Branch, Petro Vietnam Finance Joint Stock Corporation (PVFC)
17/03/2009 - 07/2012	Director of Investment Department, Ho Chi Minh City Branch, Petro Vietnam Finance Joint Stock Corporation (PVFC)
07/2012 - 08/2012	Deputy Director of Ho Chi Minh City Branch of Petro Vietnam Finance Joint Stock Corporation (PVFC)

8/2012 - 9/2013	Deputy General Director of Western Commercial Joint Stock Bank - WTB
10/2013 – 06/2017	Deputy General Director, Director of Corporate Banking Department at Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank (PVcomBank)
06/2017 - present	Member of Board of Directors of Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank (PVcomBank)

» **Current positions held at other organizations:** Member of Board of Directors of Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank

» **Number of shares held (at time):**

- Individual ownership: None
- Representative for Owner: None
- Do related people hold shares: None

MR. HA THAI SON

Non-executive Member of BOD

» **Date of birth:** 15/10/1971

» **Level of expertise:** PhD in Economics, Master of Science in Engineering - Mechanical Engineer.

» **Employment history**

Time	Title, position, work unit
From 6/2000 - 12/2002	Officer, Petro Vietnam Insurance Joint Stock Corporation, Ho Chi Minh City Branch
From 12/2002 - 4/2004	Deputy Manager of Insurance Sales Department 1, Petro Vietnam Insurance Joint Stock Corporation, Ho Chi Minh City Branch
From 5/2004 - 4/2005	Deputy Manager of Sales Department, PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Company
From 4/2005 - 5/2005	Deputy Manager of Logistics Department, PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Company
From 6/2005 - 9/2007	Manager of Logistics Department, PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Company
From 9/2007 - 7/2008	Manager of Logistics Department, PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company
From 8/2008 - 7/2009	Manager of Logistics Department, PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation. Secretary of Logistics Party Cell
From 8/2009 - 01/2010	Deputy Director in charge of Ho Chi Minh Branch of PetroVietnam Trade Union Finance Investment Corporation

Organization and personnel (continued)

BOARD OF DIRECTORS

Curriculum Vitae of members of Board of Directors (continued)

From 02/2010 - 12/2013	Director of Ho Chi Minh Branch of PetroVietnam Trade Union Finance Investment Corporation. Secretary of Party Cell of the Ho Chi Minh Company Branch
From 01/2014 - 7/2018	Self-employment
From 8/2018 - 6/2020	Director of Hiep Phuoc Fertilizer Factory - Branch of The Southern Fertilizer Joint Stock Company, Secretary of Party Cell of Hiep Phuoc Fertilizer Factory.
From 7/2020 - 4/2022	Member of the Party Executive Committee of The Southern Fertilizer Joint Stock Company; Secretary of Party Cell, Director of Hiep Phuoc Fertilizer Factory
From 5/2022 to present	Member of the Party Executive Committee, Member of the Board of Directors of The Southern Fertilizer Joint Stock Company, Secretary of the Party Cell of Hiep Phuoc Fertilizer Factory - Packaging; Director of Hiep Phuoc Fertilizer Factory

» **Current positions held at other organizations:** None

» **Number of shares held (at time):**

- Individual ownership: None
- Representative for Owner: None
- Do related people hold shares None

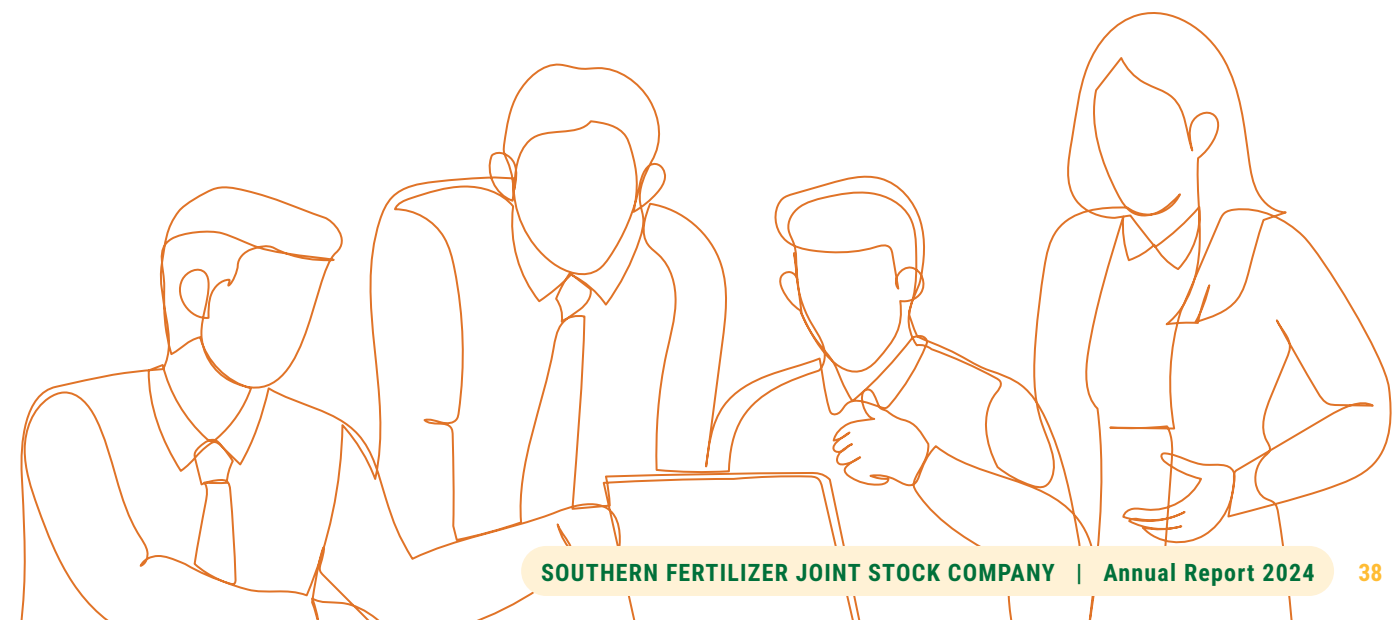
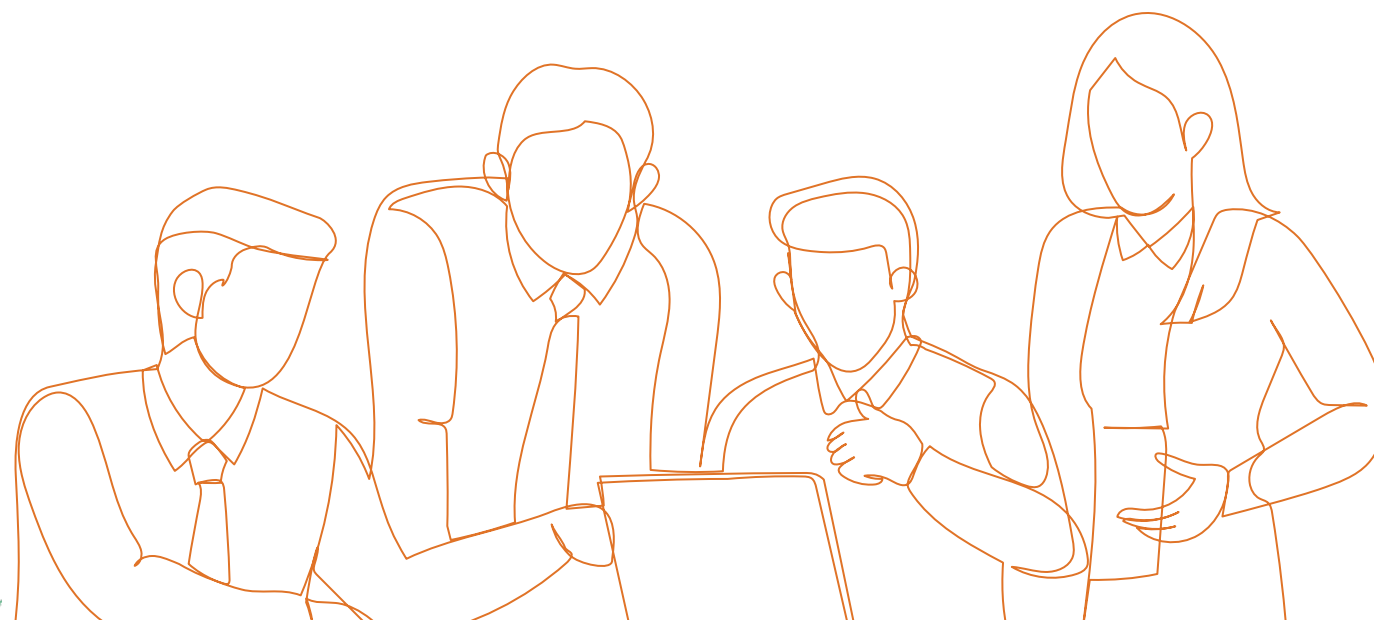
SUPERVISORY BOARD

List of Members of the Supervisory Board

No.	Members of Board of Directors	Position	Number of shares held			
			Representative	Percentage	Individual	Percentage
1	Vo Anh Tuan	Head of Supervisory Board	-	-	-	-
2	Nguyen Thi Thuy Duong	Member of Supervisory Board	-	-	-	-
3	Tran Chau Minh	Member of Supervisory Board	-	-	-	-

Changes in the Supervisory Board

In 2024, there is no change in the Supervisory Board



Organization and personnel (continued)

SUPERVISORY BOARD

Curriculum Vitae of Member of Supervisory Board

MR. VO ANH TUAN

Head of Supervisory Board

- » **Date of birth:** 11/02/1975
- » **Level of expertise:** Bachelor of Economics

» Employment history

Time	Title, position, work unit
From 6/2001 – 3/2006	Accountant at Ngan Son Construction Company Limited, Binh Tan District, Ho Chi Minh City.
From 6/2006 – 12/2013	Accounting staff of Yogen Mitsuvina Foliar Fertilizer Factory under The Southern Fertilizer Joint Stock Company.
From 1/2014 – 8/2015	Accounting staff of Hiep Phuoc fertilizer factory under The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 9/2015 - 8/2019	Deputy of Accounting Department of Hiep Phuoc Fertilizer Factory under The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 9/2019 – 6/2020	Deputy Manager of Accounting Department of Hiep Phuoc Fertilizer Factory, The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 7/2020 - 5/2021	Manager of Accounting Department of Hiep Phuoc Fertilizer Factory under The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 6/2021 - 4/2023	Deputy Director of Hiep Phuoc Fertilizer Factory under The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 5/2023 to present	Head of Supervisory Board of The Southern Fertilizer Joint Stock Company, Deputy Director of Hiep Phuoc Fertilizer Factory under The Southern Fertilizer Joint Stock Company

» **Current positions held at other organizations:** None

» Number of shares held (at time):

- Individual ownership: None
- Representative for Owner: None
- Do related people hold shares: None

MS. NGUYEN THI THUY DUONG

Member of Supervisory Board

- » **Date of birth:** 22/11/1983
- » **Level of expertise:** Bachelor of Economics

» Employment history

Time	Title, position, work unit
From 2005 – 2010	Audit Assistant, Auditor - A&C Auditing and Consulting Company Limited
From 10/2010 - 02/2013	General Accountant - Vietnam Chemical Finance Joint Stock Company (VCFC)
From 3/2013 - 6/2014	Head of Finance and Accounting Department - Vietnam Chemical Finance Joint Stock Company (VCFC)
From 7/2014 - 9/2014	Deputy Head of Finance and Accounting Department - Vietnam Chemical Finance Joint Stock Company (VCFC)
From 10/2014 - 11/2019	Officer of Finance and Accounting Department - Vietnam National Chemical Group (VINACHEM)
From 12/2019 - 01/2023	Deputy Head of Project Financial Management Department, Finance and Accounting Division - Vietnam National Chemical Group (VINACHEM)
From 1/2023 to present	Deputy Head of Finance and Accounting Division - Vietnam National Chemical Group (VINACHEM)
From 1/2015 - 6/2016	Head of Supervisory Board of Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company (SOVIZGAZ)
From 7/2016 - 4/2023	Member of Supervisory Board of Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company (SOVIZGAZ)
From 5/2015 - 4/2016	Head of Supervisory Board of The Southern Fertilizer Joint Stock Company (SFJC)
From 5/2016 to present	Member of Supervisory Board of The Southern Fertilizer Joint Stock Company (SFJC)

Organization and personnel (continued)

SUPERVISORY BOARD

Curriculum Vitae of Member of Supervisory Board (continued)

From 5/2015 - 5/2021	Member of Supervisory Board of Tay Ninh Chemical Joint Stock Company (now France - Vietnam Sorbitol Joint Stock Company (SOFAVI))
From 2016 - 4/2021	Member of Supervisory Board of Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Joint Stock Company
From 6/2020 to present	Member of Board of Directors of Lam Thao Fertilizers And Chemicals Joint Stock Company

» **Current positions held at other organizations:** None

» **Number of shares held (at time):**

- Individual ownership: None
- Representative for Owner: None
- Do related people hold shares None

MR. TRAN CHAU MINH
Member of Supervisory Board

» **Date of birth:** 14/12/1978

» **Level of expertise:** Electrical Engineer; Bachelor of Economics

» **Employment history**

Time	Title, position, work unit
From 3/2002-6/2004	Staff at A Chau Technology Joint Stock Company
From 6/2004-11/2009	Staff of Production Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 11/2009-9/2010	Deputy Director of Production Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 9/2010- 5/2018	Deputy Director of Technical Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 5/2018 – 3/2019	Deputy Director of the Technical Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 3/2019 – 12/2021	Deputy Director of the Technical and Production Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 01/2022- 5/2023	Deputy Director in Charge of the Technical and Production Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company
From 6/2023 to present	Director of the Technical and Production Department, The Southern Fertilizer Joint Stock Company

» **Current positions held at other organizations:** None

» **Number of shares held (at time):**

- Individual ownership: None
- Representative for Owner: None
- Do related people hold shares None



Organization and personnel (continued)

MANAGEMENT BOARD

List of members of Management Board

No.	Members of Board of Directors	Position	Number of shares held			
			Representative	Percentage	Individual	Percentage
1	Do Van Tuan	Executive Member of BOD, General Director	9,579,467	20.00%	5	0.00%
2	Vu Minh Tuan	Deputy General Director	-	-	-	-
3	Trinh Quoc Hung	Executive Member of BOD, Deputy General Director	9,579,467	20.00%	3,049	0.00%
4	Nguyen Thi Huong	Chief Accountant	-	-	-	-

Changes in Management Board

No.	Members	Position	Date of appointment	Date of Dismissal
1	Do Van Tuan	General Director	04/09/2024	-

Curriculum Vitae of member of Management Board

MR. DO VAN TUAN

Executive Members of BOD, General Director

Presented in the Curriculum Vitae of Member of Board of Directors

ÔNG VŨ MINH TUẤN

Phó Tổng Giám đốc

» **Date of birth:** 08/11/1970

» **Level of expertise:** Master of Economics - Business Administration

» Employment history

Time	Title, position, work unit
1981 – 1993	Worker of Cuu Long Fertilizer Enterprise,
1996 – 2000	Production Shift Leader, Long Thanh Super Phosphate Factory, under Southern Fertilizer Company
2005 – 2008	Super Workshop Manager, Long Thanh Super Phosphate Factory, under Southern Fertilizer Company
2008 – 2013	Head of Technical Department, Long Thanh Super Phosphate Factory, under Southern Fertilizer Joint Stock Company
2013 – 2017	Deputy Director, Hiep Phuoc Fertilizer Factory, under Southern Fertilizer Joint Stock Company
2019 – 2020	Director, Long Thanh Super Phosphate Factory, under Southern Fertilizer Joint Stock Company
2021 – Present	Member of the Party Executive Committee, Deputy General Director, Secretary of Party Cell, Director, Long Thanh Super Phosphate Factory - Southern Fertilizer Joint Stock Company

» **Current positions held at other organizations:** None

» **Number of shares held (at time):**

- Individual ownership: None
- Representative for Owner: None
- Do related people hold shares None

Organization and personnel (continued)

Curriculum Vitae of member of Management Board (continued)

MR. TRINH QUOC HUNG

Executive Members of BOD, Deputy General Director

Presented in the Curriculum Vitae of Member of Board of Directors

MS. NGUYEN THI HUONG

Chief Accountant

» **Date of birth:** 24/10/1979

» **Level of expertise:** Bachelor in Economics – Major: Accounting

» Employment history

Time	Title, position, work unit
11/2001 – 03/2008	Specialist of Accounting and Finance Department of the Development Assistance Fund (now Vietnam Development Bank)
04/2008 – 12/2008	Specialist of Project Management Board - Vietnam Machinery Installation Corporation
01/2009 – 12/2010	Supervisor cum Manager of Dong Da Transaction Office - Ocean Commercial Joint Stock Bank
01/2011 – 06/2014	General Accountant of Finance and Accounting Department - Shipbuilding Industry Corporation (SBIC); Member of Supervisory Board of Petrovietnam Marine Shipyard (PV Shipyard)
07/2014 – 10/2017	Specialist of Accounting and Finance Department - Southern Fertilizer Joint Stock Company
05/2020 – 07/2023	Deputy Director in charge of Accounting and Finance - Southern Fertilizer Joint Stock Company
08/2023 - 02/2024	Deputy Director in charge of Accounting and Finance, In charge of Accounting - Southern Fertilizer Joint Stock Company
02/2024 - Present	Chief Accountant of Southern Fertilizer Joint Stock Company

» **Current positions held at other organizations:** None

» **Number of shares held (at time):**

- Individual ownership: None
- Representative for Owner: None
- Do related people hold shares None

NUMBERS OF OFFICERS AND STAFFS

Total number of employees

534

persons
(As of December 31, 2024)

Average income

14,171

million VND/person/month

No.	Workforce classification	Quantity (people)	Percentage
A	By qualification, education level	534	100%
1	University and postgraduate	148	27.7%
2	College and professional diploma holders	160	30.0%
3	Vocational diploma holders and technical workers	42	7.9%
4	Unskilled workers	184	34.5%
B	By term Labor contract	534	100%
1	Indefinite term	300	56.2%
2	With fixed term	234	43.8%
3	Short-term contract under 1 year	0	0.0%
C	By gender	534	100%
1	Male	441	82.6%
2	Female	93	17.4%
Total		534	100%

Organization and personnel (continued)

PERSONNEL POLICY

REGARDING STAFF TRAINING AND DEVELOPMENT

In order to improve the labor qualifications and meet the increasing demands of modern agriculture, the Company regularly organizes periodic training and professional training programs. The courses are systematically developed, strictly complying with internal regulations and rules, aiming to equip knowledge and skills appropriate for each job position. In particular, aiming to build a core staff team, the Company focuses on providing training policies for different staff levels, with different training hours. This not only helps the staff improve their capacity but also ensures professionalism and efficiency in the working process. In addition, the Company also focuses on organizing seminars to share experiences and specialized knowledge in agriculture, creating opportunities for employees and the community to exchange and learn from each other.

Recruitment plays an important role in forming a high-quality staff for the Company. The recruitment process is clearly established, ensuring fairness and meeting the Company's needs. In addition, this process is implemented in a systematic and transparent manner, helping the Company attract excellent candidates, contributing to promoting the sustainable development of the business.

REGARDING RECRUITMENT



REGARDING THE WORKING ENVIRONMENT

The Company always strives to create a professional and healthy working environment, ensuring working time of 8 hours per day. At the same time, we focus on factors such as working conditions, modern equipment and close relationships between employees to promote solidarity and improve work performance. In addition, the Company regularly monitors, evaluates and improves the working environment, in order to meet the needs and desires of all officers, employees and workers.

The Company builds a reasonable salary and bonus policy, suitable for each job position and fully complies with the State's regulations to protect the rights of employees. The Company will hold regular meetings to review and decide on salary adjustments, in order to ensure fairness and promote employees' motivation. In addition, the Company provides meals during working hours, ensures labor safety standards and always focuses on employee welfare and health care, aiming to build a united and creative working team.

REGARDING SALARY, BONUS, BENEFITS AND TREATMENT



Investment situation, project implementation situation

MAJOR INVESTMENTS

No.	Name of assets	Value (Million VND)
1	Warehouse No. 7 - Cuu Long Fertilizer Factory	4,455,983,978
2	LG floor-standing air conditioners, capacity: 48,000 BTU, model: ZPNQ48LT3A0/ZUAD3, with Inverter (3 phase)	39,137,205
3	LG floor-standing air conditioners, capacity: 48,000 BTU, model: ZPNQ48LT3A0/ZUAD3, with Inverter (3 phase)	39,137,206
4	TCM forklift, model FD45T9 Mitsubishi S6S _ Hiep Phuoc Fertilizer Factory	987,311,111
5	Hyundai R140W-9S wheel excavator (Korea)	2,251,851,852
6	Moisture scale - Long Thanh Super Phosphate Factory	47,200,000
7	G1005B circulating acid tank - Long Thanh Super Phosphate Factory	2,193,330,370
TOTAL		10,013,951,722



SUBSIDIARIES, ASSOCIATES

The Company's name	Address	Main business objectives	Charter capital (USD)	Shareholding percentage
VINA Plasticizers Chemical Company Limited (formerly known as "LG Vina Chemical Co., Ltd.")	115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe, District 1, Ho Chi Minh City	Chemical production and trading	5,700,000	35%

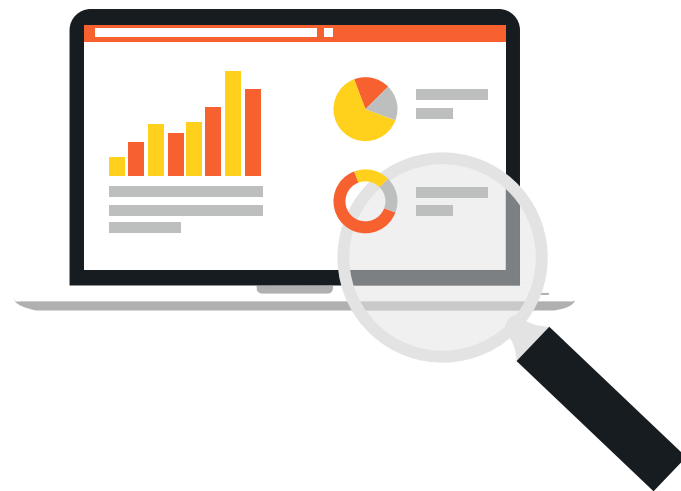


Financial situation

FINANCIAL SITUATION

No.	Items	In 2023	In 2024	2024/2023 percentage, %
1	Total asset value	1,243,947	1,381,797	111.08%
2	Net revenue	1,558,965	1,600,157	102.64%
3	Profit from business activities	49,254	26,031	52.85%
4	Other profits	7,727	6,105	79.01%
5	Profit before tax	56,981	32,136	56.40%
6	Profit after tax	56,821	25,684	45.20%
7	Dividend payment percentage	5%	(*)	-

(*) The 2024 dividend shall be decided at the Company's 2025 Annual General Meeting of Shareholders.



MAIN FINANCIAL INDICATORS

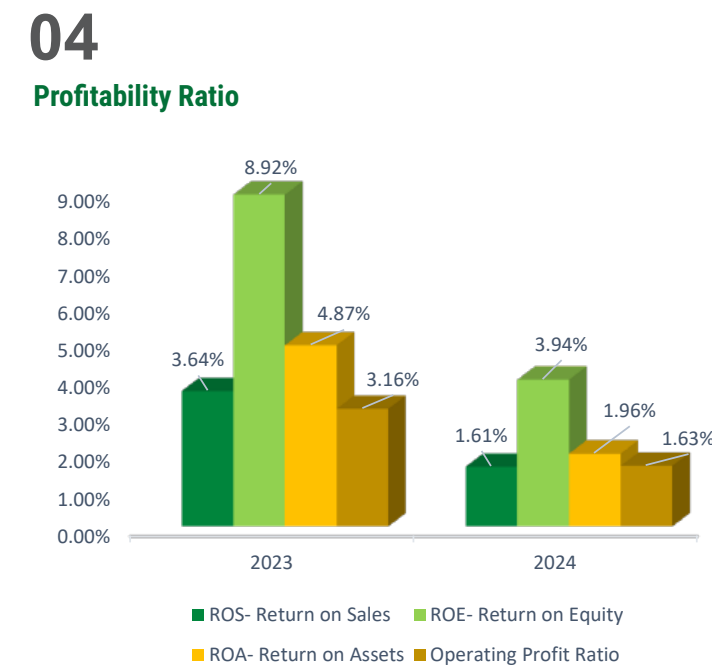
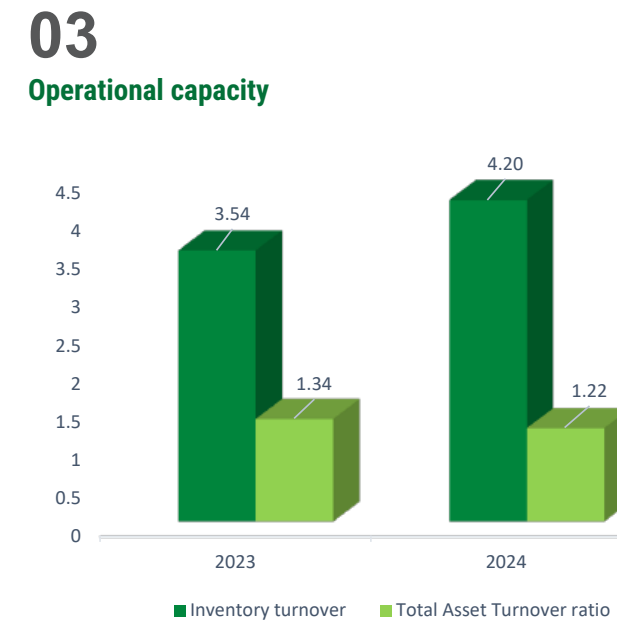
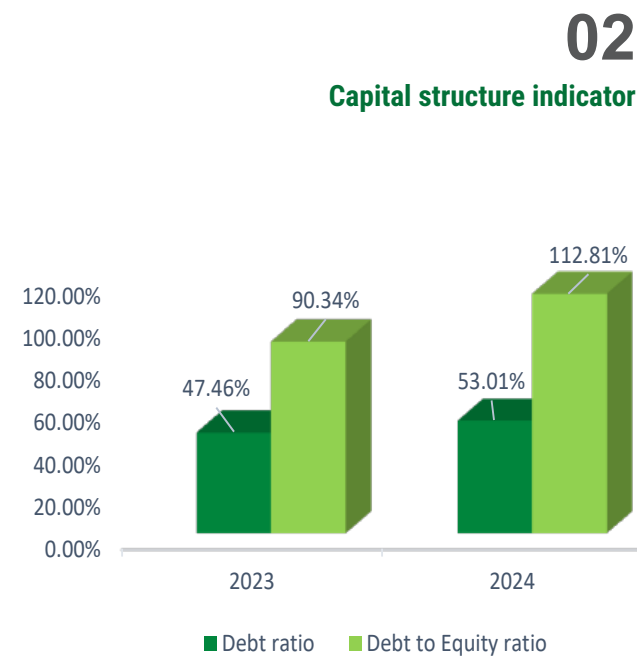
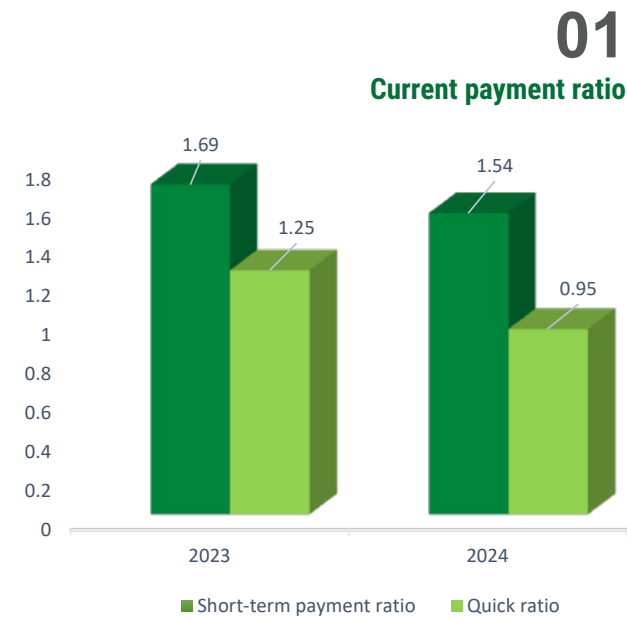
Items	Unit	In 2023	In 2024
1. Current payment ratio			
Short-term payment ratio	Time	1.69	1.54
Quick ratio	Time	1.25	0.95
2. Capital structure indicator			
Debt ratio	%	47.46%	53.01%
Debt to Equity ratio	%	90.34%	112.81%
3. Operational capacity			
Inventory turnover	Turnover	3.54	4.20
Total Asset Turnover ratio	Turnover	1.34	1.22
4. Profitability Ratio			
ROS- Return on Sales	%	3.64%	1.61%
ROE- Return on Equity	%	8.92%	3.94%
ROA- Return on Assets	%	4.87%	1.96%
Operating Profit Ratio	%	3.16%	1.63%

Financial situation

In 2024, the Company's short-term payment ratio will reach 1.4 times, slightly down from 1.69 times at the end of 2023, and the quick payment ratio will reach 0.95 times, slightly down from 1.25 times over the same period last year. In which, the growth rate of short-term debt is faster than short-term assets, at 24.08% and 12.95%, respectively. The main reason is that the Company increased borrowing and financial leasing debt to supplement working capital for production and business activities in 2024. At the same time, the Company also reduced cash equivalents and short-term financial investments to increase inventory reserves and increase customer debt. These measures help Southern Fertilizer maintain and develop business activities, maintain current market share, in the context that the fertilizer industry is still facing many difficulties.

In 2024, the company's capital structure indicators all tend to increase slightly compared to that in the same period. In particular, the debt / total assets ratio increased from 47.46% to 53.01%, while the debt / equity ratio increased from 90.34% to 112.81% compared to that in the same period in 2023. The main reason comes from the fact that large proportions of loans and short-term financial lease debts have increased, which the Company uses to supplement working capital, mainly inventories in the production and business process. Moreover, the reasonable use of financial leverage not only helps the Company increase resources for business operations but also maximizes benefits for shareholders, creating momentum for profit growth for the Company's main activities.

MAIN FINANCIAL INDICATORS



The average inventory turnover of Southern Fertilizer in 2024 reached 4.20, a sharp increase compared to 3.54 times in 2023. The average inventory in the period of January 1, 2024 December 31, 2024 was lower than that in the period of January 1, 2023 December 31, 2023. However, by the end of 2024, the Company's inventory had increased again to VND 435 billion, an increase of more than 66% over the same period last year, showing the Company's preparation for the prospect of recovery of the fertilizer industry.

The total asset turnover in 2024 reached 1.22 times, a slight decrease compared to 1.34 times in 2023, mainly due to the total assets increasing by 11.08%, higher than the net revenue growth of 2.64%. However, this index remains stable, showing that Southern Fertilizer has used assets effectively to serve the Company's business activities.

As of December 31, 2024, Southern Fertilizer's profitability indicators recorded a slight decrease compared to the previous year. In particular, the profitability indicators are profit after tax / net revenue reaching 1.61%, profit after tax / average equity reaching 3.94%, profit after tax / average total assets reaching 1.96% and profit from production and business activities / net revenue reaching 1.63%. In terms of revenue, in 2024, the Company recorded stable net revenue with a slight growth of 2.64% compared to 2023. At the same time, pre-tax profit reached the plan of VND 32,000 million set by the Board of Directors to show the fact that the Company's operating efficiency is always guaranteed and maintained at a stable level.

Structure of shareholders, change in Owner's equity

SHARES

Total number of shares issued: 47,897,333 shares

- Number of outstanding shares: 47,897,333 shares
- Number of treasury shares: 0 share

Type of shares: common shares

Par value of shares: 10,000 VND /shares

Number of treasury shares: None

Number of shares subject to transfer restrictions: None

STRUCTURE OF SHAREHOLDERS

No.	Type of shares	Number of shares	Value (VND)	Shareholding percentage
I	State-owned shareholders	31,158,813	311,588,130,000	65.05%
II	Founding shareholders/ FDI shareholders	-	-	0.00%
1	Organizations	-	-	0.00%
2	Individuals	-	-	0.00%
II	Major shareholder (owning 5% or more of share capital)	-	-	0.00%
1	Organizations	-	-	0.00%
2	Individuals	-	-	0.00%
III	Trade union	167,642	1,676,420,000	0.35%
IV	Treasury shares	-	-	0.00%
V	Shareholders owning preferred shares (if any)	-	-	0.00%
VI	Other shareholders	16,570,878	165,708,780,000	34.60%
1	Organizations	554,079	5,540,790,000	1.16%
2	Individuals	16,016,799	160,167,990,000	33.44%
Total (II+III)		47,897,333	478,973,330,000	100.00%
Of which: - Domestic		47,797,560	477,975,600,000	99.79%
- Offshore		99,773	997,730,000	0.21%

(*) Based on the list of shareholders finalized on March 18, 2024.



MAXIMUM FOREIGN OWNERSHIP RATIO

Pursuant to the Official Dispatch No. 4709 / UBCK-PTTT dated July 18, 2023 of the State Securities Commission on the dossier of notification of change in maximum foreign ownership ratio of Southern Fertilizer Joint Stock Company (SFG), the maximum foreign investor ownership ratio of SFG is 0%.

CHANGES IN OWNER'S EQUITY

In 2024, the Company did not incur any increase in owner's equity. From 2017 to 2024, the Company's charter capital has remained unchanged at 478,973,000,000 VND.

TREASURY SHARE TRANSACTIONS

None

OTHER SECURITIES

None

Report on the Company's environmental and social impacts

ENVIRONMENTAL IMPACTS

“The Company is always committed to protecting the environment throughout the production and development process. Recognizing the importance of environmental protection, the Company not only strictly complies with environmental regulations but also proactively researches and applies environmentally friendly technologies to minimize negative impacts from production activities.”

Direct greenhouse gas emissions

The Company exports fertilizers and agricultural products with modern technological processes, using chemicals in production, leading to direct greenhouse gas emissions. During the production process, emissions from production lines, such as emissions from drying ovens, boilers and chemical stages, are one of the main sources of emissions.

To limit this impact, the company has invested in advanced exhaust gas treatment systems. In particular, exhaust gas treatment facilities include a dust filtration system using Cyclone technology and a water membrane exhaust gas absorption chamber, a venturi-type gas

scrubber system and a catalytic absorption tower. These measures help to minimize polluting emissions while maintaining air quality in production areas.

The company conducts periodic emissions monitoring at factories, including the exhaust facilities of the acid production line and the drying and grinding stages of raw materials. The monitoring results all show that the emission indicators are within the permissible limits according to environmental technical regulations, ensuring no harm to the surrounding environment.



Indirect greenhouse gas emissions

In addition to direct greenhouse gas emissions from the production process, the Company also has an indirect impact on the environment through energy consumption, especially electricity and fuel. The Company uses a large amount of electricity and energy from fossil fuels such as coal and oil in production. These energy sources contribute to CO₂ and other greenhouse gas emissions, which indirectly affect the global environment.

In order to minimize this impact, the Company has implemented energy optimization measures and applied energy-saving technologies. The Company also encourages the use of renewable energy and always seeks less emission-intensive alternatives to indirectly reduce greenhouse gases. In addition, the Company's factories and offices are intelligently designed to maximize the use of natural energy sources, contributing to reducing the need for electricity and fossil energy sources.

In 2024, the total volume of domestic solid waste, general industrial solid waste and hazardous waste recorded by the Company is as follows:

- Total volume of domestic solid waste in 2024: 50.80 tons.
- Total volume of ordinary industrial solid waste in 2024: 209.93.
- Total volume of hazardous substances in 2024: 3,128.5 kg.



Report on the Company's environmental and social impacts

MANAGEMENT OF RAW MATERIALS

The Company pays special attention to the selection of input materials, including potassium, DAP, Urea, sulfur, apatite and many others. The Company cooperates with reputable suppliers, ensuring that the quality of raw materials always meets the highest standards. In addition, we are also deeply aware of the impact of these chemicals on the environment. Therefore, the Company not only strives to maintain a stable supply but also optimizes the transportation and production process to minimize any negative impacts on the environment. These activities are carried out in parallel with environmental protection measures, committed to minimizing emissions, saving resources and ensuring sustainable energy sources.

In order to achieve this goal, the Company continuously invests in upgrading machinery and equipment, considering it a key factor in its development strategy. This helps the production process to be more efficient and safer. In addition, the Company also pays special attention to training employees on chemical ratios, helping them master the latest production technology and optimize the process. This not only improves product quality but also reduces production costs.

Finally, the Company's goal is not only to maintain product quality but also to optimize all aspects of its chemical-related business activities. The Company always aims to protect the environment while optimizing economic and social benefits in the production process.



The main raw materials in the Company's production process in 2024 include:

No.	Material type	Unit	Consumed quantity in 2024
1	UREA	Ton	9,435
2	DAP	Ton	7,748
3	SA	Ton	18,735
4	Potassium Chloride	Ton	9,957
5	Super Phosphate	Ton	555
6	Fused Phosphate	Ton	164
7	White Phosphate	Ton	1,917
8	MAP	Ton	2,544
9	Apatite Ore	Ton	65,596
10	Sulphur	Ton	7,007
11	NaCl	Ton	295
12	Organic Raw Materials	Ton	1424
13	Additives	Ton	72,723
14	Trace Elements	Ton	4,103
15	NPK Waste	Ton	9,591
16	PP, PE, HDPE Plastic	Ton	458
TOTAL		Ton	212,252



Report on the Company's environmental and social impacts

ENERGY CONSUMPTION

Electricity is the main source of energy for production, business and daily activities at the Company as well as the factory. In order to minimize energy consumption and move towards sustainable development, the Company has implemented many effective solutions. The focus is on ensuring that equipment and machinery operate in an energy-saving manner and achieve optimal performance. At the same time, the Company also strengthens propaganda, raises awareness and promotes the spirit of energy saving among all officers and employees.

Not only stopping at electricity, the Company also pays special attention to the consumption of fuels such as gasoline and oil in transportation activities. Measures such as speed control, route optimization, use of high-performance means of transport and periodic maintenance have been applied to minimize energy waste.

In addition, the Company has proposed and implemented many energy-saving initiatives, including periodic inspection and maintenance of equipment and machinery, timely repair to avoid production interruptions, while minimizing waste of raw materials, coal and electricity. The Company also strictly manages production performance to limit substandard products, minimize the need for reprocessing and save electricity costs.

In 2024, the Company's total fuel consumption is:

Coal		Oil		Gas	
Consumed quantity in 2024 (Ton / year)	Consumed quantity in 2023 (Ton / year)	Consumed quantity in 2024 (Ton / year)	Consumed quantity in 2023 (Ton / year)	Consumed quantity in 2024 (Ton / year)	Consumed quantity in 2023 (Ton / year)
2,190,974	3,591,615	35.64	46.70	4,030	4,260



WATER CONSUMPTION

The Company not only focuses on saving electricity but also pays special attention to using water efficiently during operations. Water saving policies have been implemented in factories and offices to minimize waste and improve water use efficiency. In addition, the Company regularly organizes propaganda campaigns to encourage people to use water resources responsibly and economically. The goal of these campaigns is to raise awareness of the important role of protecting water resources, helping to minimize waste and ensure the sustainability of water resources.

The Company also conducts periodic inspections of the water supply system to promptly detect and correct incidents, minimize losses and ensure that water resources are used efficiently and sustainably. This is an important element in the Company's commitment to protecting the environment and natural resources.

In 2024, the total amount of water and electricity consumed by the Company is:

Surface water		Underground water		Power supply	
Consumed quantity in 2024 (m ³ / year)	Consumed quantity in 2023 (m ³ / year)	Consumed quantity in 2024 (m ³ / year)	Consumed quantity in 2023 (m ³ / year)	Consumed quantity in 2024 (m ³ / year)	Consumed quantity in 2023 (m ³ / year)
90,883	83,735	None	None	9,652,577	9,198,194



Report on the Company's environmental and social impacts

POLICIES RELATED TO EMPLOYEES

The Company continues to improve labor laws to ensure the legitimate rights of employees, while being consistent with the reality and requirements of the country's socio-economic development. The Company also strengthens the propaganda and dissemination of labor laws to employees, employers and related parties. At the same time, the Company focuses on monitoring the implementation of labor laws by relevant agencies, organizations and individuals, in order to protect the legitimate rights of employees in a full and timely manner. The Company's commitment is to build a safe, fair and positive working environment for all employees.



The company always prioritizes ensuring the health and safety of employees through implementing regular medical programs, health check-ups and occupational health protection. The company has built and maintained a safe working environment, protecting employees from the risks of work-related accidents and occupational diseases through strict occupational safety inspection procedures. Labor protection equipment such as helmets, glasses, masks, gloves, and protective clothing are fully provided to all employees, ensuring they are protected throughout the working process. In addition, the company also builds reasonable welfare regimes such as health insurance, occupational accident insurance and financial support in

difficult cases, to improve the quality of life and motivate employees to develop long-term careers at the company.

In addition, internal training programs, professional courses, and seminars are held regularly to help employees improve their knowledge, professional skills, and soft skills. The company also encourages employees to participate in external courses and provides financial support for training programs that are relevant to their jobs. This not only helps improve work efficiency but also creates opportunities for promotion and career development for all officers and employees.

COMPLIANCE WITH ENVIRONMENTAL PROTECTION LAWS

The Company is committed to fully complying with environmental protection laws and strictly implementing waste treatment procedures in accordance with legal requirements. The Company's goal is to not allow any violations related to waste treatment to occur, ensuring environmental safety. The Company is always proactive in implementing preventive measures and promptly responding to environmental incidents, especially in the management and treatment of hazardous waste. In addition, the Company constantly improves waste management, applies advanced technology to

optimize treatment processes, and minimizes negative impacts on the environment. The Company also focuses on raising awareness and training for staff and workers on environmental laws and regulations, encouraging employees to participate in environmental protection activities, aiming to build a green, clean and sustainable working environment, thereby contributing to maintaining a safe production environment and minimizing negative impacts on nature. In 2024, the Company had no violations related to the environmental field.



Report on the Company's environmental and social impacts

REPORT ON RESPONSIBILITY TO THE LOCAL COMMUNITY

The company is not only successful in business but also pays special attention to social responsibility to the local community. These activities not only demonstrate sensitivity to social needs but also reflect a spirit of solidarity and deep concern for difficult circumstances. The Company has participated in many charitable and humanitarian activities, such as organizing voluntary blood donation days, supporting disadvantaged families, providing loans for home repairs, building charity houses and visiting areas with revolutionary contributions, thereby affirming its strong commitment to social responsibility.



In addition to charitable activities, the Company also organizes seminars to share agricultural experiences for the local and national farming communities. Information from these seminars is compiled and posted on the Company's website, in order to support farmers who cannot participate directly due to geographical distance. Thanks to that, the Company not only contributes to improving agricultural knowledge but also affirms its commitment to the sustainable development of the farming community.



REPORTS RELATED TO GREEN CAPITAL MARKET ACTIVITIES ACCORDING TO THE GUIDANCE OF THE STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM

The Company has no activities related to the green capital market.

REPORT AND ASSESSMENT OF THE MANAGEMENT BOARD

- 1 Assessment of production and business performance
- 2 Financial situation
- 3 Improvements in organizational structure, policies, and management
- 4 Future development plan
- 5 Management Board's explanation on auditor's opinion

Assessment of production and business performance

ASSESSMENT OF PRODUCTION AND BUSINESS PERFORMANCE

Advantages

- The selling price of some key agricultural products increased such as coffee and cashew, but the output was low due to the impact of the weather;
- The Company produces and trades in many product lines such as NPK fertilizer, Phosphate fertilizer, Foliar fertilizer, Acid, Packaging. The diversity of products is an advantage that helps the Company be proactive in production and business activities;
- The products are stable in color quality, especially the group of small-grain NPK fertilizer products since the beginning of 2023 when the Company launched them on the market, which have been favored and highly appreciated by farmers as well as distributors;
- The Company's financial situation is always maintained in a healthy and stable manner, ranked by banks as a type 1 enterprise, helping the Company to proactively negotiate with banks to have enough loans to serve production and business activities;
- The Management Board, mass organizations and employees are always united, have high consensus and unity in organizing and implementing tasks and solutions to complete a number of important targets assigned by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors of the Company in 2023;

Disadvantages

- In 2024, the world situation continues to develop in a complex, rapid and unpredictable manner, with fierce strategic competition; escalating military conflicts in some countries such as Russia Ukraine, the Middle East, increasing tensions in the Korean peninsula, complicated developments in cyber security affecting peace and stability in the world, weakening the trade, investment, production and consumption systems;
- Natural disasters, extreme weather, drought, unseasonal rain, hail, especially storm No. 3 (typhoon Yagi) have caused serious and heavy damage to people and property, disrupting agricultural production activities in the North, affecting the Company's consumption plan;
- Prices of raw materials for fertilizer production in the world mostly tend to increase. In which, Urea fertilizer prices fluctuate erratically, sometimes increasing, sometimes decreasing; DAP prices increase from 10 25%; SA prices increase by 20%; acid prices increase by 100%, Potassium prices are stable, affecting the Company's reserves, production and business;
- Imported fertilizers are not subject to value added tax. This has created conditions for imported goods to have an advantage to overwhelm domestically produced goods in terms of price, creating unfair competition;
- Imported fertilizers consumed in the Company's traditional markets face many difficulties because export prices are difficult to compete with exporters from other countries, especially exports from China;
- Raw apatite ore for phosphate fertilizer production is scarce, the quality is not up to standard, to achieve quality, the Company must add active ingredients, leading to increased costs.

Overview

In the context of many difficulties and challenges, especially the impact of the trade war, geopolitical conflicts in the Middle East and the Russia-Ukraine military war, the Company has faced great difficulties, from raw material prices, energy to transportation, and at the same time, unusual weather has also directly affected production and business activities.

However, with the spirit of solidarity and the leadership and direction of the Party Committee and the Board of Directors of Vietnam National Chemical Group (Vinachem), the Party Executive Committee of the Company has actively built and implemented a flexible work program, and proposed policies and solutions. Together with the support from the Board of Directors and the Management Board, the Company has skillfully mobilized internal resources, utilized the

strength of the leadership system and carried out political tasks to exceed the set targets.

The Company is facing challenges in fertilizer production and trading when output fertilizer prices decrease and supply is surplus, affected by the loosening of export by major exporting countries in the world. This has affected the Company's output and consumption, causing the plan to not be achieved as expected. However, the Management Board has proposed many flexible solutions on production, consumption, and commercial business, achieving key targets such as industrial production value, revenue, and profit exceeding the plan. This demonstrates the Company's flexibility and readiness to respond in difficult circumstances, and is also the result of solidarity and effective management.

PROGRESSES ACHIEVED BY THE COMPANY



In the past year, the Company continued to maintain the same organizational structure as in previous years due to its operational efficiency. Management policies were also maintained, improved, and continued to actively support the management of the Management Board.



Financial situation

ASSETS SITUATION

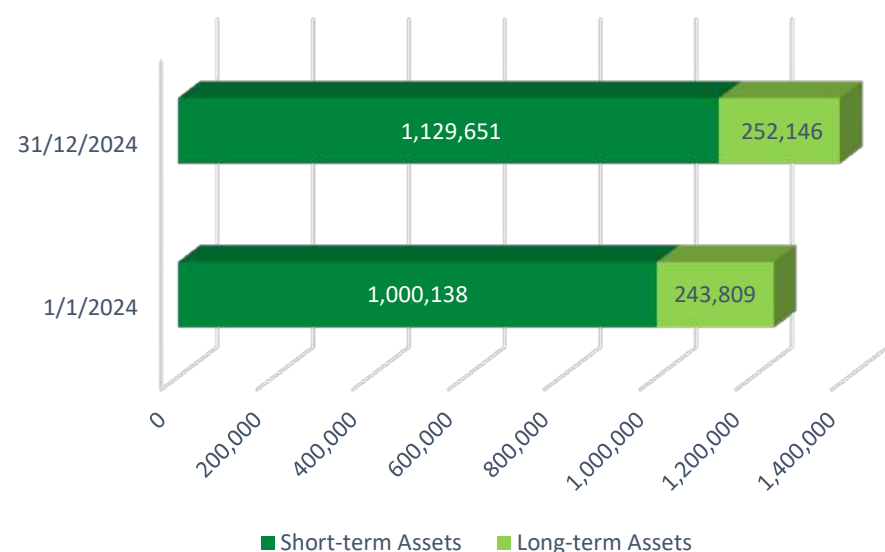
Unit: million VND

Items	01/01/2024	Percent	31/12/2024	Percent	Changing percent in comparison to the previous period
Short-term Assets	1,000,138	80.40%	1,129,651	81.75%	112.95%
Long-term Assets	243,809	19.60%	252,146	18.25%	103.42%
Total Assets	1,243,947	100.00%	1,381,797	100.00%	111.08%

As of December 31, 2024, the total assets of Southern Fertilizer recorded a slight increase, reaching 1,381,797 million VND, an increase of about 11.08% over the same period last year. In terms of proportion structure, there were not many changes in the total asset structure.

Short-term assets still account for the majority with 81.75% in the structure, reaching 1,129,651 million VND, an increase of 12.95% over the same period in 2023. During the year, the Company collected cash equivalents and investments held to maturity that were invested in Joint Stock Commercial Banks in the previous year, with about 167 billion VND. At the same time, the Company increased inventories (including goods in transit, raw materials, goods, ...) by about 173 billion VND and increased short-term receivables from customers to 105 billion VND.

Long-term assets remained stable, reaching 252 billion VND, not much changed compared to that in the same period last year and accounting for 18.25% of the Company's asset structure in 2024.



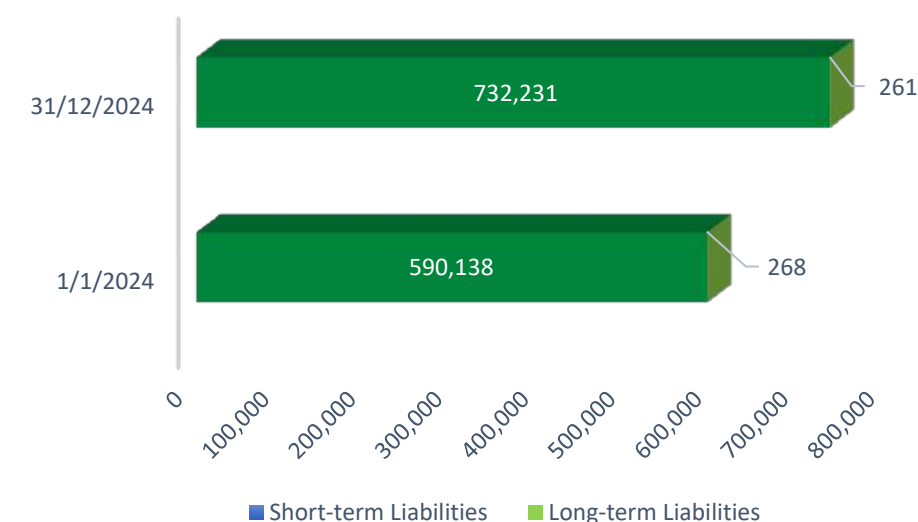
LIABILITIES SITUATION

Unit: million VND

Items	01/01/2024	Percent	31/12/2024	Percent	Changing percent in comparison to the previous period
Short-term Liabilities	590,138	99.95%	732,231	99.96%	124.08%
Long-term Liabilities	268	0.05%	261	0.04%	97.39%
Total Liabilities	590,406	100.00%	732,492	100.00%	124.07%

As of December 31, 2024, total liabilities increased significantly compared to the previous year, reaching 732,231 million VND, an increase of 24.08% over the same period last year. The Company's liability structure is mainly short-term debt, accounting for 99.96% of total liabilities. Due to the nature of the company's manufacturing industry, short-term debt arises mainly during the production process, specifically short-term loans to supplement working capital and purchase raw materials for production and business activities. In particular, in 2024, the Company increased its short-term loans and financial leasing debts by 149 billion VND, equivalent to an increase of about 30% compared to the previous year.

Long-term debt accounts for a small proportion of the Company's debt structure, accounting for 0.05% of the structure, slightly decreasing to 261 billion VND compared to 268 billion VND in 2023. Accordingly, as of December 31, 2024, the Company is not under pressure from any long-term loans.



Improvements in organizational structure, policies, and management

ORGANIZATION, STAFF, LABOR, SALARY AND INTERNAL MANAGEMENT

- In order to streamline the apparatus, the Company has reviewed: Dissolving the Quality Management Department, dissolving the Customer Care and Brand Development Department, dissolving the bag printing team at Cuu Long Fertilizer Factory, the personnel of the dissolved departments are assigned jobs suitable to the Company's management needs and the professional qualifications and working capacity of each individual;
- Implementing the appointment process of Chief Accountant, Deputy Director of Business Department, Deputy Director of Long Thanh Super Phosphate Factory in accordance with regulations;
- Reviewing and supplementing the planning of leaders and managers for the period of 2021-2026 and the period of 2026-2031;
- Organizing exams to upgrade ranks and change salary classifications for employees throughout the Company; Recruiting personnel for the Business Department, Technical Production Department, Organization Administration Department, Planning Trade Department;
- Increasing wages for employees according to the Decree No. 74/2024/ND-CP dated June 30, 2024 of the Government on stipulating the minimum wage for employees working under labor contracts; promulgate regulations on salary payment for the Business Department and the Company Office;
- In 2024, the Company revised, supplemented and promulgated: Regulations on management of fixed asset repair work (the Decision No. 19/QD-HDQT, dated June 19, 2024); Regulations on management of investment projects (the Decision No. 20/QD-HDQT, dated June 19, 2024); Regulations on management of overseas trips and foreign delegations working (the Decision No. 38/QD-HDQT, dated August 30, 2024); Regulations on material and technical consumption norms for NPK products, SFJC Bio-Gold G.A.P and Packaging (the Decision No. 03B/QD-HDQT, dated January 10, 2024);
- Issuing labor regulations, regulations on environmental management, industrial hygiene; Regulations on assigning responsibilities for occupational safety and hygiene;
- Deploying software for human resource management, salary and management of outgoing and incoming documents throughout the Company.

MARKET DEVELOPMENT, BRAND DEVELOPMENT

- Continuing to implement product demonstrations and seminars in key areas such as Demonstration of specialized products for rice and durian in An Giang, demonstration of Yogen foliar fertilizer and SFJCBio-Gold G.A.P in Kien Giang, demonstration of SFJCBio-Gold G.A.P products in Long An, etc. Results: Introducing the Company's typical products to farmers such as 100% organic products from plant origin SFJCBio-Gold G.A.P used for fruit trees, especially on durian trees; Fertilizers specifically for rice such as No Bui Rice Flower, Golden Yield Rice Flower; Yogen β Kalihumate, Yogen 14; Yogen 22; Yogen Yophos; Yogen No2. In addition, introduced other products such as NPK 15-15-15+TE; NPK 20-5-5+TE; NPK 16-16-8+6S+TE,...
- Implementing the Golden Harvest Big Gifts promotion program. Although the planned output was not achieved, the sales volume still increased by 13% compared to that in the same period in 2023 in the Central Highlands region;
- Cooperating with VTV television station to promote the

Company's brand through the program "Friend of farmers"; Vinh Long television station to promote the brand of Southern Fertilizer Joint Stock Company and Long Thanh Super Phosphate Factory through the "God of Wealth knocking at your door" television program; advertising Super Phosphate products through Radio channels of provinces and cities in some areas of the Central Highlands, Southeast, Mekong Delta and Tay Ninh provinces. (broadcast 2 times / year, 1 time lasting 2 months);

- Participating in the Brand Connection Festival organized by the Party Committee of the Central Agencies in Ho Chi Minh City;

ACCOUNTING FINANCE WORK

- Directing the Company's Accounting Finance Department to strictly implement the regulations of the State and Vietnam National Chemical Group (Vinachem) on accounting, statistics and reporting in accordance with regulations, time and quality of reports;
- Directing the Company's Accounting Finance Department to assess and analyze the financial situation and risks in production and business activities to promptly have financial solutions to ensure safety and efficiency in production and business activities;
- Safe management of money, assets, capital sources and fully implementation of capital preservation measures in accordance with the provisions of law; regularly and strictly control of revenues and expenses, especially management costs;
- Controlling the correct, sufficient and timely deductions for budget and fund payments. Making tax payments and state budget reports according to regulations;

continuing to coordinate with a number of agencies and press units such as Organic Agriculture Newspaper, Industry and Trade Newspaper, Ministry of Industry and Trade Newspaper, Law Newspaper, Agriculture Newspaper, Information Center of Vietnam Chemical Group to advertise the Company's products;

- Reviewing to deploy advertising on billboards advertising the Company's products at a number of important seasonal locations to consume the Company's products.

Directing the Accounting Finance Department to continue maintaining relationships with banks and credit institutions, ensuring capital sources with appropriate interest costs to have enough capital to serve the Company's production, business and investment activities;

In 2024, the Company's financial activities will bring in financial revenue of 24,332 billion VND, contributing to the Company's business performance;

Directing the Accounting Finance Department to coordinate with departments and affiliates to conduct debt collection sales in accordance with the Company's debt management regulations, resolutely not deliver goods to customers with overdue debts, and not allow overdue debts to arise; receivables as of December 31, 2024 will reach a ratio of 12% / revenue (according to debt management regulations, the ratio of receivables / revenue is 18% / revenue).

Improvements in organizational structure, policies, and management

INVESTMENT AND REPAIR WORK

- Directing the Company's Technical Production Department to coordinate with affiliates to implement investment projects / items on schedule. Conducting reviews and urging the implementation of equipment procurement investment projects; Repairing to serve the production and business of the units in the Company; Directing the good management of machinery and equipment; preparing enough spare materials and having a suitable replacement and repair plan; mastering equipment and technology to operate production, achieving capacity to reduce production costs, improving quality, and increasing product competitiveness; Specific results are as follows:
- In 2024, the number of projects estimated to implement 06 items including: Chemical storage tank (3,000m³), Excavator, G1005B circulating acid tank, 98% H₂SO₄ acid line boiler, E1002 heat exchanger at Long Thanh Super Phosphate Factory;

Forklift at Hiep Phuoc Fertilizer Factory; Investing in repairing warehouse No. 7 at Cuu Long Fertilizer Factory, estimated to be implemented in 2024: VND 27,433 billion. Reaching 87.8% of the plan. For major repairs and regular repairs in 2024, estimated to be implemented in 2024: VND 53,300 billion. Achieving 97.4% of the plan;

- Working with the Consulting Company to prepare for the investment in office buildings, it is expected to complete procedures for groundbreaking in July 2026;
- Directing the Technical Production Department and Long Thanh Super Phosphate Factory to upgrade and supplement equipment to run Apatite ore to ensure quality and output to supply the market.

PRODUCTION WORK

- Developing and promulgating quality inspection and supervision procedures in the stages of PE bag production;
- Registering circulation license, declaring conformity of 03 NPK products (Green Rice NPK 22-14-4+TE, Golden Rice NPK 17-3-20+TE, SFJC Bioganic Gold Gap and Long Thanh Super Phosphate Factory product);
- Implementing procedures to apply for business license, chemical production of Southern Fertilizer Joint Stock Company and Long Thanh Super Phosphate Factory;
- Performing well the work of checking and controlling the quality of input materials, product quality in production and bringing

to the consumer market; always researching and studying to build optimal mixing formulas for products to reduce production costs but always ensure product quality;

- Building a production process suitable for machinery and equipment to control quality during the production process to limit the consumption of raw materials and materials during the production process;
- Continuing to effectively implement training, safety training, and vocational skills for direct production workers to ensure safety and protect the Company's assets and people during production operations.

INITIATIVES TO IMPROVE MACHINERY, EQUIPMENT, AND PROTECT THE ENVIRONMENT

- Researching and renovating the equipment for producing superphosphate using selected apatite ore at Long Thanh Super Phosphate Factory: The production line using selected apatite ore operates stably, meets quality standards, reduces electricity consumption, reduces fuel costs, and reduces operating personnel.
- Designing and renovating the equipment for exporting NPK products directly into containers at Hiep Phuoc Fertilizer Factory: The system for exporting bulk products operates stably, meets quality standards, and is on schedule. Exporting directly into 20-foot containers (placed on the chassis) reaches 27 tons / container, with an export capacity of 10 containers / shift.
- Using additives in Yogen foliar fertilizer in powder form, 10g and 20g packages, there is no longer the phenomenon of water leakage in Yogen powder bags;
- Designing to change the lining material of the G1005A circulating acid tank from acid-resistant bricks to using PTFE sheet material (teflon) for the Acid Production line of Long Thanh Super Phosphate Factory.

CARING FOR THE LIVES OF EMPLOYEES

The company fully implements the prescribed regimes and policies for employees such as social insurance, health insurance, unemployment insurance and other regimes according to the collective labor agreement, ensuring the lives and income of employees. The average income realized in 2024 is: 14,171,000 VND / person / month, equal to 101.2% of the plan.

The average income realized in 2024

14,171,000

VND / person / month

equal to **101.2%** of the plan

UNION AND SOCIAL SECURITY ACTIVITIES

Leading and directing Trade Union organizations at all levels, in coordination with the Company and its units, depending on the actual capacity of each unit, to actively participate in social security initiatives, charitable activities, and support for heroic Vietnamese mothers. Currently, the units within the Company are sponsoring and supporting two mothers at the rate of 2,000,000 VND/person/month. Programs such as building "Union Shelter" houses, providing loans to repair houses for employees, and other social and charitable activities are always given attention. The Trade Union also organizes visits, New Year greetings, and gift-giving for employees in difficult circumstances and frontline production workers during the Tet holidays; constructs gratitude houses; supports education promotion funds; assists localities in caring for the poor during Tet; provides aid to areas affected by Storm No. 3 (Typhoon Yagi); and hosts family festivals. The total expenditure for these activities amounts to 3.1 billion VND.

Future development plan

PLAN TARGETS

2025 is a favorable year for the fertilizer industry as agricultural product prices tend to increase. In addition, the revised Law on Value Added Tax (VAT) imposing a tax rate of 5% on fertilizers will officially be applied from July 1, 2025.

Stability in the supply chain and strong export capacity will continue to ensure supply to meet domestic demand. Free trade agreements (FTAs) such as RCEP and EVFTA continue to facilitate fertilizer imports from countries with competitive price advantages such as Russia, China and Indonesia. This not only helps supplement supply but also limits sudden price increases due to local scarcity. In addition, increased demand due to expanding cultivated areas and applying agricultural technology is expected to boost fertilizer demand.

In addition to opportunities, the fertilizer industry faces challenges such as the trend of organic agriculture in developed countries that may reduce the demand for chemical fertilizers. In addition, extreme weather events such as El Nino and La Nina may affect agricultural output, thereby affecting the demand for fertilizers.

Given the above advantages and disadvantages, the Company's Board of Directors proposes the following 2025 production and business plan:



No.	Items	Unit	Actual Implementation in 2024	Plan for 2025	Comparing plan for 2025 to implemented performance in 2024 (%)
I Mainly produced products					
1	Phosphate fertilizers	Ton	102,037	95,000	93%
2	NPK fertilizers	Ton	74,378	90,000	121%
3	Total sulfuric acid, in which:	Ton	90,809	96,000	106%
	Domestically produced	Ton	26,223	28,000	107%
	Imported from other countries	Ton	64,586	68,000	105%
4	Packaging	1000 Pcs	7,038	8,500	121%
5	Foliar fertilizers	Ton	45.59	50	110%
II Mainly consumed products					
1	All kinds of phosphate fertilizers	Ton	89,558	88,000	98%
2	All kinds of NPK fertilizers, in which:	Ton	67,230	90,000	134%
	Domestically consumed products	Ton	57,498	70,000	122%
	Exported products	Ton	9,732	20,000	206%
3	Commercial sulfuric acid (H2SO4)	Ton	57,626	68,000	118%
4	Packaging.	Ton	7,131	8,500	119%
5	Foliar fertilizers	1000 Pcs	42	50	119%
6	Raw material trading	Ton	58,451	45,000	77%
III Gross revenue		Million VND	1,639,825	1,700,000	104%
1	Sales and service revenue, in which:	Million VND	1,605,625	1,680,000	105%
	Export revenue	Million VND	92,136	184,000	200%
2	Other revenue	Million VND	34,200	20,000	58%
IV Export activities					
1	Total export turnover	USD 1000	3,730	7,500	201%
2	Number of exported products	Ton	9,732	20,000	206%
VI Profit before tax		Million VND	32,136	35,000	109%
VII Dividends		%	5%	Dự kiến không thấp hơn thực hiện năm 2024	

Future development plan

MEASURES TO IMPLEMENT THE FUTURE PLAN

In order to achieve the set goals, the Company will focus on the following measures:

- **Regarding the production and business:** Proactively respond to market fluctuations, adjust flexible sales policies, expand markets (especially the Central Highlands, Mekong Delta and Cambodia), develop online sales channels and seek new sources of raw materials. Build sustainable relationships with customers.
- **Regarding the market and brand development:** Strengthen brand and product promotion on digital platforms, maintain and expand markets, focus on evaluating and improving service quality, adjust flexible sales policies and improve the quality of customer support information channels. Streamline product portfolio and promote brand building.
- **Regarding production management:** Strictly control product quality, improve machinery and processes to reduce costs, research and apply new raw materials. Improve the professional level of the quality control team.
- **Regarding the product strategy:** Expand production and trading of organic fertilizers, aim at high-quality, safe and environmentally friendly products. Research and develop new products.
- **Regarding science, technology and environment:** Continue to improve technology, ensuring labor safety, industrial hygiene, fire prevention and environmental protection.
- **Regarding financial management:** Maintain stable capital sources, strictly managing debts and inventories, controlling costs.

Management Board's explanation on auditor's opinion

None

- **Regarding the investment and repair:** Implement investment and repair projects, find solutions to extend equipment life, build machinery management software and converting to electric forklifts.
- **Regarding organization and personnel:** Perfect the management apparatus, focus on training and developing human resources.
- **Regarding the salary regime:** Build a suitable salary regime to attract and retain employees.
- **Regarding the charity and social activities:** Continue community-oriented activities.
- **Regarding the emulation movement:** Promote emulation movement to exceed the plan.



Assessment report related to the Company's environmental and social responsibility

ENVIRONMENTAL ASSESSMENT

The Management Board acknowledges and appreciates that the Company has fully implemented environmental plans and regulations, while complying with Government policies and in line with global trends. During its production and business activities, the Company has effectively managed waste, protected the landscape and environment, and respected and ensured harmony with the surrounding community. The Company's products not only meet high quality standards but are also environmentally friendly.

HUMAN RESOURCES ASSESSMENT

In the 2024 overview, the Management Board highly appreciated the effective and appropriate handling of human resources issues. Recruitment and training of employees have been well implemented, along with significant improvements in salary, insurance policies, labor safety and bonuses. The Company also focused on creating a fair, healthy and civilized working environment. Activities such as parties and organizational events not only help reduce stress but also contribute to strengthening solidarity among employees.

ASSESSMENT OF RESPONSIBILITY TO THE LOCAL COMMUNITY

The Management Board has highly appreciated and recognized the Company's efforts in implementing social responsibility activities for the local community. Supporting and sponsoring families and organizations not only enhances the Company's positive image but also affirms its trustworthy position in the community. The Company also contributes to local development by creating employment opportunities for residents through the recruitment of local workers. In addition, workshops aimed at improving farmers' skills also play an important role in community development.



BOARD OF DIRECTORS' CORPORATE GOVERNANCE ASSESSMENT

- 1 Board of Directors' corporate governance assessment
- 2 Board of Directors' assessment of the Management Board's performance
- 3 Plans and orientations of the Board of Directors

Board of Directors' corporate governance assessment

In the context of many fluctuations and fierce competition in the market, the Company has strived to overcome difficulties to successfully complete the set targets. The Company's production and business results in 2024 have achieved outstanding highlights, demonstrating solidity in management and efficiency in operation:

PRODUCTION ACTIVITIES:

Production output of many key products reached and exceeded the set plan, notably:

- Phosphate fertilizer reached 102,037 tons (120.04% of the plan and 141.26% compared to that in the same period last year).
- Sulfuric acid reached 90,809 tons (100.90% of the plan, increasing by 31.7% compared to that in the same period).
- Foliar fertilizer reached 45.59 tons (101.31% of the plan, increasing by 23.05% compared to that in the same period).

However, some products such as packaging and NPK fertilizer have not met expectations, reaching 83.79% and 87.5% of the plan, respectively.

REVENUE AND PROFIT

Total revenue in 2024 reached VND 1,639.825 billion, reaching 101.22% of the plan. Revenue from sales and service provision reached VND 1,605.625 billion, close to the set target (99.73% of the plan).

Profit before tax reached VND 32.136 billion, equal to 100.42% of the plan.

In particular, the budget contribution increased sharply, reaching VND 34.2 billion, up 15.92% compared to the plan and nearly 3 times higher than the same period last year.

CONSUMPTION ACTIVITIES:

Total phosphate fertilizer consumption reached 89,558 tons (111.95% of the plan) while trading the raw material trading reached 58,451 tons (194.84% of the plan). These are very encouraging results, far exceeding the set target.

However, some products such as NPK fertilizer and Sulfuric acid consumption have not met expectations, reaching only 79.09% and 88.66% of the plan, respectively.

EXPORT ACTIVITIES

Export turnover and quantity of exported products have not achieved the expected results, reaching 53.29% and 14.97% of the plan, respectively. However, this is mainly due to the difficulties of the international market and factors affecting the supply chain.

The Board of Directors assessed that the Company had a good year of operation, especially in terms of its ability to adapt quickly and operate effectively in a challenging context. Important indicators such as production, domestic consumption, revenue and profit all met and exceeded the set plan, reflecting the sustainability of the development strategy.

Although there are still difficulties in some products such as exports and some specific product lines, these are factors that the Board of Directors will continue to direct to improve in the coming time.

The Board of Directors is committed to accompanying the Management Board, focusing on management solutions and optimizing operational efficiency, while exploiting new opportunities to ensure sustainable development and bring the highest benefits to shareholders and employees.

Board of Directors' assessment of the Management Board's performance

The Board of Directors holds quarterly or unextraordinary meetings to evaluate the results of the previous period's plan and approve the next period's production and business plan; promptly discuss and direct the Management Board to implement the production and business targets of the entire Company. Issues under the authority of the Board of Directors arising in the production and business process are submitted by the Management Board to the Board of Directors for consideration and decision. The Board of Directors always supervises the activities of the Management Board to ensure compliance with legal regulations, internal regulations and efficiency in the production and business process. Specifically, the main contents are as follows:

- Organize the 2024 Annual General Meeting in accordance with the laws on April 19, 2024.
- Complete and disclose financial statements in accordance with regulations.
- Check and supervise the implementation of quarterly production and business plans.
- Make and complete the final list of 2023 dividend payment at a rate of 5% / share (each share is paid with VND 500).
- Check and supervise the implementation of investment work according to the Resolution of the Board of Directors.
- Check and supervise the implementation of the Internal Regulations in the Company's management and operation activities.
- Check and supervise environmental protection work.

Plans and orientations of the Board of Directors

RESPONSIBILITIES OF EACH MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS

- Closely monitor market developments and the areas assigned to each member of Board of Directors to provide effective and flexible solutions;
- Improve the effectiveness of management and supervision of all aspects of the Company's operations in accordance with the provisions of the Law on Enterprises and the Company's Charter, ensuring effective implementation of the Resolution at the 2024 Annual Shareholders' Meeting.

REGARDING FINANCIAL ACCOUNTING WORK

- Closely monitor exchange rate developments in the market;
- Tightly control cash flow, strengthen financial risk prevention;
- Resolutely implement savings programs, reduce costs, use capital effectively, implement cost management solutions to reduce product costs.

REGARDING MARKET WORK BRAND DEVELOPMENT

- Reorganize distribution systems, especially focusing on the Northern and Central Highlands markets, promoting the advantages of the brand of Long Thanh Super Phosphate Factory to develop new markets;
- Participate in domestic and international trade promotion programs to promote products;
- Continue to promote trade, chemical business and find customers to export fertilizers.

REGARDING MATERIAL MANAGEMENT

- Regularly forecast the market to have a reasonable plan for storing materials and raw materials, control the use of raw materials in the production process;
- Manage inventory well.

REGARDING MANAGEMENT

- Continue to improve the Company's regulations and rules in accordance with changes in the Law and the actual situation of the Company.

REGARDING TECHNICAL PRODUCTION AND INVESTMENT

- Continue to implement items according to the approved schedule;
- Research solutions and apply new technological solutions to extend the life of equipment;
- Research, develop and produce new products, with a special focus on developing sustainable organic products.



CORPORATE GOVERNANCE

- 1 Board of Directors
- 2 Supervisory Board
- 3 Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors, the Management Board and the Supervisory Board

Board of Directors

QUORUM AND STRUCTURE OF THE BOARD OF DIRECTORS (AS OF DECEMBER 31, 2024)

No.	Members of the Board of Directors	Position	Number of shares held			
			Representative	Percentage	Individual	Percentage
1	Nguyen Van Quy	Chairman of BOD	11,999,879	25.05%	-	-
2	Do Van Tuan	Executive Member of BOD, General Director	9,579,467	20.00%	5	0.00%
3	Trinh Quoc Hung	Executive Member of BOD, Deputy General Director	9,579,467	20.00%	3,049	0.00%
4	Mr. Ngo Ngoc Quang	Independent Member of BOD	-	-	-	-
5	Ha Thai Son	Non-executive Member of BOD	-	-	-	-

OPERATIONS OF BOARD OF DIRECTORS

Meetings of the Board of Directors

The Board of Directors will hold regular or ad hoc meetings every quarter to evaluate the results of the previous period's plan implementation, approve the production and business plan for the next period, and direct the Board of Directors to implement production and business targets throughout the Company. Issues under the authority of the Board of Directors arising in the production and business process will be brought up by the Board of Directors for consideration and decision. The Board of Directors always maintains supervision of the Board of Directors' activities, ensuring compliance with legal regulations and internal regulations, while ensuring efficiency in production and business activities.

COMMITTEES UNDER BOARD OF DIRECTORS

The Company does not establish subcommittees under the Board of Directors. The members of Board of Directors coordinate to direct and supervise activities, based on the professional capacity of each individual, with the highest sense of responsibility.

The Board of Directors held 17 face-to-face meetings

No.	Member of Board of Directors	Position	Number of meetings with attendance	Meeting attending percentage	Reasons for absence
1	Mr. Nguyen Van Quy	Chairman of BOD	17/17	100,0%	
2	Mr. Dang Tan Thanh	Member of BOD, General Director	7/17	41,2%	Due to the General Meeting of Shareholders' approval to dismiss the Board of Directors on April 19, 2024
3	Mr. Trinh Quoc Hung	Executive Member of BOD, Deputy General Director	17/17	100,0%	
4	Mr. Ngo Ngoc Quang	Independent Member of BOD	11/17	64,7%	Due to busy work
5	Mr. Ha Thai Son	Executive Member of BOD	17/17	100,0%	
6	Mr. Do Van Tuan	Executive Member of BOD	10/17	58,8%	Elected by the General Meeting of Shareholders as a member of Board of Directors on April 19, 2024

Resolutions and Decisions of Board of Directors

48 resolutions and decisions of the Board of Directors were issued in total during the year

No.	Number of decisions and resolutions	Date	Content	Approving percentage
01	01/NQ-HĐQT	10/01/2024	The Board of Directors held this meeting to implement the process of appointing the Chief Accountant of Southern Fertilizer Joint Stock Company.	100%
02	02/NQ-HĐQT	10/01/2024	The Board of Directors held this meeting to approve the production and business plan for the first quarter of 2024 and to approve the adjustment of some standards for consumption of materials and techniques for the Company's NPK, SFJC Bio-Gold and Packaging products	100%
03	03/QĐ-HĐQT	10/01/2024	Decision on assigning the Production and Business plan for the first quarter of 2024.	-
04	03b/QĐ-HĐQT	10/01/2024	Decision on adjusting some standards for consumption of materials and techniques for the Company's NPK, SFJC Bio-Gold G.A.P and Packaging products.	-

Board of Directors (continued)

OPERATIONS OF BOARD OF DIRECTORS

Resolutions and Decisions of Board of Directors (continued)

No.	Number of decisions and resolutions	Date	Content	Approving percentage
05	04/NQ-HĐQT	06/02/2024	The Board of Directors held this meeting to: Approve the last registration date to finalize the list of Shareholders attending the 2024 Annual General Meeting as of March 18, 2024. Agree to appoint Ms. Nguyen Thi Huong Deputy Director of the Company's Accounting and Finance Department to hold the position of Chief Accountant of the Company	100%
06	05/QĐ-HĐQT	06/02/2024	Decision to appoint Chief Accountant of Southern Fertilizer Joint Stock Company	-
07	06/NQ-HĐQT	07/3/2024	Approve the 2023 audited Financial Statements.	100%
08	07/NQ-HĐQT	25/3/2024	Approve to use the salary fund to pay for Employees and Managers in 2023 of Southern Fertilizer Joint Stock Company according to the content of the Submittal No. 418 / TTr-PBMN dated March 20, 2024	100%
09	08/QĐ-HĐQT	25/3/2024	Decision on sending a delegation on a business trip abroad from April 20, 2024 to April 24, 2024.	-
10	09/QĐ-HĐQT	25/3/2024	Decision on sending a delegation on a business trip abroad from May 20, 2024 to May 22, 2024.	-
11	10/QĐ-HĐQT	25/3/2024	Decision on sending a delegation on a business trip abroad from May 5, 2024 to May 9, 2024.	-
12	11/QĐ-HĐQT	25/3/2024	Decision on establishing a Shareholder Qualification Inspection Committee in 2024.	-
13	12/NQ-HĐQT	15/4/2024	Approval of the Production and Business Plan for the Second Quarter of 2024. Approval of the Financial Report for the First Quarter of 2024.	100%
14	13/QĐ-HĐQT	15/4/2024	Assignment of the Production and Business Plan for the Second Quarter of 2024.	-

No.	Number of decisions and resolutions	Date	Content	Approving percentage
15	14/NQ-DHĐCĐ	19/4/2024	The 2024 General Meeting of Shareholders approved the following reports and proposals: - Report of the Board of Directors on the Company's governance in 2023, goals and directions for 2024. - Report of the Management Board on the results of production and business activities in 2023 and directions and tasks for 2024. - Proposal on the Production and Business Plan and expected dividend payment in 2024. - Report on the activities of the Supervisory Board in 2023 and tasks for 2024. - The General Meeting of Shareholders authorized the Company's Board of Directors to select an auditor to audit the Company's 2024 financial statements. - The audited 2023 financial statements. - The Submittal on the 2023 profit distribution and dividend payment plan. - The Submittal on the 2023 remuneration payment to members of Board of Directors and the Board of Supervisors and the 2024 remuneration payment to members of Board of Directors and the Board of Supervisors. - The Submittal on the dismissal of Mr. Dang Tan Thanh from the Board of Directors of the Company. - Electing Mr. Do Van Tuan as a member of Board of Directors of the Company for the term 2020-2025.	100%
16	15/QĐ-HĐQT	03/5/2024	The Decision on sending a delegation on a business trip abroad from May 4, 2024 to May 9, 2024 (This Decision replaces the Decision No. 10/QĐ-HĐQT dated March 25, 2024).	-
17	16/NQ-HĐQT	29/5/2024	- Approval of the 2023 dividend payment to the Company's shareholders according to the content of the Submittal No. 752/TTr-PBMN dated May 17, 2024. - Approval and selection of AASC Auditing Firm Company Limited as the auditor for the financial statements for the first 6 months of 2024 and the whole year of 2024 of the Company according to the content of Submittal No. 786/TTr-PBMN dated May 24, 2024 - Approval of the assignment of tasks to members of the Company's Board of Directors for the term 2020-2025.	100%
18	17/QĐ-HĐQT	29/5/2024	Decision on assigning tasks to members of the Company's Board of Directors for the term 2020-2025.	-
19	18/NQ-HĐQT	19/6/2024	- Approval of the adjustment and supplement of the Regulation on investment project management according to the content of the Submittal No. 921/TTr-PBMN dated June 17, 2024. - Approval of the adjustment and supplement of the Regulation on management of fixed asset repair work according to the content of the Submittal No. 922/TTr PBMN dated June 17, 2024.	100%

Board of Directors (continued)

OPERATIONS OF BOARD OF DIRECTORS

Resolutions and Decisions of Board of Directors (continued)

No.	Number of decisions and resolutions	Date	Content	Approving percentage
20	19/QĐ-HĐQT	19/6/2024	Revising and Supplementing the Regulation on management of fixed asset repair work of Southern Fertilizer Joint Stock Company.	-
21	20/QĐ-HĐQT	19/6/2024	Revising and Supplementing the Regulation on investment project management of Southern Fertilizer Joint Stock Company.	-
22	21/NQ-HĐQT	18/7/2024	- Approval of the Production and Business Plan for the Third Quarter of 2024. - Approval of the Financial Report for the Second Quarter of 2024. - Approval of the adjustment of the salary scale system, payroll, and salary allowances for 2024 according to the Submittal No. 1034/TTr-PBMN dated July 8, 2024.	100%
23	22/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Assignment of the Production and Business Plan for the Third Quarter of 2024.	-
24	23/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Decision on promulgation of the salary scale system, payroll, and salary allowances of Southern Fertilizer Joint Stock Company	-
25	24/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Decision on adjusting the salary of the Company's Executives (Mr. Dang Tan Thanh - General Director of the Company).	-
26	25/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Decision on adjusting the salary of the Company's Executives (Mr. Vu Minh Tuan - Deputy General Director of the Company).	-
27	26/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Decision on adjusting the salary of the Company's Executives (Mr. Do Van Tuan - Deputy General Director of the Company).	-
28	27/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Decision on adjusting the salary of the Company's Executives (Mr. Trinh Quoc Hung - Deputy General Director of the Company).	-
29	28/QĐ-HĐQT	18/7/2024	Decision on adjusting the salary of the Company's Executives (Ms. Nguyen Thi Huong - Chief Accountant of the Company).	-
30	29/NQ-HĐQT	07/8/2024	- Approval of the audited Financial Statement for the first 6 months of 2024. - Approval of the addition of the project in the investment preparation phase according to the content of Submission No. 1151/TTr-PBMN dated July 29, 2024. - Approval of the Regulations on management of delegations going abroad and foreign delegations working at Southern Fertilizer Joint Stock Company according to the content of Submission No. 1142/TTr-PBMN dated July 25, 2024.	100%
31	30/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Decision on approval of the investment transition and addition of the project in the investment preparation phase	-

No.	Number of decisions and resolutions	Date	Content	Approving percentage
32	31/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Decision on the retirement of Mr. Dang Tan Thanh - General Director of the Company according to regulations.	-
33	32/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Decision on removing from the planning of leaders and managers for term 2021 - 2026 of Southern Fertilizer Joint Stock Company.	-
34	33/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Decision on approving the addition to the list of leaders and executives for term 2021 - 2026 of Southern Fertilizer Joint Stock Company.	-
35	34/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Decision on removing from the planning of leaders and executives for term 2026 -2031 of Southern Fertilizer Joint Stock Company	-
36	35/QĐ-HĐQT	07/8/2024	Decision on approving the addition of the list of leaders and executives for the term 2026 - 2031 of Southern Fertilizer Joint Stock Company.	-
37	36/QĐ-HĐQT	14/8/2024	Decision on Mr. Dang Tan Thanh - General Director of the Company ceasing to be a member of Board of Members and Chairman of the Board of Members of Vina Plasticizers Chemical Company Limited.	-
38	37/NQ-HĐQT	14/8/2024	On implementation of the appointment process of the General Director of Southern Fertilizer Joint Stock Company.	100%
39	38/QĐ-HĐQT	30/8/2024	Decision on promulgating the Regulations on managing delegations going abroad and foreign delegations working at Southern Fertilizer Joint Stock Company.	-
40	45/NQ-HĐQT	04/9/2024	On the appointment of the General Director of Southern Fertilizer Joint Stock Company	100%
41	46/QĐ-HĐQT	04/9/2024	Decision on appointment of the General Director Southern Fertilizer Joint Stock Company.	-
42	47/NQ-HĐQT	04/9/2024	Approval of change of the Legal Representative of the Company	100%
43	48/NQ-HĐQT	12/9/2024	Approval of appointing Mr. Trinh Quoc Hung - Deputy General Director of Southern Fertilizer Joint Stock Company to join the Board of Members, holding the position of Chairman of the Board of Members of Vina Plasticizer Chemical Company Limited	100%
44	51/QĐ-HĐQT	12/9/2024	Decision on appointing Mr. Trinh Quoc to join the Board of Members, holding the position of Chairman of the Board of Members of Vina Plasticizer Chemical Company Limited.	-

Board of Directors (continued)

OPERATIONS OF BOARD OF DIRECTORS

Resolutions and Decisions of Board of Directors (continued)

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
45	52/NQ-HĐQT	18/10/2024	- Approving the Production - Business Plan for the fourth quarter of 2024. - Approving the Financial Report for the third quarter of 2024. - Approving the transfer of step 02 projects from the investment preparation stage to the investment stage according to the content of the Submittal No. 1565 dated October 15, 2024.	100%
46	53/QĐ-HĐQT	18/10/2024	Assigning the production and business plan for the fourth quarter of 2024.	-
47	54/NQ-HĐQT	30/11/2024	Approval of the Regulations on deposit management at credit institutions of Southern Fertilizer Joint Stock Company according to the content of Submission No. 1815/TTr-PBMN dated November 28, 2024.	100%
48	55/QĐ-HĐQT	30/11/2024	Decision on promulgating the Regulations on deposit management at credit institutions of Southern Fertilizer Joint Stock Company	-

OPERATIONS OF THE INDEPENDENT MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS

Independent members of Board of Directors always actively participate in the direction and supervision of the Board of Directors, have many contributions, especially in the field of finance and relations with credit institutions, and together with the Board of Directors approve many important issues, contributing to the success of the Company in 2024.

In 2024, the activities of the Board of Directors always comply with the provisions of the Law, the Company's Charter and the Board of Directors' Regulations. The Board of Directors has assigned specific tasks to each member of Board of Directors based on experience and professional qualifications. The Board of Directors has naturally organized extraordinary meetings or collected written opinions when necessary. The Board of Directors' Resolutions are carefully drafted before being issued, and the Board of Directors regularly supervises the implementation of the Resolutions approved at the 2024 Annual General Meeting.

LIST OF MEMBERS OF BOARD OF DIRECTORS WITH CERTIFICATES OF TRAINING IN CORPORATE GOVERNANCE

Corporate governance training courses attended by members of Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other managers and the officers- in -charge, the Secretary in accordance with the regulations on corporate governance: Southern Fertilizer Joint Stock Company has sent managers to participate in training courses on organizing the Annual General Meeting, Law on Enterprises, Securities Law, information disclosure by Ho Chi Minh City Stock Exchange, etc.

Supervisory Board

QUORUM AND STRUCTURE OF SUPERVISORY BOARD

No.	Members	Position	Number of shares held			
			Representative	Percentage	Individual	Percentage
1	Vo Anh Tuan	Head of Supervisory Board	-	-	-	-
2	Nguyen Thi Thuy Duong	Member of Supervisory Board	-	-	-	-
3	Tran Chau Minh	Member of Supervisory Board	-	-	-	-

OPERATIONS OF SUPERVISORY BOARD

Meetings of Supervisory Board

No.	Members of Supervisory Board	Number of meetings with attendance	Meeting attending percentage	Voting percentage	Reasons for absence
1	Mr. Vo Anh Tuan	4/4	100%	100%	-
2	Mrs. Nguyen Thi Thuy Duong	4/4	100%	100%	-
3	Mr. Tran Chau Minh	4/4	100%	100%	-

The Supervisory Board has fully participated in the meetings of the Board of Directors and the Company's monthly meetings. Through that, the Supervisory Board promptly grasped the production and business situation and made detailed assessments and comments on the Company's operations. In addition, the Supervisory Board also participates in contributing opinions at meetings of the Board of Directors, providing viewpoints and strategic proposals related to the management and operation of the Company. In particular, the Supervisory Board is responsible for supervising the implementation of the 2024 production and business and investment plan, along with other provisions according to the Resolution at the 2024 Annual General Meeting.

In addition to participating in meetings and supervising plans, the Supervisory Board actively checks and ensures that the issuance and implementation of Resolutions and Decisions of the Board of Directors and the Management Board are properly implemented in the management and operation of the Company. The Supervisory Board also checks compliance with regulations on financial management and accounting and ensures the accuracy, honesty and legality in the use, circulation and storage of accounting documents. At the same time, the Supervisory Board is also responsible for appraising the Company's periodic financial reports and conducting periodic controls according to regulations. In addition to accounting and financial tasks, the Supervisory Board also reviews the Company's management report and checks the disclosure of information as required by the listed company. This helps ensure transparency and honesty in the disclosure of the Company's information publicly and fully.

Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors, the Management Board and the Supervisory Board

SALARY, BONUS, REMUNERATION, BENEFITS

No.	Full name	Title	Income in 2024 (VND)
I Board of Directors			
1	Nguyen Van Quy	Chairman of Board of Directors	120,000,000
2	Do Van Tuan	Member of Board of Directors (Appointed on 19/04/2024) General Director (Appointed on 04/09/2024)	686,668,000
3	Dang Tan Thanh	Member of Board of Directors (Dismissed on 19/04/2024) General Director General Director (Retired on 01/09/2024)	657,558,000
4	Trinh Quoc Hung	Member of Board of Directors, Deputy General Director	715,891,000
5	Ngo Ngoc Quang	Member of Board of Directors	96,000,000
6	Ha Thai Son	Non-executive Member of Board of Directors	406,322,000
II Supervisory Board			
1	Vo Anh Tuan	Head of Supervisory Board	341,065,000
2	Nguyen Thi Thuy Duong	Member of Supervisory Board	63,000,000
4	Tran Chau Minh	Member of Supervisory Board	517,261,000
III Management Board			
1	Do Van Tuan	Member of Board of Directors (Appointed on 19/04/2024) General Director (Appointed on 04/09/2024)	As stated above
2	Vu Minh Tuan	Deputy General Director	625,791,000
4	Trinh Quoc Hung	Executive Members of Board of Directors, Deputy General Director	As stated above
IV Chief Accountant			
-	Nguyen Thi Huong	Chief Accountant (Appointed on 06/02/2024) Accounting Manager (From 01/08/2023 to 05/02/2024)	559,994,000

STOCK TRANSACTIONS OF INSIDERS

There is no change in the year

CONTRACTS OR TRANSACTIONS WITH INSIDERS

Transactions between the Company and related persons of the Company; or between the Company and major shareholders, insiders, related persons of insiders.

No.	Name of individual/ organization	Relationship with the Company	Enterprise Registration Certificate Number	Approved Resolution No./ Decision of the GMS/BOD...	Content, quantity, total transaction value
1	Can Tho Fertilizer and Chemicals Shares Company	Related organization	1800155438	...	Raw material purchase and sale: quantity: 395 Ton, Total value: 5.664 billion VND
2	Vina Plasticizer Chemicals Company Limited	Related organization	3600248128	...	Service fee: 2.836 billion VND
3	Southern Battery Shares Company	Related organization	0300405462	...	Acid purchase and sale: quantity 3,184 Ton, Total value: 6.243 billion VND
4	VINACHEM DAP No. 2 Shares Company	Related organization	5300265969	...	Raw material and service purchase and sale: quantity: 2,010 Ton, Total value: 26.778 billion VND
5	Ninh Binh Nitrogen One Member Co., Ltd	Related organization	2700667297	...	Raw material purchase and sale: quantity 4,300 Ton, Total value: 41.070 billion VND
6	VINACHEM DAP Shares Company	Related organization	0200827051	...	Raw material purchase and sale: 3,267.6 Ton; Total value: 42.769 million VND
7	Vietnam Apatite One Member Co., Ltd	Related organization	5300100276	...	Raw material purchase, quantity 61,608.7 Ton, Total value: 89.859 billion VND
8	Industrial Vapor Shares Company Welding Rods	Related organization	0300422482	...	Oxygen gas purchase, Total value: 74.459 million VND
9	Net Detergent Shares Company	Related organization	3600642822	...	Washing powder purchase, value 5.215: million VND
10	Southern Chemical Import-Export Joint Stock Company	Related organization	4103007366	...	Raw material purchase, quantity 523.436 Ton, Total value: 1.463 billion VND

FINANCIAL STATEMENTS

- 1 Auditor's opinion
- 2 Audited financial statements

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of The Southern Fertilizer Joint Stock Company (“the Company”) presents its report and the Company’s Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024.

THE COMPANY

The Southern Fertilizer Joint Stock Company was established on the basis of converting the Southern Fertilizer Company, a subsidiary of the Vietnam National Chemical Group, into a Joint Stock Company. The Company operates activities under Business registration certificate of joint stock company No. 0300430500 issued by Ho Chi Minh City Department of Investment and Planning for the first time on 20 September 2010, 10th re-registered on 11 September 2024.

The Company’s head office is located at No. 125B Cach Mang Thang Tam Street, Ward 5, District 3, Ho Chi Minh City.

BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISION

The members of The Board of Directors during the fiscal year and to the reporting date are:

Mr. Nguyen Van Quy	Chairman	
Mr. Trinh Quoc Hung	Member	
Mr. Ngo Ngoc Quang	Member	
Mr. Ha Thai Son	Member	
Mr. Do Van Tuan	Member	(Appointed on 19/04/2024)
Mr. Dang Tan Thanh	Member	(Resigned on 19/04/2024)

The members of The Board of Management in the fiscal year and to the reporting date are:

Mr. Do Van Tuan	General Director	(Appointed on 04/09/2024)
Mr. Dang Tan Thanh	General Director	(Retiring on 01/09/2024)
Mr. Vu Minh Tuan	Deputy General Director	
Mr. Trinh Quoc Hung	Deputy General Director	

The members of the Board of Supervision are:

Mr. Vo Anh Tuan	Head of Control Department
Mrs. Nguyen Thi Thuy Duong	Member
Mr. Tran Chau Minh	Member

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and until 31/08/2024 is Mr. Dang Tan Thanh - General Director.

The legal representative of the Company from 04/09/2024 and until the preparation of this Separate Financial Statements is Mr. Do Van Tuan - General Director.

AUDITORS

The auditors of AASC Auditing Firm Company Limited have taken the audit of Financial Statements for the Company.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT’S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management is responsible for the Financial Statements which give a true and fair view of the financial position of the Company, its operating results and its cash flows for the year. In preparing those Financial Statements, the Board of Management is required to:

- Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by the Board of Directors and Board of Management to ensure the preparation and presentation of Financial Statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Financial Statements;
- Prepare the Financial Statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Financial Statements;
- Prepare the Financial Statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that accounting records are kept to reflect the financial position of the Company, with reasonable accuracy at any time and to ensure that the Financial Statements comply with the current State’s regulations. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Financial Statements give a true and fair view of the financial position at 31 December 2024, its operation results and cash flows in the year 2024 of the Company in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of Financial Statements.

Other commitments

The Board of Management pledges that the Company complies with Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities and the Company does not violate the obligations of information disclosure in accordance with the regulations of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market and the Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 96/2020/TT-BTC.

Ho Chi Minh City, 03 March 2025
 On behalf of The Board of Management
 General Director



Do Van Tuan

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **Shareholders, The Board of Directors and The Board of Management**
The Southern Fertilizer Joint Stock Company

We have audited the accompanying Financial Statements of The Southern Fertilizer Joint Stock Company prepared on 03 March 2025, from page 05 to page 44, including: Statement of Financial position as at 31 December 2024, Statement of Income, Statement of Cash flows and Notes to the Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024.

Board of Management's Responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation and presentation of Financial Statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of Financial Statements and for such internal control as directors determines is necessary to enable the preparation and presentation of Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with standards and ethical requirements; plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and presentation of Financial Statements that give a true and fair view in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Auditors' opinion

In our opinion, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of The Southern Fertilizer Joint Stock Company as at 31 December 2024, its operating results and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of Financial Statements.

Hanoi, Vietnam, 03 March 2025

AASC Auditing Firm Company Limited

Deputy General Director

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

HÀNG KIỂM TOÁN

AASC

Q. HOÀN KIẾM, TP. HÀ NỘI

Ngô Minh Quy

Certificate of registration to audit practice

No. 2434-2023-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

Auditor

Le Truong Long

Certificate of registration to audit practice

No. 5480-2025-002-1

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2024

Code	ASSETS	Note	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. CURRENT ASSETS		1,129,651,248,905	1,000,137,911,222
110	I. Cash and cash equivalents	03	11,317,434,226	63,710,209,396
111	1. Cash		11,317,434,226	12,710,209,396
112	2. Cash equivalents		-	51,000,000,000
120	II. Short-term investments	04	391,440,000,000	506,300,000,000
123	1. Held-to-maturity investments		391,440,000,000	506,300,000,000
130	III. Short-term receivables		279,983,060,964	148,769,899,229
131	1. Short-term trade receivables	05	254,732,718,736	150,098,300,552
132	2. Short-term prepayments to suppliers	06	35,271,659,981	6,617,489,591
136	3. Other short-term receivables	07	8,224,401,637	8,821,199,121
137	4. Provision for short-term doubtful debts	08	(18,245,719,390)	(16,767,090,035)
140	IV. Inventories	09	434,603,299,210	261,108,837,471
141	1. Inventories		434,603,299,210	261,108,837,471
150	V. Other short-term assets		12,307,454,505	20,248,965,126
151	1. Short-term prepaid expenses	13	135,907,106	6,627,359,052
152	2. Deductible VAT		11,802,954,780	11,758,996,927
153	3. Taxes and other receivables from State budget	17	368,592,619	1,862,609,147
200	B. NON- CURRENT ASSETS		252,145,857,362	243,808,633,846
210	I. Long-term receivables		174,741,000	174,741,000
216	1. Other long-term receivables	07	174,741,000	174,741,000
220	II. Fixed assets		137,568,856,193	148,773,586,994
221	1. Tangible fixed assets	11	57,435,236,950	66,228,483,619
222	- Historical cost		551,551,346,087	541,537,394,365
223	- Accumulated depreciation		(494,116,109,137)	(475,308,910,746)
227	2. Intangible fixed assets	12	80,133,619,243	82,545,103,375
228	- Historical cost		114,702,444,707	114,702,444,707
229	- Accumulated amortization		(34,568,825,464)	(32,157,341,332)
240	IV. Long-term assets in progress	10	6,333,457,995	1,874,946,939
242	1. Construction in progress		6,333,457,995	1,874,946,939
250	V. Long-term investments	04	43,874,896,709	43,874,896,709
252	1. Investments in joint ventures and associates		43,874,896,709	43,874,896,709
260	VI. Other long-term assets		64,193,905,465	49,110,462,204
261	1. Long-term prepaid expenses	13	63,038,122,307	48,977,851,305
262	2. Deferred income tax assets	33	1,155,783,158	132,610,899
270	TOTAL ASSETS		1,381,797,106,267	1,243,946,545,068

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2024
(continued)

Code	CAPITAL	Note	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. LIABILITIES		732,492,246,785	590,405,768,437
310	I. Current liabilities		732,230,839,972	590,137,530,511
311	1. Short-term trade payables	15	53,241,638,230	58,022,976,703
312	2. Short-term prepayments from customers	16	9,432,174,613	8,595,200,033
313	3. Taxes and other payables to State budget	17	2,432,530,689	342,421,625
314	4. Payables to employees		11,007,848,793	18,666,666,420
315	5. Short-term accrued expenses	18	10,841,443,174	4,504,048,215
319	6. Other short-term payables	19	6,119,017,393	10,214,377,646
320	7. Short-term borrowings and finance lease liabilities	14	633,031,135,783	484,043,655,864
322	8. Bonus and welfare fund		6,125,051,297	5,748,184,005
330	II. Non-current liabilities		261,406,813	268,237,926
336	1. Long-term unearned revenue	20	135,406,813	142,237,926
337	2. Other long-term payables	19	126,000,000	126,000,000
400	D. OWNER'S EQUITY		649,304,859,482	653,540,776,631
410	I. Owner's equity	21	649,304,859,482	653,540,776,631
411	1. Contributed capital		478,973,330,000	478,973,330,000
411a	Ordinary shares with voting rights		478,973,330,000	478,973,330,000
418	2. Development and investment funds		108,768,765,516	91,722,508,590
420	3. Other reserves		7,390,923,137	7,390,923,137
421	4. Retained earnings		54,171,840,829	75,454,014,904
421a	RE accumulated to previous year		28,487,655,836	18,633,158,484
421b	RE of the current year		25,684,184,993	56,820,856,420
440	TOTAL CAPITAL		1,381,797,106,267	1,243,946,545,068

Preparer



Tran Thi Nga

Chief Accountant



Nguyen Thi Huong

Ho Chi Minh City, 03 March 2025

General Director



Do Van Tuan

STATEMENT OF INCOME

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

Code	ITEMS	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	23	1,605,625,066,749	1,560,100,299,383
02	2. Revenue deductions	24	5,467,635,599	1,135,360,198
10	3. Net revenue from sales of goods and rendering of services		1,600,157,431,150	1,558,964,939,185
11	4. Cost of goods sold and services rendered	25	1,460,647,679,714	1,471,060,651,014
20	5. Gross profit from sales of goods and rendering of services		139,509,751,436	87,904,288,171
21	6. Financial income	26	26,839,788,371	82,786,084,687
22	7. Financial expenses	27	29,657,200,425	33,031,952,307
23	In which: Interest expense		23,547,704,437	22,237,195,071
25	8. Selling expenses	28	61,479,655,637	47,783,015,261
26	9. General and administrative expenses	29	49,181,888,508	40,621,103,094
30	10. Net profit from operating activities		26,030,795,237	49,254,302,196
31	11. Other income	30	7,479,464,325	8,793,010,756
32	12. Other expenses	31	1,374,512,191	1,066,380,505
40	13. Other profit		6,104,952,134	7,726,630,251
50	14. Total net profit before tax		32,135,747,371	56,980,932,447
51	15. Current corporate income tax expense	32	7,474,734,637	250,838,491
52	16. Deferred corporate income tax expense	33	(1,023,172,259)	(90,762,464)
60	17. Profit after corporate income tax		25,684,184,993	56,820,856,420
70	18. Basic earnings per share	34	536	1,186

Preparer



Tran Thi Nga

Chief Accountant



Nguyen Thi Huong

Ho Chi Minh City, 03 March 2025

General Director



Do Van Tuan

STATEMENT OF CASH FLOWS

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

(Indirect method)

Code	ITEMS	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
01	1. Profit before tax		32,135,747,371	56,980,932,447
	2. Adjustments for			
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties		21,218,682,523	26,176,473,206
03	- Provisions		1,478,629,355	410,579,644
04	- Exchange gains/losses from retranslation of monetary items denominated in foreign currency		(435,658,881)	541,795,037
05	- Gains/losses from investment activities		(24,332,518,131)	(81,322,907,799)
06	- Interest expense		23,547,704,437	22,237,195,071
08	3. Operating profit before changes in working capital		53,612,586,674	25,024,067,606
09	- Increase/decrease in receivables		(134,610,764,587)	(35,979,116,792)
10	- Increase/decrease in inventories		(173,494,461,739)	309,987,634,526
11	- Increase/decrease in payables (excluding interest payable/ corporate income tax payable)		(9,217,417,127)	(94,619,416,474)
12	- Increase/decrease in prepaid expenses		(7,568,819,056)	(42,401,867,648)
14	- Interest paid		(23,606,389,899)	(21,950,572,591)
15	- Corporate income tax paid		(3,465,832,639)	-
17	- Other payments on operating activities		(5,462,568,350)	(1,994,572,650)
20	Net cash flows from operating activities		(303,813,666,723)	138,066,155,977
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets		(14,472,462,778)	(12,865,686,313)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		-	868,181,910
23	3. Loans and purchase of debt instruments from other entities		(920,667,000,000)	(826,655,000,000)
24	4. Collection of loans and resale of debt instrument of other entities		1,035,527,000,000	475,155,000,000
27	5. Interest and dividend received		26,196,765,611	77,124,734,519
30	Net cash flows from investing activities		126,584,302,833	(286,372,769,884)

STATEMENT OF CASH FLOWS

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

(Indirect method)

(Continued)

Code	ITEMS	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
33	1. Proceeds from borrowings		1,538,478,964,007	1,139,169,159,882
34	2. Repayment of principal		(1,389,491,484,088)	(925,101,596,951)
35	3. Repayment of financial principal		-	(530,895,632)
36	4. Dividends or profits paid to owners		(24,228,725,625)	(19,074,815,550)
40	Net cash flows from financing activities		124,758,754,294	194,461,851,749
50	Net cash flows in the year		(52,470,609,596)	46,155,237,842
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year		63,710,209,396	17,557,593,990
61	Effect of exchange rate fluctuations		77,834,426	(2,622,436)
70	Cash and cash equivalents at the end of the year	03	11,317,434,226	63,710,209,396

Ho Chi Minh City, 03 March 2025

Preparer



Tran Thi Nga

Chief Accountant



Nguyen Thi Huong

General Director



Do Van Tuan

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

1 . GENERAL INFORMATION

Forms of Ownership

The Southern Fertilizer Joint Stock Company was established on the basis of converting the Southern Fertilizer Company, a subsidiary of the Vietnam National Chemical Group, into a Joint Stock Company. The Company operates activities under Business registration certificate of joint stock company No. 0300430500 issued by Ho Chi Minh City Department of Investment and Planning for the first time on 20 September 2010, 10th re-registered on 11 September 2024.

The Company's head office is located at No. 125B Cach Mang Thang Tam Street, Ward 5, District 3, Ho Chi Minh City.

The Company's Charter capital: VND 478,973,330,000, equivalent to 47,897,333 shares, par value per share: VND 10,000. The actual contributed capital as at 31 December 2024 is VND 478,973,330,000.

The number of employees of the Company as at 31 December 2024 is 528 (as at 01 January 2024: 532).

Business field

Manufacture of fertilizers, commercial business.

Business activities

Main business activities of the Company include:

- Manufacture of various types of fertilizers: Super phosphate, NPK, Yogen foliar fertilizers... (not operating at the headquarters);
- Manufacture of sulfuric acid and other chemical products (not produced at headquarters);
- Trading equipment, machinery, spare parts, and raw materials for the production of fertilizers and chemicals;
- Manufacturing and installing chemical production equipment and lines;
- Manufacture of PP and PE packaging (not operating at headquarters);
- Business in various types of fertilizers (Super phosphate, NPK, Yogen foliar fertilizers...);
- Business of sulfuric acid and other chemical products;
- Business in PP and PE packaging.

The Company's operation in the year that affects the Financial Statements

The Total net profit before tax of the Company in 2024 decreased by 24.85 billion VND (equivalent to a decrease rate of 43.6%) compared to 2023, mainly due to:

- Net revenue from sales of goods and rendering of services increased by 41.19 billion VND (equivalent to a 2.64% increase) and cost of goods sold and services rendered decreased by 10.41 billion VND (equivalent to a 0.71% decrease), resulting in gross profit from sales and services increasing by 51.61 billion VND (equivalent to a 58.71% increase) compared to 2023. In 2024, the fertilizer business situation has many positive changes, with the demand for fertilizers in the market recovering and increasing rapidly, while the input material prices have decreased in line with the global market trend. This helps the consumption volume and profit margin to increase this year compared to last year.
- Financial income in 2024 decreased by 55.95 billion VND (equivalent to a 67.58% decrease) compared to 2023, resulting in a corresponding decrease in the Company's net profit before tax. The main reason is that in the previous year, the Company recorded a dividend from VINA Plasticizers Chemical Co., Ltd - an associated company, valued at 56.64 billion VND. This year, the Company did not generate any income from this dividend.
- Selling expenses increased by 13.7 billion VND (equivalent to a 28.66% increase) and General and administrative expenses increased by 8.56 billion VND (equivalent to a 21.07% increase) compared to 2023, resulting in a decrease in net profit before tax of 22.26 billion VND. The reason is that in 2024, the Company intensified advertising efforts, organized events, and customer conferences to expand product consumption markets and promote the Company's brand image and products.

Summarizing the main causes mentioned above, the Company's Total net profit before tax has sharply decreased this year compared to last year.

Corporate structure

The Company's member entities are as follows:

Name	Address	Main business activities
Hiep Phuoc Fertilizer Factory	Lot B2, Area B, Hiep Phuoc Industrial Park, Nha Be District, Ho Chi Minh City	Fertilizer production and business
Cuu Long Fertilizer Factory	No. 405, National Highway 1A, Tan Hoa Commune, Vinh Long City, Vinh Long Province	Fertilizer production and business
Long Thanh Super Phosphate Factory	Go Dau Industrial Park, Long Thanh District, Dong Nai Province	Fertilizer production and business
Packaging Factory	C1/3 National Highway 1A, Tan Kien Commune, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City	Packaging production and business

Information of Associates of the Company is provided in Note No. 04.

2 . ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

2.1 . Accounting period and accounting currency

Annual accounting period commences from 01 January and ends as at 31 December.

The Company maintains its accounting records in Vietnam Dong (VND).

2.2 . Standards and Applicable Accounting Policies

Applicable Accounting Policies

The Company applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance and the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC.

Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

2.3 . Basis for preparation of the Financial Statements

The Financial Statements are presented based on historical cost principle.

The Financial Statements of the Company are prepared based on summarization of the financial statements of the independent accounting entities and the head office of the Company.

2.4 . Accounting estimates

The preparation of Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the date of the Financial Statements and the reported amounts of revenues and expenses during the fiscal year.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Financial Statements include:

- Provision for bad debts;
- Provision for devaluation of inventory;
- Provision for payables;
- Estimated allocation of prepaid expenses;
- Estimated useful life of fixed assets;
- Classification and provision of financial investments;
- Estimated income tax;

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Company and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

2.5 . Financial Instruments

Initial recognition

Financial assets

Financial assets of the Company include cash, cash equivalents, trade receivables, other receivables, lending loans. At initial recognition, financial assets are identified by purchasing price/issuing cost plus other expenses directly related to the purchase and issuance of those assets.

Financial liabilities

Financial liabilities of the Company include borrowings, trade payables, other payables and accrued expenses. At initial recognition, financial liabilities are determined by issuing price plus other expenses directly related to the issuance of those liabilities.

Subsequent measurement after initial recognition

Financial assets and financial liabilities are not revalued according to fair value at the end of the year because the Circular No.210/2009/TT-BTC and prevailing statutory regulations require to present Financial statements and Notes to financial instruments but not provide any relevant instruction for assessment and recognition of fair value of financial assets and financial liabilities.

2.6 . Foreign currency transactions

Foreign currency transactions during the year are translated into Vietnam Dong using the actual rate at transaction date.

Actual exchange rate when revaluing monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date of Separate Financial Statements is determined under the following principles:

- For asset accounts, applying the bid rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction;
- For cash deposited in bank, applying the bid rate of the commercial bank where the Company opens its foreign currency accounts;
- For liability accounts, applying the offer rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transactions.

All exchange differences arising as a result of transactions or revaluation at the balance sheet date shall be recorded into the financial income or expense in the year.

2.7 . Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand, demand deposits.

Cash equivalents are short-term investments with the maturity of not over than 3 months from the date of investment, that are highly liquid and readily convertible into known amount of cash and that are subject to an insignificant risk of conversion into cash.

2.8 . Financial investments

Investments held to maturity comprise term deposits held to maturity to earn profits periodically.

Investments in associates are initially recognized at original cost. After initial recognition, value of these investments is measured at original cost less provision for devaluation of investments.

Provision for devaluation of investments is made at the end of the period as follows:

- Investments in associates: provision for loss investments shall be made based on the Financial Statement of associates at the provision date.
- Investments held to maturity: provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

2.9 . Receivables

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of the Company. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the Financial Statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating the possible losses.

2.10 . Inventories

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

Method for valuation of work in process at the end of the year: The value of work in progress is recorded based on actual cost incurred for each unfinished product.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the year is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.11 . Fixed assets

Fixed assets (tangible and intangible) are initially stated at the historical cost. During the using time, fixed assets (tangible and intangible) are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

Subsequent measurement after initial recognition

If these costs ament future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Statement of Income in the year in which the costs are incurred.

Fixed assets are depreciated (amortised) using the straight-line method over their estimated useful life as follows:

- Buildings, structures	05 - 20	years
- Machinery, equipment	04 - 10	years
- Vehicles, Transportation equipment	06 - 10	years
- Office equipments and furnitures	03 - 06	years
- Land use rights	39 - 50	years
- Managerment software	03 - 05	years

2.12 . Construction in progress

Construction in progress includes fixed assets which is being purchased and constructed as at the balance sheet date and is recognised in historical cost. This includes costs of construction, installation of equipment and other direct costs.

2.13 . Operating lease

Operating lease is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to Statement of Income on a straight-line basis over the period of the lease.

2.14 . Prepaid expenses

The expenses incurred but related to operating results of several accounting years are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting years.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in each accounting year should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria.

Types of prepaid expenses include:

- Fixed asset repair costs are recorded at their original cost and are allocated using the straight-line method over the useful life of each type of asset, with allocation period not exceeding 03 years. The determination of the useful life is based on the evaluation of the Company's technical department, considering the condition of the assets and the business production needs at the time of assessment.
- Tools and supplies include assets which are possessed by the Company in an ordinary course of business, with historical cost of each asset less than 30 million dong and therefore not eligible for recording as fixed asset under current legal regulations. The historical cost of tools and supplies are allocated on the straight-line basis from 01 year to 03 years.
- Other prepaid expenses are recorded at their historical costs and allocated on the straight-line basis under its estimated useful lives.

2.15 . Payables

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Company. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the Financial Statements according to their remaining terms at the reporting date.

2.16 . Borrowings

Borrowings shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings. In case of borrowings denominated in foreign currency, they shall be recorded in details in terms of types of currency.

2.17 . Borrowing costs

Borrowing costs are recognized as operating expenses in the period, in which it is incurred excepting those which are directly attributable to the construction or production of a qualifying asset are capitalized as part of the cost of that asset in accordance with VAS No. 16 "Borrowing costs". Besides, regarding borrowings serving the construction of fixed assets and investment properties, the interests shall be capitalized even when the construction duration is under 12 months.

2.18 . Accrued expenses

Accrued expenses include payables to goods or services received from the suppliers or provided for the customers during the reporting year, but the payments for such goods or services have not been made and other payables such as interest expenses, loading and unloading expenses, handling expenses, trade discounts, etc. which are recorded as operating expenses of the reporting year.

The recording of accrued expenses as operating expenses during the year shall be carried out under the matching principle between revenues and expenses during the year. Accrued expenses are settled with actual expenses incurred. The difference between accrued and actual expenses is reverted.

2.19 . Unearned revenues

Unearned revenues include prepayments from customers for one or many accounting periods relating to asset, premises leasing.

Unearned revenues are transferred to revenue from sale of goods and rendering of services with the amount corresponding to each accounting year.

2.20 . Owner's equity

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Other capital is the operating capital formed from the operating results or from gifts, presents, financing, assets revaluation (if these items are allowed to be recorded as a decrease or increase in the owner's equity).

Retained earnings are used to present the Company's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profits appropriation or loss handling of the Company.

The company sets up the following funds from the net profit after corporate income tax of the Company upon the proposal of the Board of Directors and approved by the shareholders at the annual general meeting of shareholders:

- Development and investment funds: This fund is established to serve the purpose of expanding the Company's operations or making in-depth investments.
- Bonus and welfare fund and Bonus for the Executive Board: This fund is established to reward, provide material incentives, bring common benefits, and enhance the welfare of employees, and is presented as a liability on the balance sheet.

Dividends payable are recognized for each specific object after the announcement of dividend payment from the Board of Directors and the announcement of the cut-off date for dividend payment of Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

2.21 . Revenue

Revenue is recognized to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured regardless of when payment is being made. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and sales returns. The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

Revenue from sale of goods:

- The majority of risks and benefits associated with the right to own the products or goods have been transferred to the buyer;
- The Company no longer holds the right to manage the goods as the goods owner, or the right to control the goods;

Revenue from rendering of services:

- The percentage of completion of the transaction at the Balance sheet date can be measured reliably;

Financial income

Financial incomes include income from assets yielding interest, royalties, dividends and other financial gains by the Company shall be recognised when the two (2) conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- The amount of the revenue can be measured reliably.

Dividend income shall be recognised when the Company's right to receive dividend is established.

2.22 . Revenue deductions

Revenue deductions from sales of goods and rendering of services arising in the year include: Trade discounts.

Trade discount incurred in the same period of sale of goods and rendering of services are recorded as a decrease in revenue in the incurring year. In case goods and services are sold in the previous years, but until the next year they are incurred as deductible items, the Company records the decrease in revenue under the following principles: If it is incurred prior to the issuance of Financial Statements, it is then recorded as a decrease in revenue on the Separate Financial Statements of the reporting year (the previous year); and if it is incurred after the issuance of Separate Financial Statements, it is recorded as a decrease in revenue of incurring year (the next year).

2.23 . Cost of goods sold and serviced rendered

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the year, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the year even when products and goods have not been determined as sold.

2.24 . Financial expenses

Items recorded into financial expenses comprise:

- Borrowing costs;
- Payment discounts, interests from deferred payment purchase;
- Losses from sale of foreign currency, exchange loss, etc.

The above items are recorded by the total amount arising in the year without offsetting against financial income.

2.25 . Corporate income tax

a) Deferred income tax asset

Deferred income tax asset is recognized for deductible temporary differences and the carrying forward of unused tax losses and unused tax credits. Deferred income tax liability is recognized for taxable temporary differences.

Deferred income tax asset is determined based on prevailing corporate income tax rate, tax rates and tax laws enacted at the end of fiscal year.

Deferred tax assets are recognized only to the extent that it is probable that taxable profit in future will be available against which the deductible temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are recorded as a decrease to the extent that it is not sure taxable economic benefits will be usable.

b) Current corporate income tax expenses and deferred corporate income tax expenses

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the period and current corporate income tax rate.

Deferred corporate income tax expenses are determined based on deductible temporary differences, the taxable temporary differences and corporate income tax rate.

Current corporate income tax expenses and deferred corporate income tax expenses are not offset against each other.

c) Current corporate income tax rate

For the fiscal year ended as at 31/12/2024, the Company applies the corporate income tax rate of 20% for the operating activities which has taxable income.

2.26 . Earnings per share

Basic earnings per share are calculated by dividing net profit or loss after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund and allowance for the Executive board) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

2.27 . Related parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Company's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of the Company, or being under common control with the Company, including the Company's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Company that have a significant influence on the Company, key management personnel including directors and employees of the Company, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Financial Statements, the Company should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

2.28 . Segment information

A segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in providing an individual or group of related products or services (business segment), or providing products or services within a particular economic environment (geographical segment). Each segment is subject to risks and returns that are different from other ones.

Segment information should be prepared in conformity with the accounting policies adopted for preparing and presenting the financial statements of the Company in order to help users of financial statements better understand and make more informed judgements about the Company as a whole.

3 . CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cash on hand	1,294,845,270	1,851,918,929
Demand deposits	10,022,588,956	10,858,290,467
Cash equivalents	-	51,000,000,000
	11,317,434,226	63,710,209,396

4 . FINANCIAL INVESTMENTS

a) Held to maturity investments

	31/12/2024		01/01/2024	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Short-term investments				
- Term deposits (*)	391,440,000,000	-	506,300,000,000	-
	391,440,000,000	-	506,300,000,000	-

(*) At 31 December 2024, terms deposits with term of 06 months at commercial banks with interest rate from 4.8%/year to 6.0%/year.

4 . FINANCIAL INVESTMENTS
b) Equity investments in other entities

	31/12/2024		01/01/2024	
	Original cost VND	Provision VND	Original cost VND	Provision VND
Investments in associates				
- VINA Plasticizer Chemical Co., Ltd (formerly: <i>LG Vina Chemical Co., Ltd</i>)	43,874,896,709	-	43,874,896,709	-
	43,874,896,709		43,874,896,709	

The Company has not determined the fair value of financial investments since Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System has not provided any detailed guidance on the determination of the fair value.

Detailed information about the associates of the Company as at 31/12/2024 as follows:

Name of financial investments	Place of establishment and operation	Rate of interest	Rate of voting rights	Principal activities
VINA Plasticizer Chemical Co., Ltd.	Dong Nai Province	35.00%	35.00%	Production and trading of plasticizers mainly for PVC plastic industry.

5 . SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
Trade receivables from related parties	967,548,076	-	2,563,123,364	-
- VINA Plasticizers Chemical Co., Ltd	564,142,876	-	976,443,483	-
- Branch of Southern Battery JSC - Dong Nai 2 Battery Factory	344,836,800	-	444,771,800	-
- Branch of Southern Battery JSC - Dong Nai Battery Factory	58,568,400	-	145,616,900	-
- Can Tho Fertilizer and Chemical JSC	-	-	996,291,181	-
Trade receivables from other parties	253,765,170,660	(18,155,719,390)	147,535,177,188	(16,677,090,035)
- Tuong Nguyen Import Export Trading Service Co., Ltd	56,375,458,850	-	-	-
- Anh Van Commerce Co., Ltd	26,630,532,543	-	22,838,228,000	-
- Tan Anh Agricultural Materials Co., Ltd	16,591,742,400	-	5,004,240,000	-
- Duc Hanh Moc Chau Co., Ltd	12,932,500,000	-	11,016,000,000	-
- Thinh Nong Fertilizer Co., Ltd	10,441,899,939	-	7,311,969,007	-
- General Food Business Enterprise Road 8 - Branch of Ha Tinh Food JSC	8,874,318,018	-	8,039,000,000	-
- Phu Doan Co., Ltd	7,679,089,800	-	2,460,797,009	-
- Trung Hieu Trading Co., Ltd	4,279,415,642	-	16,607,865,642	-
- Tan Tai Production Trading Service Co., Ltd	3,986,490,000	-	2,874,350,000	-
- Heartychem Corporation	-	-	11,356,953,969	-
- Global Fertilizer Investment Corporation	11,947,423,128	(11,470,423,128)	11,947,423,128	(10,249,734,231)
- Others	94,026,300,340	(6,685,296,262)	48,078,350,433	(6,427,355,804)
	254,732,718,736	(18,155,719,390)	150,098,300,552	(16,677,090,035)

6 . SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
Prepayments to related parties	241,305,081	-	101,690,000	-
- DAP - Vinachem JSC	241,305,081	-	-	-
- Ninh Binh Nitrogenous Fertilizer Co., Ltd	-	-	96,090,000	-
- DAP 2 - Vinachem JSC	-	-	5,600,000	-
Prepayments to other parties	35,030,354,900	(90,000,000)	6,515,799,591	(90,000,000)
- An An Fertilizer Import Export Co., Ltd	12,223,800,000	-	-	-
- Dong A International Design Consulting Construction JSC	6,508,020,477	-	237,568,100	-
- Thuy Ngan Trading Co., Ltd	4,103,766,220	-	-	-
- Asia Creative And Solution Digital Communication JSC	3,495,042,000	-	-	-
- Huy Hoang Construction - Manufacturing and Mechanical Processing Co., Ltd	2,866,934,261	-	-	-
- Nanjing Keli Chemicals Co., Ltd	161,053,776	-	1,031,209,200	-
- Divine Enterprise (Hong Kong) Limited	120,428,620	-	1,731,804,750	-
- Others	5,551,309,546	(90,000,000)	3,515,217,541	(90,000,000)
	35,271,659,981	(90,000,000)	6,617,489,591	(90,000,000)

7 . OTHER RECEIVABLES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term				
a.1) Details by content				
- Advances	217,558,695	-	199,860,642	-
- Mortgages	357,200,000	-	57,200,000	-
- Receivables from trade union fee, SI, HI, UI	515,059,469	-	1,757,961,827	-
- Interest from deposits	3,774,085,260	-	5,638,332,740	-
- Receivable from Phuc Loc Trading Co., Ltd of interest from late payment according to the contract	671,842,192	-	671,842,192	-
- Other receivables	2,688,656,021	-	496,001,720	-
	8,224,401,637	-	8,821,199,121	-

7 . OTHER RECEIVABLES (continued)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
a.2) Details by object				
Other parties	8,224,401,637	-	8,821,199,121	-
- Interest from deposits at the Commercial banks	3,774,085,260	-	5,638,332,740	-
- Receivables from trade union fee, SI, HI, UI	515,059,469	-	1,757,961,827	-
- Others	3,935,256,908	-	1,424,904,554	-
	8,224,401,637	-	8,821,199,121	-
b) Long-term				
Details by content				
- Mortgages	174,741,000	-	174,741,000	-
	174,741,000	-	174,741,000	-

8 . DOUBTFUL DEBTS

	31/12/2024		01/01/2024	
	Original cost	Provision	Recoverable value	Provision
	VND	VND	VND	VND
Total value of receivables and debts that are overdue or not due but difficult to be recovered				
Trade receivables				
- Global Fertilizer Investment Corporation	30,373,840,865	18,155,719,390	12,218,121,475	68,892,451,505
- Trung Hieu Commerce Co., Ltd	11,947,423,128	11,470,423,128	477,000,000	11,947,423,128
- Ngoc Hung Group JSC	1,064,265,625	-	1,064,265,625	16,607,865,642
- Others	2,954,703,200	2,954,703,200	-	2,954,703,200
	14,407,448,912	3,730,593,062	10,676,855,850	37,382,459,535
Prepayments to suppliers				
- Southern Fertilizer Testing Center	90,000,000	90,000,000	-	90,000,000
	90,000,000	90,000,000	-	90,000,000
	30,463,840,865	18,245,719,390	12,218,121,475	68,982,451,505
				16,767,090,035
				52,215,361,470
				1,697,688,897
				16,607,865,642
				2,954,703,200
				3,472,652,604
				33,909,806,931
				90,000,000
				90,000,000
				16,767,090,035
				52,215,361,470

9 . INVENTORIES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Goods in transit	26,721,665,100	-	-	-
Raw materials	265,472,497,091	-	156,456,436,778	-
Tools, supplies	10,733,021	-	16,556,748	-
Work in process	595,675,602	-	997,018,454	-
Finished goods	141,189,967,193	-	101,662,176,847	-
Goods	272,813,326	-	281,613,185	-
Consignments	339,947,877	-	1,695,035,459	-
	434,603,299,210	-	261,108,837,471	-

10 . CONSTRUCTION IN PROGRESS

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Procurement of fixed assets	5,684,735,773	1,324,724,717
- Heat exchanger E1002 - Long Thanh Factory	1,035,000,000	-
- Steam boiler sulfuric acid 98% production line - Long Thanh Factory	3,574,555,556	-
Construction in progress	1,696,402,439	1,847,446,939
- Company Office Building Project	780,443,567	780,443,567
- Project for the construction of the 300T barge dock inspection facility - Long Thanh Factory	294,736,650	544,281,150
- Chemical Storage Tank Construction Project - Long Thanh Factory	555,222,222	330,222,222
- Construction project of Warehouse No. 7 - Cuu Long Factory	-	192,500,000
- Others	66,000,000	-
Major repairs of fixed assets	27,500,000	27,500,000
- Repairing the coal storage house - Long Thanh Factory	27,500,000	27,500,000
	6,333,457,995	1,874,946,939

11 . TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, structures	Machinery, equipment	Vehicles, transportation equipment	Management equipment	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Historical cost					
Beginning balance	209,417,728,320	292,573,774,286	35,151,855,532	4,394,036,227	541,537,394,365
- Purchase in the year	-	-	3,239,162,963	125,474,411	3,364,637,374
- Completed construction investment	4,455,983,978	2,193,330,370	-	-	6,649,314,348
Ending balance	213,873,712,298	294,767,104,656	38,391,018,495	4,519,510,638	551,551,346,087
Accumulated depreciation					
Beginning balance	189,831,152,399	251,849,434,448	29,405,037,298	4,223,286,601	475,308,910,746
- Depreciation in the year	3,628,148,644	13,222,700,681	1,828,970,213	127,378,853	18,807,198,391
Ending balance	193,459,301,043	265,072,135,129	31,234,007,511	4,350,665,454	494,116,109,137
Net carrying amount					
Beginning balance	19,586,575,921	40,724,339,838	5,746,818,234	170,749,626	66,228,483,619
Ending balance	20,414,411,255	29,694,969,527	7,157,010,984	168,845,184	57,435,236,950

In which:

- Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use at the end of the year: VND 439,374,168,386.

12 . INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights (*)	Computer software	Total
	VND	VND	VND
Historical cost			
Beginning balance	113,624,444,707	1,078,000,000	114,702,444,707
Ending balance	113,624,444,707	1,078,000,000	114,702,444,707
Accumulated amortization			
Beginning balance	31,079,341,332	1,078,000,000	32,157,341,332
- Amortization in the year	2,411,484,132	-	2,411,484,132
Ending balance	33,490,825,464	1,078,000,000	34,568,825,464
Net carrying amount			
Beginning balance	82,545,103,375	-	82,545,103,375
Ending balance	80,133,619,243	-	80,133,619,243

In which:

- Cost of fully amortized intangible fixed assets but still in use at the end of the year: VND 1,078,000,000

(*) Intangible fixed assets of the Company are Land use rights at No. 125B Cach Mang Thang Tam Street, Ward 5, District 3, Ho Chi Minh City with term until 2061 and Land use rights at Lot B2, B part, Hiep Phuoc Industrial Zone, Nha Be District, Ho Chi Minh City with term until 2048.

13 . PREPAID EXPENSES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Short-term		
- Dispatched tools and supplies	31,908,309	308,057,565
- Repair of fixed assets expenses	24,685,000	216,130,073
- Shipping, loading expenses	79,313,797	145,915,497
- Others	-	5,957,255,917
	135,907,106	6,627,359,052
b) Long-term		
- Major repairs of fixed assets expenses	62,492,315,641	47,941,702,196
- Catalyst allocation expenses	545,806,666	1,036,149,109
	63,038,122,307	48,977,851,305

14 . SHORT-TERM BORROWINGS

	01/01/2024		During the year		31/12/2024	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Increase	Decrease	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vietnam Joint Stock Commercial Bank For Industry And Trade (Vietinbank) - Ho Chi Minh City Branch	212,915,571,463	212,915,571,463	524,283,256,050	495,983,443,238	241,215,384,275	241,215,384,275
- Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (VCB) - Ho Chi Minh City Branch	127,060,223,607	127,060,223,607	505,523,288,096	391,175,596,715	241,407,914,988	241,407,914,988
- Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank) - Branch 3	42,904,934,740	42,904,934,740	248,909,031,220	173,723,172,405	118,090,793,555	118,090,793,555
- Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Ben Nghe Branch	61,941,969,189	61,941,969,189	230,516,245,295	260,141,171,519	32,317,042,965	32,317,042,965
- Shinhhan Bank Vietnam Limited - Ho Chi Minh City Branch	17,859,566,349	17,859,566,349	-	17,859,566,349	-	-
- CTBC Bank (Vietnam) Limited - Ho Chi Minh City Branch	8,550,810,286	8,550,810,286	-	8,550,810,286	-	-
- Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIB)	9,921,178,514	9,921,178,514	274,529,230	10,195,707,744	-	-
- Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB) - Phu Lam Branch	2,889,401,716	2,889,401,716	11,502,330,173	14,391,731,889	-	-
- Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank (MSB) - Ho Chi Minh City Branch	-	-	17,470,283,943	17,470,283,943	-	-
	484,043,655,864	484,043,655,864	1,538,478,964,007	1,389,491,484,088	633,031,135,783	633,031,135,783

14 . SHORT-TERM BORROWINGS

Detailed information on Short-term borrowings:

Lenders	Contract No.	Interest Rate	Maturity	Loan purpose	Guarantee	Credit line	31/12/2024
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Ho Chi Minh City Branch	Lending limit contract No. 24.2110019/2024-HDCVHM/NHCT900-SFG dated 29/06/2024	Based on each debt receipt	Not more than 12 months according to each debt receipt	Supplement working capital for fertilizer production and business activities	Unsecured	VND 400,000,000,000 (or equivalent US Dollar (USD))	VND 241,215,384,275
Joint Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch	Credit contract No. 65/98054/24-DNI/N-CTD dated 19/08/2024, Lending limit contract No. 65/98054/24-DNI/N-HM/01 dated 19/08/2024, Letter of Credit Issuance Agreement No. 65/98054/24-DNI/N-LC/01	Based on each debt receipt	12 months from the effective date of the credit contract	Supplementing the need for legal, reasonable and valid short-term credit capital to serve production and business activities but not including the need to withdraw short-term capital to serve fixed asset investment activities	Unsecured	VND 300,000,000,000	VND 241,407,914,988
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Branch 3	Credit contract No. 1602-LAV-202400353 dated 06/06/2024	Based on each debt receipt	Until 05/06/2025	Supplementing working capital for production and business activities in 2024 and 2025	Unsecured	VND 120,000,000,000 (or equivalent US Dollar (USD))	VND 118,090,793,555
Joint Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ben Nghe Branch	Credit limit contract No. 01/2024/7609940/HDTD dated 23/12/2024	Based on each debt receipt	12 months from the effective date of the credit contract	Supplement working capital, issue guarantees, open L/C to serve production and business activities	Unsecured	VND 200,000,000,000 (or equivalent US Dollar (USD))	VND 32,317,042,965
							633,031,135,783

15 . SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
Trade payables to related parties	1,142,592,178	1,142,592,178	10,732,250,892	10,732,250,892
- Southern Chemical Import-Export JSC	1,135,366,978	1,135,366,978	-	-
- Branch of Industrial Gas And Welding Electrode JSC - Bien Hoa Industrial Gas And Welding Electrode Enterprise	1,101,600	1,101,600	5,313,600	5,313,600
- Branch of Industrial Gas And Welding Electrode JSC - Binh Duong Industrial Gas And Welding Electrode Enterprise	6,123,600	6,123,600	2,624,400	2,624,400
- DAP - Vinachem JSC	-	-	9,708,300,000	9,708,300,000
- Can Tho Fertilizer and Chemical JSC	-	-	806,634,251	806,634,251
- Vietnam Apatit Limited Company	-	-	209,378,641	209,378,641
Trade payables to other parties	52,099,046,052	52,099,046,052	47,290,725,811	47,290,725,811
- Binh Dinh Agriculture Technic Material JSC	5,395,000,000	5,395,000,000	-	-
- Chin Mach Mechanical Co., Ltd	4,616,881,090	4,616,881,090	2,525,613,505	2,525,613,505
- Duong Du Private Enterprise	3,157,619,567	3,157,619,567	3,138,732,612	3,138,732,612
- Hai Phong Railway Service JSC	2,538,254,464	2,538,254,464	3,343,365,920	3,343,365,920
- Tuong Nguyen Import Export Trading Service Co., Ltd	2,308,659,800	2,308,659,800	-	-
- Thien Tan Industrial JSC	1,686,807,148	1,686,807,148	2,920,160,844	2,920,160,844
- Gia Huy Trading And Fertilizer JSC	1,680,548,500	1,680,548,500	-	-
- Quang Thinh Phat Trading And Supply Services Co., Ltd	1,573,742,366	1,573,742,366	1,750,413,718	1,750,413,718
- Thien Son VN Co., Ltd	1,423,842,826	1,423,842,826	-	-
- Lua Thom Trading and Services Co., Ltd	1,463,494,429	1,463,494,429	890,929,098	890,929,098
- Thien Thien Thanh Import Export Trading Co., Ltd	-	-	3,436,937,500	3,436,937,500
- Others	26,254,195,862	26,254,195,862	29,284,572,614	29,284,572,614
	53,241,638,230	53,241,638,230	58,022,976,703	58,022,976,703

16 . SHORT-TERM PREPAYMENTS FROM CUSTOMERS

	31/12/2024		01/01/2024	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
Prepayments from other parties				
- JBG Company Limited	1,142,936,250	1,142,936,250	-	-
- Vietgro Export Import Co., Ltd	7,720,650,000	7,720,650,000	-	-
- Minh Thong Distribution Co., Ltd	-	-	4,200,000,000	4,200,000,000
- Tan Tao QN Trading Co., Ltd	-	-	1,537,500,000	1,537,500,000
- KC Ha Tinh Corporation JSC	-	-	1,424,563,200	1,424,563,200
- Others	568,588,363	568,588,363	1,433,136,833	1,433,136,833
	9,432,174,613	9,432,174,613	8,595,200,033	8,595,200,033

17 . TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Opening receivable	Payables in the year	Actual payment in the year	Closing receivables	Tax payable at the end of the year
	VND	VND	VND	VND	VND
- Value-added tax	-	10,335,567,672	10,049,329,834	-	286,237,838
- Export, import duties	-	5,964,909,224	5,964,909,224	-	-
- Corporate income tax	1,862,609,147	7,474,734,637	3,465,832,639	-	2,146,292,851
- Personal income tax	-	342,421,625	2,339,487,840	366,319,329	-
- Land tax and land rental	-	1,630,746,886	2,650,206,038	-	-
- Other taxes	-	7,000,000	7,000,000	-	-
- Fees, charges and other payables	-	157,913,420	160,186,710	2,273,290	-
	1,862,609,147	28,221,077,877	24,636,952,285	368,592,619	2,432,530,689

The Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the Financial Statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

18 . SHORT-TERM ACCRUAL EXPENSES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Interest expenses	488,582,266	547,267,728
- Discount and promotion costs	5,778,915,791	663,054,495
- Shipping, loading, handling expenses	4,499,433,753	2,365,092,849
- Others	74,511,364	928,633,143
	10,841,443,174	4,504,048,215

19 . OTHER PAYABLES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Short-term		
a.1) Details by content		
- Trade union fee, SI, HI, UI	729,826,066	1,858,072,271
- Payables on equitization	-	3,623,472,867
- Short-term deposits, collateral received	737,500,000	687,500,000
- Dividends, profits payable	364,703,225	644,762,350
- Payables of the deposit for the Long Thanh Factory dormitory	1,315,166,029	1,606,131,749
- Other payables	2,971,822,073	1,794,438,409
	6,119,017,393	10,214,377,646
a.2) Details by object		
Other payables to related parties	10,500,000	3,623,472,867
- Vietnam National Chemical Group	10,500,000	3,623,472,867
Other payables to other parties	6,108,517,393	6,590,904,779
- Dividends payable to other shareholders	364,703,225	644,762,350
- Payables of the deposit for the Long Thanh Factory dormitory	1,315,166,029	1,606,131,749
- Trade union fee, SI, HI, UI payables	729,826,066	1,858,072,271
- Others	3,698,822,073	2,481,938,409
	6,119,017,393	10,214,377,646
b) Long - term		
- Long-term deposits, collateral received	126,000,000	126,000,000
	126,000,000	126,000,000

20 . UNEARNED REVENUES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Unearned revenues from premises lease (*)	135,406,813	142,237,926
	135,406,813	142,237,926

(*) Deferred revenue is the money for VINA Plasticizers Chemical Co., Ltd for leasing land according to Lease Contract No. 07/DHTD dated 25/09/2005 with a lease term of 40 years.

21 . OWNER'S EQUITY
a) Changes in owner's equity

	Contributed capital		Development and investment funds		Other reserves		Retained earnings		Total	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Balance as at 01/01/2023	478,973,330,000	78,213,308,772	7,390,923,137	56,100,108,108	620,677,670,017					
Profit for previous year	-	-	-	56,820,856,420	56,820,856,420					
Setting up Development and investment funds	-	13,509,199,818	-	(13,509,199,818)	-					
Setting up bonus and welfare funds	-	-	-	(4,503,066,606)	(4,503,066,606)					
Setting up bonus for Executive board	-	-	-	(163,750,000)	(163,750,000)					
Remuneration to the Board of Directors and the Board of Supervision	-	-	-	(132,000,000)	(132,000,000)					
Dividends distribution	-	-	-	(19,158,933,200)	(19,158,933,200)					
Balance as at 31/12/2023	478,973,330,000	91,722,508,590	7,390,923,137	75,454,014,904	653,540,776,631					
Balance as at 01/01/2024	478,973,330,000	91,722,508,590	7,390,923,137	75,454,014,904	653,540,776,631					
Profit for this year	-	-	-	25,684,184,993	25,684,184,993					
Setting up Development and investment funds (*)	-	17,046,256,926	-	(17,046,256,926)	-					
Setting up bonus and welfare funds (*)	-	-	-	(5,682,085,642)	(5,682,085,642)					
Setting up bonus for Executive board (*)	-	-	-	(157,350,000)	(157,350,000)					
Remuneration to the Board of Directors and the Board of Supervision (*)	-	-	-	(132,000,000)	(132,000,000)					
Dividends distribution (*)	-	-	-	(23,948,666,500)	(23,948,666,500)					
Balance as at 31/12/2024	478,973,330,000	108,768,765,516	7,390,923,137	54,171,840,829	649,304,859,482					

According to the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders No. 14/NQ-ĐHĐCĐ dated 19/04/2024, and Notification No. 1084/TB-SGDHCM dated 03/06/2024 regarding the final registration date for the 2023 dividend entitlement, the Company announces the profit distribution for 2023 as follows:

	Rate	Amount
	%	VND
Retained earnings in 2023	100.00	56,820,856,420
Setting up Development and investment funds	30.00	17,046,256,926
Setting up Bonus and welfare fund	10.00	5,682,085,642
Setting up Bonus for Executive Board (1.5 months of the average actual salary of the dedicated Company Manager)	0.28	157,350,000
Remuneration to the Board of Directors and the Board of Supervision	0.23	132,000,000
Dividend payment (5% of Charter capital, equivalent to VND 500 per share)	42.15	23,948,666,500
Remaining retained earnings in 2023	17.34	9,854,497,352

b) Details of Contributed capital

	Rate	Ending of the year	Rate	Beginning of the year
	%	VND	%	VND
- Vietnam National Chemical Group	65.05	311,588,130,000	65.05	311,588,130,000
- Others	34.95	167,385,200,000	34.95	167,385,200,000
	100	478,973,330,000	100	478,973,330,000

c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Owner's contributed capital		
- At the beginning of the year	478,973,330,000	478,973,330,000
- At the end of the year	478,973,330,000	478,973,330,000
Dividends, profits		
- Dividends, profits payable at the beginning of the year	644,762,350	560,644,700
- Dividend, profit payable in the year	23,948,666,500	19,158,933,200
+ Dividend payable from last year's profit	23,948,666,500	19,158,933,200
- Dividend paid in cash	(24,228,725,625)	(19,074,815,550)
+ Dividends, profits paid from last year's profit	(24,228,725,625)	(19,074,815,550)
- Dividend payable at the end of the year	364,703,225	644,762,350

	31/12/2024	01/01/2024
d) Share		
Quantity of Authorized issuing shares	47,897,333	47,897,333
Quantity of issued shares and fully contributed	47,897,333	47,897,333
- Common shares	47,897,333	47,897,333
Quantity of outstanding shares in circulation	47,897,333	47,897,333
- Common shares	47,897,333	47,897,333
Par value per share: VND 10,000.		
e) Company's reserves		
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Development and investment funds	108,768,765,516	91,722,508,590
Others	7,390,923,137	7,390,923,137
	116,159,688,653	99,113,431,727

22. OFF STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS AND OPERATING LEASE COMMITMENT

a) Operating leased assets

The Company signed a land lease contract as follows:

- The land lease contract according to the cadastral map extract of land lot number 3710/TĐBĐ in Phuoc Thai commune, Long Thanh district, Dong Nai province, for the purpose of using it as a production workshop from 2007 to 2043. The area of the leased land is 95,606 m². According to this contract, the Company must pay the annual land rent until the contract expires in accordance with the current regulations of the State.
- The land lease contract for lot B2 located in the Hiep Phuoc Industrial Park on Road No. 1, Hiep Phuoc Industrial Park, Hiep Phuoc Commune, Nha Be District, Ho Chi Minh City, for the purpose of using it as a production workshop from 2002 to 2048. The leased land area is 70,081.2 m². According to this contract, the Company must pay the land rent in one lump sum as per the current regulations of the State.
- Land lease contract according to the extract from the cadastral map No. 214/2017 in Tan Hoa commune, Vinh Long city, Vinh Long province for the purpose of using it as a production workshop from 2018 to 2046. The area of the leased land is 36,395.2 m². According to this contract, the Company must pay annual land rent until the contract expires in accordance with current state regulations.
- The land lease contract for lot C1/3 National Highway 1A, Tan Kien Commune, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City for the purpose of using it as a production workshop. The leased land area is 11,939.1 m², and the land use term expired in 12/2006. From 12/2006 until now, the Company has continued to use this plot of land and pay annual rent until the State implements the planning and reclaims the aforementioned plot of land according to Decision No. 1874/QĐ-UBND dated 21/04/2006 issued by the People's Committee of Ho Chi Minh City.

b) Assets held under trust

Type, specification	Unit	31/12/2024		01/01/2024	
		Quantity	Quality	Quantity	Quality
- Long Thanh Super Phosphate Powder	Ton	8,207.40	Normal	6,159.55	Normal
- Long Thanh granular superphosphate	Ton	1,220.30	Normal	1,255.75	Normal
- Various types of NPK fertilizers	Ton	5,183.80	Normal	1,059.00	Normal
- Southern Fertilizer MK TVL	Ton	275.00	Normal	272.00	Normal
- Axit Sunfuric 2 (H2SO4)	Ton	514.49	Normal	-	-
- Yogen 5 mineral-organic (6-3-3-15)	Ton	10.00	Normal	-	-
- Zinc Sulphate	Ton	-	-	117.50	Normal
- Borax Pentahydrate	Ton	-	-	14.00	Normal

c) Foreign currencies

	31/12/2024	01/01/2024
- USD	7,579.89	5,385.91
- EUR	201.65	201.37

d) Bad debts written off

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Phu Si General Trading Co., Ltd	8,712,466,354	8,712,466,354
- Trung Dong Private Enterprise	3,669,353,250	3,669,353,250
- Minh Thien Co., Ltd	2,052,498,348	2,052,498,348
- Viet My Agricultural Industry JSC	1,625,632,560	1,625,632,560
- Pham Van Ngo Fertilizer Business	1,026,767,935	1,026,767,935
- Mrs. Le Thi Kim May	958,333,307	958,333,307
- Others	5,533,811,903	5,533,811,903
	23,578,863,657	23,578,863,657

23 . TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Revenue from sales of goods	479,878,272,725	401,512,717,636
Revenue from sales of finished goods	1,116,401,189,145	1,149,384,418,040
Other revenue	9,345,604,879	9,203,163,707
	1,605,625,066,749	1,560,100,299,383
In which: Revenue from related parties	14,744,129,238	64,181,894,007

(Detailed as in Note No. 40)

24 . REVENUE DEDUCTIONS

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Trade discounts	5,467,635,599	567,867,420
Sale returns	-	31,532,160
Sale discounts	-	535,960,618
	5,467,635,599	1,135,360,198

25 . COST OF GOODS SOLD

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Cost of raw materials sold	472,489,634,756	399,702,444,116
Costs of finished goods sold	980,589,152,002	1,066,878,265,036
Others	7,568,892,956	4,479,941,862
	1,460,647,679,714	1,471,060,651,014
In which: Purchase from related parties	202,020,066,589	111,334,053,451

(Detailed as in Note No. 40)

26 . FINANCIAL INCOME

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Interest income	24,332,518,131	23,812,685,889
Dividend, profits received	-	56,642,040,000
Gain on exchange difference in the year	1,742,784,723	1,613,162,726
Gain on exchange difference at the year - end	435,658,881	53,941,434
Interest from deferred payment sale, payment discount	328,826,636	664,254,638
	26,839,788,371	82,786,084,687
In which: Financial income received from related parties	153,374,160	57,260,706,622

(Detailed as in Note No. 40)

27 . FINANCIAL EXPENSES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Interest expenses	23,547,704,437	22,237,195,071
Payment discount, interests from deferred payment purchase	4,673,898,858	2,940,671,684
Loss on exchange difference in the year	1,435,597,120	7,156,945,019
Loss on exchange difference at the year - end	-	595,736,471
Others	10	101,404,062
	29,657,200,425	33,031,952,307

28 . SELLING EXPENSES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Raw materials	738,705,760	534,947,632
Labour expenses	5,094,631,081	4,593,751,295
Expenses of outsourcing services	40,223,453,996	26,898,369,763
Other expenses in cash	15,422,864,800	15,755,946,571
	61,479,655,637	47,783,015,261
In which: Selling expenses purchased from related parties	80,000,000	-

(Detailed as in Note No. 40)

29 . GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Raw materials	32,181,818	12,000,000
Labour expenses	16,994,668,924	16,958,064,516
Depreciation expenses	2,013,229,194	2,338,669,923
Provision expenses	1,478,629,355	410,579,644
Tax, Charge, Fee	858,275,063	1,008,901,001
Expenses of outsourcing services	14,505,033,255	11,748,387,453
Other expenses in cash	13,299,870,899	8,144,500,557
	49,181,888,508	40,621,103,094

30 . OTHER INCOME

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Gain from liquidation, disposal of fixed assets	-	868,181,910
Gain from leasing premises, storages	1,152,367,716	1,241,888,555
Gain from sales of scraps, tools	951,440,502	650,943,769
Gain from inventory discrepancy resolution	996,388,042	1,008,398,750
Gain from contract violation penalties	717,354,662	2,665,637,320
Others	3,661,913,403	2,357,960,452
	7,479,464,325	8,793,010,756
	34,440,000	-

In which: Other income from related parties
(Detailed as in Note No. 40)

31 . OTHER EXPENSES

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Scrap collection fee	299,748,750	218,337,500
Support and sponsorship costs	104,047,900	102,000,000
Fines	530,640,574	21,761,817
Others	440,074,967	724,281,188
	1,374,512,191	1,066,380,505

32 . CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Total profit before tax	32,135,747,371	56,980,932,447
Increase	5,673,584,696	976,917,166
- Ineligible expenses	557,723,400	523,104,846
- Accrued discount and promotion expenses in the year	5,115,861,296	453,812,320
Decrease	(435,658,881)	(61,617,160)
- Gain on exchange difference at the year - end	(435,658,881)	(61,617,160)
Taxable income	37,373,673,186	57,896,232,453
Income subjected to CIT-exemption	-	(56,642,040,000)
- Dividends, profits received	-	(56,642,040,000)
Taxable income	37,373,673,186	1,254,192,453
Current corporate income tax expense (tax rate 20%)	7,474,734,637	250,838,491
Tax payable at the beginning of the year	(1,862,609,147)	(2,113,447,638)
Tax paid in the year	(3,465,832,639)	-
Corporate income tax payable at the year-end	2,146,292,851	(1,862,609,147)

33 . DEFERRED INCOME TAX

a) Deferred income tax assets

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Corporate income tax rate used to determine deferred income tax assets	20%	20%
- Deferred income tax assets related to deductible temporary differences	1,155,783,158	132,610,899
Deferred income tax assets	1,155,783,158	132,610,899

b) Deferred corporate income tax expense

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Deferred CIT income arising from deductible temporary difference	(1,023,172,259)	(90,762,464)
Deferred corporate income tax expense	(1,023,172,259)	(90,762,464)

34 . BASIC EARNINGS PER SHARE

Basic earnings per share distributed to common shareholders of the Company are calculated as follows:

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Net profit after tax	25,684,184,993	56,820,856,420
Profit distributed to common shares	25,684,184,993	56,820,856,420
Average number of outstanding common shares in circulation in the year	47,897,333	47,897,333
Basic earnings per share	536	1,186

The Company has not planned to make any distribution to Bonus and welfare fund, bonus for the Executive board from the net profit after tax at the date of preparing Financial Statements.

As at 31 December 2024, the Company does not have shares with dilutive potential for earnings per share.

35 . BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Raw materials	826,490,782,209	789,427,275,387
Labour expenses	95,758,133,135	81,036,481,062
Depreciation expenses	21,218,682,523	26,176,473,206
Expenses of outsourcing services	131,234,933,554	82,972,585,133
Other expenses in cash	60,409,788,239	52,614,745,217
Provision expenses for bad debts	1,478,629,355	385,769,316
	1,136,590,949,015	1,032,613,329,321

36 . FINANCIAL INSTRUMENTS

Financial risk management

Financial risks that the Company may face risks including: market risk, credit risk and liquidity risk.

The Company has developed its control system to ensure the reasonable balance between cost of incurred risks and cost of risk management. The Board of Management of the Company is responsible for monitoring the risk management process to ensure the appropriate balance between risk and risk control.

Market risk

The Company may face with the market risk such as: changes in exchange rates and interest rates.

Exchange rate risk:

The Company bears the risk of interest rates due to the transaction made in a foreign currency other than VND such as: borrowings and debts, revenue, cost, importing materials, good, machinery and equipment, etc.

Interest rate risk:

The Company bears the risk of interest rates due to the fluctuation in fair value of future cash flow of a financial instrument in line with changes in market interest rates if the Company has time or demand deposits, borrowings and debts subject to floating interest rates. The Company manages interest rate risk by analyzing the market competition situation to obtain interest beneficial for its operation purpose.

Credit Risk

Credit risk is the risk of financial loss to the Company if a counterparty fails to perform its contractual obligations. The Company has credit risk from operating activities (mainly to trade receivables) and financial activities (including deposits, loans and other financial instruments).

	Under 1 year	From 1 year to 5 years	Over 5 years	Total
	VND	VND	VND	VND
As at 31/12/2024				
Cash and cash equivalents	10,022,588,956	-	-	10,022,588,956
Trade and other receivables	244,801,400,983	174,741,000	-	244,976,141,983
Loans	391,440,000,000	-	-	391,440,000,000
	646,263,989,939	174,741,000	-	646,438,730,939
As at 01/01/2024				
Cash and cash equivalents	61,858,290,467	-	-	61,858,290,467
Trade and other receivables	142,242,409,638	174,741,000	-	142,417,150,638
Loans	506,300,000,000	-	-	506,300,000,000
	710,400,700,105	174,741,000	-	710,575,441,105

Liquidity Risk:

Liquidity risk is the risk that the Company has trouble in settlement of its financial obligations due to the lack of funds. Liquidity risk of the Company mainly arises from different maturity of its financial assets and liabilities.

Due date for payment of financial liabilities based on expected payment under the contracts (based on cash flow of the original debts) as follows:

	Under 1 year	From 1 year to 5 years	Over 5 years	Total
	VND	VND	VND	VND
As at 31/12/2024				
Borrowings and debts	633,031,135,783	-	-	633,031,135,783
Trade and other payables	59,360,655,623	126,000,000	-	59,486,655,623
Accrued expenses	10,841,443,174	-	-	10,841,443,174
	703,233,234,580	126,000,000	-	703,359,234,580
As at 01/01/2024				
Borrowings and debts	484,043,655,864	-	-	484,043,655,864
Trade and other payables	68,237,354,349	126,000,000	-	68,363,354,349
Accrued expenses	4,504,048,215	-	-	4,504,048,215
	556,785,058,428	126,000,000	-	556,911,058,428

The Company believes that risk level of loan repayment is controllable. The Company has the ability to pay due debts from cash flows from its operating activities and cash received from mature financial assets.

37 . ADDITIONAL INFORMATION FOR THE ITEMS OF THE STATEMENT OF CASH FLOWS

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
a) Proceeds from borrowings during the year		
Proceeds from ordinary contracts;	1,538,478,964,007	1,139,169,159,882
b) Actual repayments on principal during the year		
Repayment on principal from ordinary contracts;	1,389,491,484,088	925,101,596,951
Repayment on principal from finance lease contracts;	-	530,895,632

38 . SUBSEQUENT EVENTS AFTER THE REPORTING PERIOD

There have been no significant events occurring after the reporting period, which would require adjustments or disclosures to be made in the Financial Statements.

39 . SEGMENT REPORTING

Under business fields:

The Company's business activities mainly comprise selling fertilizers, chemicals. Revenue and cost of goods sold from the main business activities are presented in Notes No. 23 and No. 25. Therefore, the Company does not prepare segment reports by business fields.

Under geographical areas:

	Export	Domestic	Grand Total
	VND	VND	VND
Net revenue from sales to external customers	92,187,550,474	1,507,969,880,676	1,600,157,431,150
The total cost of acquisition of fixed assets			14,472,462,778
Segment assets	-	1,380,641,323,109	1,380,641,323,109
Non- allocated assets			1,155,783,158

40 . TRANSACTION AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

List and relation between related parties and the Company are as follows:

Related parties	Relation
Vietnam National Chemical Group	Parent Company
Center for Scientific and Technological Chemical Information	Dependent Unit of Parent company
VINA Plasticizer Chemical Co., Ltd (formerly: LG Vina Chemical Co., Ltd)	Associate
Ninh Binh Nitrogenous Fertilizer Co., Ltd	Same parent company
Viet - Lao Chemical And Rock Salt Co., Ltd (VILACHEMSALT)	Same parent company
Vietnam Apatit Limited Company	Same parent company
Industrial Gas And Welding Electrode JSC	Same parent company
Hanoi Soap JSC	Same parent company
Ninh Binh Phosphate Fertilizer JSC	Same parent company
Lam Thao Fertilizers and Chemicals JSC	Same parent company
Viet Tri Chemical JSC	Same parent company
Vandien Fused Magnesium Phosphate Fertilizer JSC	Same parent company
Binh Dien Fertilizer JSC	Same parent company
South Basic Chemicals JSC	Same parent company
DAP - VINACHEM JSC	Same parent company
DAP 2 - VINACHEM JSC	Same parent company
Dry Cell and Storage Battery JSC	Same parent company
The Southern Rubber Industry JSC	Same parent company
Vietnam Pesticide JSC	Same parent company
Lix Detergent JSC	Same parent company
Da Nang Rubber JSC	Same parent company
Net Detergent JSC	Same parent company
Sao Vang Rubber JSC	Same parent company
Chemical Industry Engineering JSC	Same parent company
Tia Sang Battery JSC	Same parent company
Habac Nitrogenous Fertilizer and Chemicals JSC	Same parent company
Can Tho Fertilizer and Chemicals JSC	Same parent company
South Chemicals Import - Export JSC	Same parent company
Members of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervision	

In addition to the information with related parties presented in the above Notes, during the year, the Company has transactions with related parties as follows:

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Revenue from sales of goods and rendering of services	14,744,129,238	64,181,894,007
- VINA Plasticizer Chemical Co., Ltd	2,836,088,738	3,110,598,794
- Can Tho Fertilizer and Chemicals JSC	5,664,300,000	54,738,000,000
- Dry Cell and Storage Battery JSC	6,243,740,500	5,729,170,000
- Ninh Binh Nitrogenous Fertilizer Co., Ltd	-	449,074,129
- DAP 2 - VINACHEM JSC	-	155,051,084
Purchase of goods, services	202,020,066,589	111,334,053,451
- Vietnam Apatit Limited Company	89,859,544,895	50,701,807,471
- Ninh Binh Nitrogenous Fertilizer Co., Ltd	41,070,000,000	4,351,876,500
- South Chemicals Import - Export JSC	1,463,117,720	-
- Can Tho Fertilizer and Chemicals JSC	-	229,562,304
- DAP - VINACHEM JSC	42,769,729,738	55,346,232,778
- Industrial Gas And Welding Electrode JSC	74,459,150	73,809,400
- Net Detergent JSC	5,215,086	14,512,220
- DAP 2 - VINACHEM JSC	26,778,000,000	475,975,000
- Chemical Industry Engineering JSC	-	140,277,778
Financial income - Interest from deferred payment sale, payment discount	153,374,160	618,666,622
- Can Tho Fertilizer and Chemicals JSC	43,044,894	588,132,332
- DAP - VINACHEM JSC	110,329,266	30,534,290
Financial income - Dividend received	-	56,642,040,000
- VINA Plasticizer Chemical Co., Ltd	-	56,642,040,000
Selling expenses	80,000,000	-
- Center for Scientific and Technological Chemical Information	80,000,000	-
Other income	34,440,000	-
- Can Tho Fertilizer and Chemicals JSC	5,040,000	-
- Ninh Binh Nitrogenous Fertilizer Co., Ltd	29,400,000	-
Dividends distribution	15,579,406,500	12,463,525,200
- Vietnam National Chemical Group	15,579,406,500	12,463,525,200

Position	Remuneration	
	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Remuneration of key management persons		
- Mr. Nguyen Van Quy Chairman	120,000,000	82,000,000
- Mr. Do Van Tuan Member of the BOD <i>(Appointed on 19/04/2024)</i> General Director <i>(Appointed on 04/09/2024)</i>	686,668,000	592,239,000
- Mr. Dang Tan Thanh Member of the BOD <i>(Resigned on 19/04/2024)</i> General Director <i>(Retiring on 01/09/2024)</i>	657,558,000	849,361,000
- Mr. Trinh Quoc Hung Member of the BOD Deputy General Director	715,891,000	710,248,000
- Mr. Ngo Ngoc Quang Member of the BOD	96,000,000	70,000,000
- Mr. Ha Thai Son Member of the BOD	406,322,000	405,358,000
- Mr. Vu Minh Tuan Deputy General Director	625,791,000	591,320,000
- Mrs. Nguyen Thi Huong Chief accountant <i>(Appointed on 06/02/2024)</i> In charge of Accounting Department <i>(From 01/08/2023 to 05/02/2024)</i>	559,994,000	173,024,000
- Mr. Vo Anh Tuan Head of Control Department	341,065,000	330,890,000
- Mr. Pham Duc Hoai Head of Control Department <i>(Resigned on 28/04/2023)</i>	-	520,092,000
- Mrs. Nguyen Thi Thuy Duong Member of the BOS	63,000,000	38,000,000
- Mr. Tran Chau Minh Member of the BOS	517,261,000	467,603,000

In addition to the above related parties' transactions, other related parties did not have any transactions during the year and have no balance at the end of the fiscal year with the Company.

41 . COMPARATIVE FIGURES

The comparative figures are figures in the Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2023, which was audited by AASC Auditing Firm Company Limited.

Ho Chi Minh City, 03 March 2025

<p>Preparer</p>  <p>Tran Thi Nga</p>	<p>Chief Accountant</p>  <p>Nguyen Thi Huong</p>	<p>General Director</p>  <p>Do Van Tuan</p>
---	---	--



ANNUAL REPORT 2024

THE SOUTHERN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

CONFIRMATION OF THE LEGAL REPRESENTATIVE

General Director



Do Van Tuan